PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2014/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2014*

THÔNG TƯ
Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Bình

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH QUẢNG BÌNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BTNMT ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Bình được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Bình được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa;

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội;

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường", TT. là chữ viết tắt của "thị trấn";

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố", H. là chữ viết tắt của "huyện";

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối";

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH QUẢNG BÌNH

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Bình gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Đồng Hới	
2	Huyện Bố Trạch	
3	Huyện Lệ Thủy	
4	Huyện Minh Hóa	
5	Huyện Quảng Ninh	
6	Huyện Quảng Trạch	
7	Huyện Tuyên Hóa	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 1	DC	P. Bắc Lý	TP. Đồng Hới	17° 28' 21"	106° 34' 57"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Bắc Lý	TP. Đồng Hới	17° 28' 15"	106° 35' 24"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Bắc Lý	TP. Đồng Hới	17° 28' 30"	106° 35' 26"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Bắc Lý	TP. Đồng Hới	17° 28' 35"	106° 35' 25"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Bắc Lý	TP. Đồng Hới	17° 28' 24"	106° 35' 14"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Bắc Lý	TP. Đồng Hới	17° 28' 54"	106° 34' 39"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Bắc Lý	TP. Đồng Hới	17° 29' 00"	106° 34' 56"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Bắc Lý	TP. Đồng Hới	17° 29' 13"	106° 35' 16"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Bắc Lý	TP. Đồng Hới	17° 28' 47"	106° 35' 27"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Bắc Lý	TP. Đồng Hới	17° 28' 32"	106° 35' 35"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Bắc Lý	TP. Đồng Hới	17° 29' 02"	106° 35' 43"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Bắc Lý	TP. Đồng Hới	17° 29' 09"	106° 35' 50"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 13	DC	P. Bắc Lý	TP. Đồng Hới	17° 29' 09"	106° 35' 57"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 14	DC	P. Bắc Lý	TP. Đồng Hới	17° 29' 13"	106° 35' 53"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 15	DC	P. Bắc Lý	TP. Đồng Hới	17° 28' 57"	106° 36' 06"					E-48-70-A-a
đường Hà Huy Tập	KX	P. Bắc Lý	TP. Đồng Hới			17° 29' 22"	106° 35' 54"	17° 26' 46"	106° 35' 07"	E-48-70-A-a
đường Hữu Nghị	KX	P. Bắc Lý	TP. Đồng Hới			17° 29' 08"	106° 36' 07"	17° 28' 04"	106° 36' 08"	E-48-70-A-a
đường Lý Thánh Tông	KX	P. Bắc Lý	TP. Đồng Hới			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-70-A-a
đường Lý Thường Kiệt	KX	P. Bắc Lý	TP. Đồng Hới			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-70-A-a
kênh N1	TV	P. Bắc Lý	TP. Đồng Hới			17° 27' 36"	106° 33' 12"	17° 29' 22"	106° 35' 05"	E-48-70-A-a
đường Phan Đình Phùng	KX	P. Bắc Lý	TP. Đồng Hới			17° 28' 33"	106° 38' 02"	17° 29' 10"	106° 32' 17"	E-48-70-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Bắc Nghĩa	TP. Đồng Hới	17° 26' 25"	106° 35' 58"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Bắc Nghĩa	TP. Đồng Hới	17° 26' 36"	106° 35' 50"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Bắc Nghĩa	TP. Đồng Hới	17° 26' 47"	106° 35' 41"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Bắc Nghĩa	TP. Đồng Hới	17° 26' 47"	106° 35' 41"					E-48-70-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 5	DC	P. Bắc Nghĩa	TP. Đồng Hới	17° 26' 46"	106° 35' 18"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Bắc Nghĩa	TP. Đồng Hới	17° 27' 05"	106° 35' 08"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Bắc Nghĩa	TP. Đồng Hới	17° 27' 09"	106° 35' 30"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Bắc Nghĩa	TP. Đồng Hới	17° 27' 23"	106° 35' 35"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Bắc Nghĩa	TP. Đồng Hới	17° 27' 29"	106° 35' 33"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Bắc Nghĩa	TP. Đồng Hới	17° 27' 28"	106° 35' 20"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Bắc Nghĩa	TP. Đồng Hới	17° 27' 22"	106° 35' 00"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Bắc Nghĩa	TP. Đồng Hới	17° 27' 58"	106° 34' 49"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 13	DC	P. Bắc Nghĩa	TP. Đồng Hới	17° 27' 31"	106° 34' 44"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 14	DC	P. Bắc Nghĩa	TP. Đồng Hới	17° 27' 24"	106° 34' 33"					E-48-70-A-a
hồ Bàu Rèng	TV	P. Bắc Nghĩa	TP. Đồng Hới	17° 27' 51"	106° 34' 48"					E-48-70-A-a
đường Hà Huy Tập	KX	P. Bắc Nghĩa	TP. Đồng Hới			17° 29' 22"	106° 35' 54"	17° 26' 46"	106° 35' 07"	E-48-70-A-a
đường Lý Thái Tổ	KX	P. Bắc Nghĩa	TP. Đồng Hới			17° 27' 54"	106° 37' 20"	17° 27' 04"	106° 34' 09"	E-48-70-A-a
sông Mỹ Cương	TV	P. Bắc Nghĩa	TP. Đồng Hới			17° 27' 57"	106° 33' 00"	17° 25' 35"	106° 37' 03"	E-48-70-A-a
kênh N1	TV	P. Bắc Nghĩa	TP. Đồng Hới			17° 27' 36"	106° 33' 12"	17° 29' 22"	106° 35' 05"	E-48-70-A-a
cầu Phú Vinh	KX	P. Bắc Nghĩa	TP. Đồng Hới	17° 27' 09"	106° 35' 05"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Đồng Mỹ	TP. Đồng Hới	17° 28' 47"	106° 37' 09"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Đồng Mỹ	TP. Đồng Hới	17° 28' 47"	106° 37' 16"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Đồng Mỹ	TP. Đồng Hới	17° 28' 44"	106° 37' 09"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Đồng Mỹ	TP. Đồng Hới	17° 28' 41"	106° 37' 09"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Đồng Mỹ	TP. Đồng Hới	17° 28' 37"	106° 37' 10"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Đồng Mỹ	TP. Đồng Hới	17° 28' 35"	106° 37' 13"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Đồng Mỹ	TP. Đồng Hới	17° 28' 24"	106° 37' 17"					E-48-70-A-a
đường Lý Thường Kiệt	KX	P. Đồng Mỹ	TP. Đồng Hới			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-70-A-a
đường đô thị Dương Văn An	KX	P. Đồng Mỹ	TP. Đồng Hới			17° 28' 38"	106° 37' 08"	17° 28' 38"	106° 37' 17"	E-48-70-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường đô thị Hồ Xuân Hương	KX	P. Đồng Mỹ	TP. Đồng Hới			17° 28' 20"	106° 37' 16"	17° 28' 49"	106° 37' 12"	E-48-70-A-a
đường Lê Quý Đôn	KX	P. Đồng Mỹ	TP. Đồng Hới			17° 28' 42"	106° 37' 19"	17° 28' 38"	106° 36' 07"	E-48-70-A-a
đường Nguyễn Du	KX	P. Đồng Mỹ	TP. Đồng Hới			17° 27' 39"	106° 37' 26"	17° 32' 01"	106° 33' 22"	E-48-70-A-a
sông Nhật Lệ	TV	P. Đồng Mỹ	TP. Đồng Hới			17° 20' 59"	106° 38' 16"	17° 29' 16"	106° 37' 40"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-a
đường đô thị Phan Bội Châu	KX	P. Đồng Mỹ	TP. Đồng Hới			17° 28' 52"	106° 37' 03"	17° 28' 46"	106° 37' 21"	E-48-70-A-a
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Đồng Mỹ	TP. Đồng Hới			17° 28' 33"	106° 38' 02"	17° 29' 10"	106° 32' 17"	E-48-70-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Đồng Phú	TP. Đồng Hới	17° 28' 12"	106° 36' 58"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Đồng Phú	TP. Đồng Hới	17° 28' 12"	106° 36' 48"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Đồng Phú	TP. Đồng Hới	17° 28' 19"	106° 36' 53"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Đồng Phú	TP. Đồng Hới	17° 28' 31"	106° 37' 00"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Đồng Phú	TP. Đồng Hới	17° 28' 19"	106° 37' 08"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Đồng Phú	TP. Đồng Hới	17° 28' 27"	106° 37' 05"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Đồng Phú	TP. Đồng Hới	17° 28' 33"	106° 37' 04"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Đồng Phú	TP. Đồng Hới	17° 28' 42"	106° 37' 03"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Đồng Phú	TP. Đồng Hới	17° 28' 45"	106° 37' 00"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Đồng Phú	TP. Đồng Hới	17° 28' 51"	106° 36' 55"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Đồng Phú	TP. Đồng Hới	17° 28' 59"	106° 36' 37"					E-48-70-A-a
đường Lý Thường Kiệt	KX	P. Đồng Phú	TP. Đồng Hới			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-70-A-a
đường đô thị Bà Triệu	KX	P. Đồng Phú	TP. Đồng Hới			17° 28' 16"	106° 36' 59"	17° 28' 51"	106° 37' 04"	E-48-70-A-a
đường đô thị Hai Bà Trưng	KX	P. Đồng Phú	TP. Đồng Hới			17° 28' 15"	106° 36' 55"	17° 28' 53"	106° 37' 01"	E-48-70-A-a
đường đô thị Nguyễn Hữu Cảnh	KX	P. Đồng Phú	TP. Đồng Hới			17° 28' 13"	106° 36' 42"	17° 27' 45"	106° 37' 22"	E-48-70-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Đồng Phú	TP. Đồng Hới			17° 28' 33"	106° 38' 02"	17° 29' 10"	106° 32' 17"	E-48-70-A-a
đường Trần Quang Khải	KX	P. Đồng Phú	TP. Đồng Hới			17° 28' 42"	106° 37' 19"	17° 28' 38"	106° 36' 07"	E-48-70-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Đồng Sơn	TP. Đồng Hới	17° 26' 41"	106° 35' 16"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Đồng Sơn	TP. Đồng Hới	17° 26' 45"	106° 35' 04"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Đồng Sơn	TP. Đồng Hới	17° 26' 52"	106° 35' 00"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Đồng Sơn	TP. Đồng Hới	17° 27' 01"	106° 34' 55"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Đồng Sơn	TP. Đồng Hới	17° 27' 05"	106° 34' 32"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Đồng Sơn	TP. Đồng Hới	17° 27' 04"	106° 34' 15"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Đồng Sơn	TP. Đồng Hới	17° 26' 54"	106° 34' 21"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Đồng Sơn	TP. Đồng Hới	17° 26' 44"	106° 34' 44"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Đồng Sơn	TP. Đồng Hới	17° 26' 28"	106° 34' 30"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Đồng Sơn	TP. Đồng Hới	17° 27' 11"	106° 33' 55"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Đồng Sơn	TP. Đồng Hới	17° 27' 25"	106° 34' 06"					E-48-70-A-a
quốc lộ 15	KX	P. Đồng Sơn	TP. Đồng Hới			18° 01' 47"	105° 51' 29"	17° 13' 46"	106° 41' 53"	E-48-70-A-a
tổ dân phố Cồn Chùa	DC	P. Đồng Sơn	TP. Đồng Hới	17° 27' 15"	106° 33' 37"					E-48-70-A-a
hồ Công Viên	TV	P. Đồng Sơn	TP. Đồng Hới	17° 26' 54"	106° 35' 04"					E-48-70-A-a
đường Hà Huy Tập	KX	P. Đồng Sơn	TP. Đồng Hới			17° 29' 22"	106° 35' 54"	17° 26' 46"	106° 35' 07"	E-48-70-A-a
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Đông	KX	P. Đồng Sơn	TP. Đồng Hới			17° 39' 50"	106° 14' 59"	17° 03' 06"	106° 52' 12"	E-48-70-A-a
khe Lồ Ô	TV	P. Đồng Sơn	TP. Đồng Hới			17° 23' 35"	106° 32' 23"	17° 25' 59"	106° 34' 11"	E-48-70-A-a
đường Lý Thái Tổ	KX	P. Đồng Sơn	TP. Đồng Hới			17° 27' 54"	106° 37' 20"	17° 27' 04"	106° 34' 09"	E-48-70-A-a
sông Mỹ Cương	TV	P. Đồng Sơn	TP. Đồng Hới			17° 27' 57"	106° 33' 00"	17° 25' 35"	106° 37' 03"	E-48-70-A-a
kênh N1	TV	P. Đồng Sơn	TP. Đồng Hới			17° 27' 36"	106° 33' 12"	17° 29' 22"	106° 35' 05"	E-48-70-A-a
Tổ dân phố Trạng	DC	P. Đồng Sơn	TP. Đồng Hới	17° 25' 54"	106° 33' 28"					E-48-70-A-a
tổ dân phố Bình Phúc	DC	P. Đức Ninh Đông	TP. Đồng Hới	17° 27' 02"	106° 37' 12"					E-48-70-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Diêm Bắc 1	DC	P. Đức Ninh Đông	TP. Đồng Hới	17° 27' 11"	106° 36' 57"					E-48-70-A-a
tổ dân phố Diêm Bắc 2	DC	P. Đức Ninh Đông	TP. Đồng Hới	17° 27' 25"	106° 37' 02"					E-48-70-A-a
tổ dân phố Diêm Hạ	DC	P. Đức Ninh Đông	TP. Đồng Hới	17° 27' 32"	106° 36' 44"					E-48-70-A-a
tổ dân phố Diêm Nam	DC	P. Đức Ninh Đông	TP. Đồng Hới	17° 27' 29"	106° 36' 57"					E-48-70-A-a
tổ dân phố Diêm Tân	DC	P. Đức Ninh Đông	TP. Đồng Hới	17° 27' 15"	106° 36' 37"					E-48-70-A-a
tổ dân phố Diêm Thượng	DC	P. Đức Ninh Đông	TP. Đồng Hới	17° 27' 34"	106° 36' 35"					E-48-70-A-a
tổ dân phố Diêm Trung	DC	P. Đức Ninh Đông	TP. Đồng Hới	17° 27' 24"	106° 36' 52"					E-48-70-A-a
tổ dân phố Đức Trường	DC	P. Đức Ninh Đông	TP. Đồng Hới	17° 27' 14"	106° 36' 42"					E-48-70-A-a
đường Lê Lợi	KX	P. Đức Ninh Đông	TP. Đồng Hới			17° 27' 54"	106° 37' 20"	17° 27' 04"	106° 34' 09"	E-48-70-A-a
sông Luỹ Thầy	TV	P. Đức Ninh Đông	TP. Đồng Hới			17° 25' 32"	106° 35' 45"	17° 27' 48"	106° 37' 35"	E-48-70-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Hải Đình	TP. Đồng Hới	17° 27' 48"	106° 37' 26"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Hải Đình	TP. Đồng Hới	17° 28' 05"	106° 37' 22"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Hải Đình	TP. Đồng Hới	17° 28' 07"	106° 37' 12"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Hải Đình	TP. Đồng Hới	17° 27' 43"	106° 37' 18"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Hải Đình	TP. Đồng Hới	17° 27' 36"	106° 37' 20"					E-48-70-A-a
đường Hùng Vương	KX	P. Hải Đình	TP. Đồng Hới			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-70-A-a
đường Quang Trung	KX	P. Hải Đình	TP. Đồng Hới			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-70-A-a
Cầu Dài	KX	P. Hải Đình	TP. Đồng Hới	17° 27' 37"	106° 37' 27"					E-48-70-A-a
đường Hương Giang	KX	P. Hải Đình	TP. Đồng Hới			17° 27' 39"	106° 37' 26"	17° 32' 01"	106° 33' 22"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-a
đường đô thị Lê Duẩn	KX	P. Hải Đình	TP. Đồng Hới			17° 28' 06"	106° 37' 13"	17° 28' 08"	106° 37' 25"	E-48-70-A-a
đường Lê Lợi	KX	P. Hải Đình	TP. Đồng Hới			17° 27' 54"	106° 37' 20"	17° 27' 04"	106° 34' 09"	E-48-70-A-a
đường đô thị Lê Trực	KX	P. Hải Đình	TP. Đồng Hới			17° 27' 56"	106° 37' 19"	17° 27' 59"	106° 37' 30"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Lũy Thầy	TV	P. Hải Đình	TP. Đồng Hới			17° 25' 32"	106° 35' 45"	17° 27' 48"	106° 37' 35"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-a
đường đô thị Mẹ Suốt	KX	P. Hải Đình	TP. Đồng Hới			17° 27' 52"	106° 37' 22"	17° 27' 55"	106° 37' 31"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-a
đường đô thị Nguyễn Hữu Cảnh	KX	P. Hải Đình	TP. Đồng Hới			17° 28' 13"	106° 36' 42"	17° 27' 45"	106° 37' 22"	E-48-70-A-a
đường đô thị Nguyễn Thị Minh Khai	KX	P. Hải Đình	TP. Đồng Hới			17° 28' 13"	106° 37' 16"	17° 28' 11"	106° 37' 06"	E-48-70-A-a
sông Nhật Lệ	TV	P. Hải Đình	TP. Đồng Hới			17° 20' 59"	106° 38' 16"	17° 29' 16"	106° 37' 40"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-a
Di tích lịch sử Thành Đồng Hới	KX	P. Hải Đình	TP. Đồng Hới	17° 28' 09"	106° 37' 14"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Hải Thành	TP. Đồng Hới	17° 29' 02"	106° 37' 07"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 2	DC	P. Hải Thành	TP. Đồng Hới	17° 28' 55"	106° 37' 13"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Hải Thành	TP. Đồng Hới	17° 28' 52"	106° 37' 18"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Hải Thành	TP. Đồng Hới	17° 28' 58"	106° 37' 20"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Hải Thành	TP. Đồng Hới	17° 29' 12"	106° 37' 15"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Hải Thành	TP. Đồng Hới	17° 29' 15"	106° 37' 22"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Hải Thành	TP. Đồng Hới	17° 29' 10"	106° 37' 28"					E-48-70-A-a
hồ Bàu Tró	TV	P. Hải Thành	TP. Đồng Hới	17° 29' 39"	106° 37' 11"					E-48-70-A-a
cửa Nhật Lệ	TV	P. Hải Thành	TP. Đồng Hới	17° 29' 16"	106° 37' 41"					E-48-70-A-b
sông Nhật Lệ	TV	P. Hải Thành	TP. Đồng Hới			17° 20' 59"	106° 38' 16"	17° 29' 16"	106° 37' 40"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-a
đường Trương Pháp	KX	P. Hải Thành	TP. Đồng Hới			17° 27' 39"	106° 37' 26"	17° 32' 01"	106° 33' 22"	E-48-58-C-c, E-48-70-A-b, E-48-70-A-a
tổ dân phố 1	DC	P. Nam Lý	TP. Đồng Hới	17° 27' 41"	106° 36' 22"					E-48-70-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 2	DC	P. Nam Lý	TP. Đồng Hới	17° 27' 54"	106° 36' 05"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 3	DC	P. Nam Lý	TP. Đồng Hới	17° 27' 55"	106° 35' 45"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 4	DC	P. Nam Lý	TP. Đồng Hới	17° 28' 11"	106° 35' 52"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 5	DC	P. Nam Lý	TP. Đồng Hới	17° 28' 09"	106° 35' 38"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 6	DC	P. Nam Lý	TP. Đồng Hới	17° 28' 00"	106° 35' 30"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 7	DC	P. Nam Lý	TP. Đồng Hới	17° 27' 41"	106° 35' 21"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 8	DC	P. Nam Lý	TP. Đồng Hới	17° 28' 08"	106° 36' 05"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 9	DC	P. Nam Lý	TP. Đồng Hới	17° 28' 19"	106° 36' 02"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 10	DC	P. Nam Lý	TP. Đồng Hới	17° 28' 27"	106° 36' 01"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 11	DC	P. Nam Lý	TP. Đồng Hới	17° 28' 12"	106° 36' 15"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 12	DC	P. Nam Lý	TP. Đồng Hới	17° 27' 49"	106° 36' 14"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 13	DC	P. Nam Lý	TP. Đồng Hới	17° 27' 51"	106° 35' 55"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 14	DC	P. Nam Lý	TP. Đồng Hới	17° 28' 39"	106° 35' 57"					E-48-70-A-a
tổ dân phố 15	DC	P. Nam Lý	TP. Đồng Hới	17° 28' 01"	106° 35' 39"					E-48-70-A-a
ga Đồng Hới	KX	P. Nam Lý	TP. Đồng Hới	17° 28' 11"	106° 35' 54"					E-48-70-A-a
đường Hà Huy Tập	KX	P. Nam Lý	TP. Đồng Hới			17° 29' 22"	106° 35' 54"	17° 26' 46"	106° 35' 07"	E-48-70-A-a
đường Hoàng Diệu	KX	P. Nam Lý	TP. Đồng Hới			17° 28' 33"	106° 38' 02"	17° 29' 10"	106° 32' 17"	E-48-70-A-a
đường Hữu Nghị	KX	P. Nam Lý	TP. Đồng Hới			17° 29' 08"	106° 36' 07"	17° 28' 04"	106° 36' 08"	E-48-70-A-a
đường Trần Quang Khải	KX	P. Nam Lý	TP. Đồng Hới			17° 28' 42"	106° 37' 19"	17° 28' 38"	106° 36' 07"	E-48-70-A-a
đường Quang Trung	KX	P. Phú Hải	TP. Đồng Hới			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-a
tổ dân phố Bắc Hồng	DC	P. Phú Hải	TP. Đồng Hới	17° 26' 27"	106° 37' 53"					E-48-70-A-b
tổ dân phố Diêm Hải	DC	P. Phú Hải	TP. Đồng Hới	17° 26' 43"	106° 37' 55"					E-48-70-A-b
sông Lũy Thầy	TV	P. Phú Hải	TP. Đồng Hới			17° 25' 32"	106° 35' 45"	17° 27' 48"	106° 37' 35"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Nam Hồng	DC	P. Phú Hải	TP. Đồng Hới	17° 26' 17"	106° 37' 53"					E-48-70-A-b
sông Nhật Lệ	TV	P. Phú Hải	TP. Đồng Hới			17° 20' 59"	106° 38' 16"	17° 29' 16"	106° 37' 40"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-a
tổ dân phố Phú Thượng	DC	P. Phú Hải	TP. Đồng Hới	17° 27' 19"	106° 37' 39"					E-48-70-A-b
đường tỉnh 569	KX	xã Bảo Ninh	TP. Đồng Hới			17° 28' 33"	106° 38' 02"	17° 14' 26"	106° 53' 03"	E-48-70-A-b
thôn Cửa Phú	DC	xã Bảo Ninh	TP. Đồng Hới	17° 25' 47"	106° 38' 35"					E-48-70-A-b
thôn Đồng Dương	DC	xã Bảo Ninh	TP. Đồng Hới	17° 28' 20"	106° 37' 52"					E-48-70-A-b
thôn Hà Dương	DC	xã Bảo Ninh	TP. Đồng Hới	17° 27' 40"	106° 38' 05"					E-48-70-A-b
thôn Hà Thôn	DC	xã Bảo Ninh	TP. Đồng Hới	17° 27' 14"	106° 38' 15"					E-48-70-A-b
thôn Hà Trung	DC	xã Bảo Ninh	TP. Đồng Hới	17° 26' 24"	106° 38' 21"					E-48-70-A-b
thôn Mỹ Cảnh	DC	xã Bảo Ninh	TP. Đồng Hới	17° 28' 34"	106° 37' 44"					E-48-70-A-b
cửa Nhật Lệ	TV	xã Bảo Ninh	TP. Đồng Hới	17° 29' 16"	106° 37' 41"					E-48-70-A-b
sông Nhật Lệ	TV	xã Bảo Ninh	TP. Đồng Hới			17° 20' 59"	106° 38' 16"	17° 29' 16"	106° 37' 40"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-a
thôn Sa Động	DC	xã Bảo Ninh	TP. Đồng Hới	17° 28' 12"	106° 37' 53"					E-48-70-A-b
đường Trần Hưng Đạo	KX	xã Bảo Ninh	TP. Đồng Hới			17° 28' 33"	106° 38' 02"	17° 29' 10"	106° 32' 17"	E-48-70-A-b
thôn Trung Bính	DC	xã Bảo Ninh	TP. Đồng Hới	17° 28' 03"	106° 37' 55"					E-48-70-A-b
thôn Diêm Sơn	DC	xã Đức Ninh	TP. Đồng Hới	17° 27' 14"	106° 36' 07"					E-48-70-A-a
thôn Đức Điền	DC	xã Đức Ninh	TP. Đồng Hới	17° 26' 48"	106° 36' 30"					E-48-70-A-a
thôn Đức Giang	DC	xã Đức Ninh	TP. Đồng Hới	17° 26' 30"	106° 36' 21"					E-48-70-A-a
thôn Đức Hoa	DC	xã Đức Ninh	TP. Đồng Hới	17° 26' 25"	106° 36' 33"					E-48-70-A-a
thôn Đức Môn	DC	xã Đức Ninh	TP. Đồng Hới	17° 26' 14"	106° 36' 26"					E-48-70-A-a
thôn Đức Phong	DC	xã Đức Ninh	TP. Đồng Hới	17° 26' 36"	106° 36' 34"					E-48-70-A-a
thôn Đức Sơn	DC	xã Đức Ninh	TP. Đồng Hới	17° 26' 58"	106° 36' 24"					E-48-70-A-a
thôn Đức Thị	DC	xã Đức Ninh	TP. Đồng Hới	17° 26' 37"	106° 36' 13"					E-48-70-A-a
thôn Đức Thủy	DC	xã Đức Ninh	TP. Đồng Hới	17° 26' 31"	106° 36' 43"					E-48-70-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Giao Tế	DC	xã Đức Ninh	TP. Đồng Hới	17° 26' 43"	106° 36' 51"					E-48-70-A-a
đường Lê Lợi	KX	xã Đức Ninh	TP. Đồng Hới			17° 27' 54"	106° 37' 20"	17° 27' 04"	106° 34' 09"	E-48-70-A-a
sông Lũy Thầy	TV	xã Đức Ninh	TP. Đồng Hới			17° 25' 32"	106° 35' 45"	17° 27' 48"	106° 37' 35"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-a
sông Mỹ Cương	TV	xã Đức Ninh	TP. Đồng Hới			17° 27' 57"	106° 33' 00"	17° 25' 35"	106° 37' 03"	E-48-70-A-a
thôn Tân Sơn	DC	xã Đức Ninh	TP. Đồng Hới	17° 27' 06"	106° 36' 03"					E-48-70-A-a
thôn 1	DC	xã Lộc Ninh	TP. Đồng Hới	17° 29' 42"	106° 35' 25"					E-48-70-A-a
thôn 2	DC	xã Lộc Ninh	TP. Đồng Hới	17° 29' 51"	106° 35' 23"					E-48-70-A-a
thôn 3	DC	xã Lộc Ninh	TP. Đồng Hới	17° 29' 48"	106° 35' 30"					E-48-70-A-a
thôn 4	DC	xã Lộc Ninh	TP. Đồng Hới	17° 29' 59"	106° 35' 34"					E-48-70-A-a
thôn 5	DC	xã Lộc Ninh	TP. Đồng Hới	17° 30' 03"	106° 35' 17"					E-48-58-C-c
thôn 6	DC	xã Lộc Ninh	TP. Đồng Hới	17° 30' 17"	106° 35' 16"					E-48-58-C-c
thôn 7	DC	xã Lộc Ninh	TP. Đồng Hới	17° 29' 37"	106° 35' 41"					E-48-70-A-a
thôn 8	DC	xã Lộc Ninh	TP. Đồng Hới	17° 30' 13"	106° 35' 53"					E-48-58-C-c
thôn 9	DC	xã Lộc Ninh	TP. Đồng Hới	17° 30' 22"	106° 35' 45"					E-48-58-C-c
thôn 10	DC	xã Lộc Ninh	TP. Đồng Hới	17° 30' 16"	106° 36' 03"					E-48-58-C-c
thôn 11	DC	xã Lộc Ninh	TP. Đồng Hới	17° 30' 18"	106° 36' 14"					E-48-58-C-c
thôn 12	DC	xã Lộc Ninh	TP. Đồng Hới	17° 30' 30"	106° 35' 50"					E-48-58-C-c
thôn 13	DC	xã Lộc Ninh	TP. Đồng Hới	17° 30' 34"	106° 35' 19"					E-48-58-C-c
thôn 14	DC	xã Lộc Ninh	TP. Đồng Hới	17° 30' 24"	106° 35' 42"					E-48-58-C-c
thôn 15	DC	xã Lộc Ninh	TP. Đồng Hới	17° 30' 31"	106° 35' 18"					E-48-58-C-c
thôn 16	DC	xã Lộc Ninh	TP. Đồng Hới	17° 30' 43"	106° 35' 03"					E-48-58-C-c
đường Lê Thánh Tông	KX	xã Lộc Ninh	TP. Đồng Hới			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-58-C-c, E-48-70-A-a
Bàu Chùa	TV	xã Lộc Ninh	TP. Đồng Hới	17° 31' 02"	106° 35' 51"					E-48-58-C-c
Bàu Cúi	TV	xã Lộc Ninh	TP. Đồng Hới	17° 29' 34"	106° 34' 30"					E-48-70-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Bàu Me	TV	xã Lộc Ninh	TP. Đồng Hới	17° 30' 11"	106° 35' 44"					E-48-58-C-c
thôn 1	DC	xã Nghĩa Ninh	TP. Đồng Hới	17° 25' 49"	106° 35' 38"					E-48-70-A-a
thôn 2	DC	xã Nghĩa Ninh	TP. Đồng Hới	17° 26' 06"	106° 35' 54"					E-48-70-A-a
thôn 3	DC	xã Nghĩa Ninh	TP. Đồng Hới	17° 26' 15"	106° 35' 48"					E-48-70-A-a
thôn 4	DC	xã Nghĩa Ninh	TP. Đồng Hới	17° 26' 22"	106° 35' 36"					E-48-70-A-a
thôn 5	DC	xã Nghĩa Ninh	TP. Đồng Hới	17° 25' 58"	106° 35' 12"					E-48-70-A-a
thôn 6	DC	xã Nghĩa Ninh	TP. Đồng Hới	17° 26' 09"	106° 34' 56"					E-48-70-A-a
thôn 7	DC	xã Nghĩa Ninh	TP. Đồng Hới	17° 26' 13"	106° 34' 41"					E-48-70-A-a
thôn 8	DC	xã Nghĩa Ninh	TP. Đồng Hới	17° 25' 39"	106° 35' 15"					E-48-70-A-a
thôn 9	DC	xã Nghĩa Ninh	TP. Đồng Hới	17° 26' 33"	106° 34' 46"					E-48-70-A-a
đập Ba Đa	KX	xã Nghĩa Ninh	TP. Đồng Hới	17° 25' 53"	106° 34' 47"					E-48-70-A-a
Khe Cự	TV	xã Nghĩa Ninh	TP. Đồng Hới			17° 24' 53"	106° 35' 26"	17° 25' 32"	106° 35' 45"	E-48-70-A-a
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Đông	KX	xã Nghĩa Ninh	TP. Đồng Hới			17° 39' 50"	106° 14' 59"	17° 03' 06"	106° 52' 12"	E-48-70-A-a
khe Lồ Ô	TV	xã Nghĩa Ninh	TP. Đồng Hới			17° 23' 35"	106° 32' 23"	17° 25' 59"	106° 34' 11"	E-48-70-A-a
sông Lũy Thầy	TV	xã Nghĩa Ninh	TP. Đồng Hới			17° 25' 32"	106° 35' 45"	17° 27' 48"	106° 37' 35"	E-48-70-A-a
sông Mỹ Cương	TV	xã Nghĩa Ninh	TP. Đồng Hới			17° 27' 57"	106° 33' 00"	17° 25' 35"	106° 37' 03"	E-48-70-A-a
thôn Bắc Phú	DC	xã Quang Phú	TP. Đồng Hới	17° 31' 09"	106° 36' 15"					E-48-58-C-c
thôn Đông Phú	DC	xã Quang Phú	TP. Đồng Hới	17° 31' 03"	106° 36' 13"					E-48-58-C-c
thôn Nam Phú	DC	xã Quang Phú	TP. Đồng Hới	17° 30' 49"	106° 36' 12"					E-48-58-C-c
thôn Tân Phú	DC	xã Quang Phú	TP. Đồng Hới	17° 30' 43"	106° 36' 38"					E-48-58-C-c
thôn Tây Phú	DC	xã Quang Phú	TP. Đồng Hới	17° 30' 58"	106° 36' 15"					E-48-58-C-c
đường Trương Pháp	KX	xã Quang Phú	TP. Đồng Hới			17° 27' 39"	106° 37' 26"	17° 32' 01"	106° 33' 22"	E-48-58-C-c, E-48-70-A-a
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Đông	KX	xã Thuận Đức	TP. Đồng Hới			17° 39' 50"	106° 14' 59"	17° 03' 06"	106° 52' 12"	E-48-70-A-c, E-48-70-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Mỹ Cương	TV	xã Thuận Đức	TP. Đồng Hới			17° 27' 57"	106° 33' 00"	17° 25' 35"	106° 37' 03"	E-48-70-A-a
kênh N1	TV	xã Thuận Đức	TP. Đồng Hới			17° 27' 36"	106° 33' 12"	17° 29' 22"	106° 35' 05"	E-48-70-A-a
đường Phan Đình Phùng	KX	xã Thuận Đức	TP. Đồng Hới			17° 28' 33"	106° 38' 02"	17° 29' 10"	106° 32' 17"	E-48-70-A-a
đập Phú Vinh	KX	xã Thuận Đức	TP. Đồng Hới	17° 27' 46"	106° 33' 06"					E-48-70-A-a
hồ Phú Vinh	TV	xã Thuận Đức	TP. Đồng Hới	17° 27' 31"	106° 32' 52"					E-48-70-A-a
thôn Thuận Hà	DC	xã Thuận Đức	TP. Đồng Hới	17° 27' 50"	106° 33' 22"					E-48-70-A-a
thôn Thuận Hòa	DC	xã Thuận Đức	TP. Đồng Hới	17° 29' 10"	106° 32' 59"					E-48-70-A-a
thôn Thuận Ninh	DC	xã Thuận Đức	TP. Đồng Hới	17° 28' 42"	106° 33' 07"					E-48-70-A-a
thôn Thuận Phong	DC	xã Thuận Đức	TP. Đồng Hới	17° 28' 12"	106° 33' 18"					E-48-70-A-a
thôn Thuận Phước	DC	xã Thuận Đức	TP. Đồng Hới	17° 28' 54"	106° 32' 48"					E-48-70-A-a
thôn Thuận Vinh	DC	xã Thuận Đức	TP. Đồng Hới	17° 27' 46"	106° 33' 39"					E-48-70-A-a
khe Thủy Văn	TV	xã Thuận Đức	TP. Đồng Hới			17° 22' 23"	106° 30' 09"	17° 26' 27"	106° 31' 55"	E-48-70-A-c, E-48-70-A-a
cầu Trùng Trương	KX	xã Thuận Đức	TP. Đồng Hới	17° 28' 22"	106° 33' 45"					E-48-70-A-a
tiểu khu 1	DC	TT. Hoàn Lão	H. Bố Trạch	17° 34' 52"	106° 32' 08"					E-48-58-C-c
tiểu khu 2	DC	TT. Hoàn Lão	H. Bố Trạch	17° 34' 44"	106° 31' 53"					E-48-58-C-c
tiểu khu 3	DC	TT. Hoàn Lão	H. Bố Trạch	17° 35' 06"	106° 31' 52"					E-48-58-C-c
tiểu khu 4	DC	TT. Hoàn Lão	H. Bố Trạch	17° 34' 49"	106° 31' 27"					E-48-58-C-c
tiểu khu 5	DC	TT. Hoàn Lão	H. Bố Trạch	17° 35' 10"	106° 31' 19"					E-48-58-C-c
tiểu khu 6	DC	TT. Hoàn Lão	H. Bố Trạch	17° 35' 12"	106° 31' 01"					E-48-58-C-c
tiểu khu 7	DC	TT. Hoàn Lão	H. Bố Trạch	17° 35' 17"	106° 30' 59"					E-48-58-C-c
tiểu khu 8	DC	TT. Hoàn Lão	H. Bố Trạch	17° 36' 08"	106° 31' 50"					E-48-58-C-c
tiểu khu 9	DC	TT. Hoàn Lão	H. Bố Trạch	17° 35' 22"	106° 31' 17"					E-48-58-C-c
tiểu khu 10	DC	TT. Hoàn Lão	H. Bố Trạch	17° 35' 18"	106° 31' 49"					E-48-58-C-c
tiểu khu 11	DC	TT. Hoàn Lão	H. Bố Trạch	17° 35' 10"	106° 32' 03"					E-48-58-C-c
tiểu khu 12	DC	TT. Hoàn Lão	H. Bố Trạch	17° 35' 02"	106° 32' 07"					E-48-58-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 1A	KX	TT. Hoàn Lão	H. Bố Trạch			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-58-C-c
đường tỉnh 561	KX	TT. Hoàn Lão	H. Bố Trạch			17° 37' 53"	106° 25' 42"	17° 37' 47"	106° 25' 57"	E-48-58-C-c
Khe Chùa	TV	TT. Hoàn Lão	H. Bố Trạch			17° 31' 52"	106° 29' 39"	17° 33' 35"	106° 27' 45"	E-48-58-C-c
ga Hoàn Lão	KX	TT. Hoàn Lão	H. Bố Trạch	17° 34' 40"	106° 31' 11"					E-48-58-C-c
sông Rào Hiểm	TV	TT. Hoàn Lão	H. Bố Trạch			17° 33' 35"	106° 27' 45"	17° 37' 20"	106° 30' 41"	E-48-58-C-c
Bàu Ri	TV	TT. Hoàn Lão	H. Bố Trạch	17° 34' 43"	106° 32' 02"					E-48-58-C-c
tiểu khu 1	DC	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch	17° 28' 53"	106° 30' 41"					E-48-70-A-a
tiểu khu 2	DC	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch	17° 28' 41"	106° 30' 46"					E-48-70-A-a
tiểu khu 3	DC	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch	17° 28' 32"	106° 30' 33"					E-48-70-A-a
tiểu khu 4	DC	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch	17° 28' 58"	106° 31' 21"					E-48-70-A-a
tiểu khu 5	DC	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch	17° 29' 11"	106° 30' 24"					E-48-70-A-a
tiểu khu 6	DC	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch	17° 28' 51"	106° 30' 53"					E-48-70-A-a
tiểu khu 7	DC	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch	17° 29' 21"	106° 29' 54"					E-48-69-B
tiểu khu 8	DC	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch	17° 27' 30"	106° 29' 48"					E-48-69-B
tiểu khu 9	DC	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch	17° 31' 42"	106° 28' 21"					E-48-57-D-d
tiểu khu 10	DC	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch	17° 28' 33"	106° 29' 58"					E-48-69-B
đường tỉnh 563	KX	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch			17° 29' 05"	106° 31' 43"	17° 20' 06"	106° 26' 42"	E-48-70-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 566	KX	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch			17° 32' 59"	106° 32' 40"	17° 30' 39"	106° 29' 41"	E-48-57-D-d, E-48-58-C-c
bàu Cây Gạo	TV	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch	17° 31' 51"	106° 28' 17"					E-48-57-D-d
đập Đá Mài	KX	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch	17° 29' 53"	106° 30' 02"					E-48-70-A-a
kênh Đá Mài	TV	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch			17° 29' 55"	106° 30' 01"	17° 33' 01"	106° 32' 37"	E-48-58-C-c, E-48-70-A-a
Sông Dinh	TV	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch			17° 29' 22"	106° 22' 48"	17° 33' 35"	106° 34' 47"	E-48-57-D-d, E-48-58-C-c, E-48-69-B, E-48-70-A-a
tiểu khu Dũng Cảm	DC	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch	17° 31' 28"	106° 28' 46"					E-48-57-D-d
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Đông	KX	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch			17° 39' 50"	106° 14' 59"	17° 03' 06"	106° 52' 12"	E-48-57-D-d, E-48-58-C-c, E-48-70-A-a
tiểu khu Hữu Nghị	DC	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch	17° 30' 23"	106° 29' 12"					E-48-57-D-d
bản Khe Ngát	DC	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch	17° 26' 06"	106° 29' 27"					E-48-69-B
tiểu khu Quyết Tiến	DC	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch	17° 29' 06"	106° 31' 29"					E-48-70-A-a
tiểu khu Sao Vàng	DC	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch	17° 29' 51"	106° 28' 41"					E-48-69-B
hồ Thắng Lợi	TV	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch	17° 28' 17"	106° 30' 56"					E-48-70-A-a
tiểu khu Thắng Lợi	DC	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch	17° 28' 17"	106° 30' 36"					E-48-70-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tiểu khu Thống Nhất	DC	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch	17° 27' 06"	106° 29' 01"					E-48-69-B
tiểu khu Tiền Phong	DC	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch	17° 28' 07"	106° 30' 26"					E-48-70-A-a
tiểu khu Truyền Thống	DC	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch	17° 30' 22"	106° 27' 56"					E-48-57-D-d
tiểu khu Xung Kích	DC	TT. Nông trường Việt Trung	H. Bố Trạch	17° 28' 07"	106° 29' 00"					E-48-69-B
thôn 1	DC	xã Bắc Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 44"	106° 27' 44"					E-48-57-D-b
thôn 2	DC	xã Bắc Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 48"	106° 27' 33"					E-48-57-D-b
thôn 3	DC	xã Bắc Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 52"	106° 27' 20"					E-48-57-D-b
thôn 4	DC	xã Bắc Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 57"	106° 27' 09"					E-48-57-D-b
thôn 5	DC	xã Bắc Trạch	H. Bố Trạch	17° 42' 00"	106° 26' 54"					E-48-57-D-b
thôn 6	DC	xã Bắc Trạch	H. Bố Trạch	17° 42' 01"	106° 26' 34"					E-48-57-D-b
thôn 7	DC	xã Bắc Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 18"	106° 26' 35"					E-48-57-D-b
thôn 8	DC	xã Bắc Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 22"	106° 27' 00"					E-48-57-D-b
thôn 9	DC	xã Bắc Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 08"	106° 27' 42"					E-48-57-D-b
thôn 10	DC	xã Bắc Trạch	H. Bố Trạch	17° 42' 07"	106° 26' 25"					E-48-57-D-b
quốc lộ 1A	KX	xã Bắc Trạch	H. Bố Trạch			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-57-D-b
đường tỉnh 560	KX	xã Bắc Trạch	H. Bố Trạch			17° 42' 16"	106° 26' 21"	17° 37' 52"	106° 25' 41"	E-48-57-D-b
kho Cảng Xăng dầu Sông Gianh	KX	xã Bắc Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 59"	106° 28' 13"					E-48-57-D-b
đập Đồng Ran	KX	xã Bắc Trạch	H. Bố Trạch	17° 40' 37"	106° 27' 08"					E-48-57-D-b
núi Đồng Sầm	SV	xã Bắc Trạch	H. Bố Trạch	17° 40' 34"	106° 27' 41"					E-48-57-D-b
Sông Gianh	TV	xã Bắc Trạch	H. Bố Trạch			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-D-b
cầu Thanh Ba	KX	xã Bắc Trạch	H. Bố Trạch	17° 42' 50"	106° 26' 27"					E-48-57-D-b
sông Thanh Ba	TV	xã Bắc Trạch	H. Bố Trạch			17° 40' 39"	106° 27' 08"	17° 42' 13"	106° 28' 27"	E-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 15	KX	xã Cự Nẫm	H. Bố Trạch			18° 01' 47"	105° 51' 29"	17° 13' 46"	106° 41' 53"	E-48-57-D-b
đường tỉnh 560	KX	xã Cự Nẫm	H. Bố Trạch			17° 42' 16"	106° 26' 21"	17° 37' 52"	106° 25' 41"	E-48-57-D-b
đường tỉnh 561	KX	xã Cự Nẫm	H. Bố Trạch			17° 37' 53"	106° 25' 42"	17° 37' 47"	106° 25' 57"	E-48-57-D-b, E-48-57-D-d
thôn Bắc Nẫm	DC	xã Cự Nẫm	H. Bố Trạch	17° 38' 19"	106° 24' 47"					E-48-57-D-b
hồ Bàu Trạng	TV	xã Cự Nẫm	H. Bố Trạch	17° 37' 16"	106° 25' 05"					E-48-57-D-d
suối Cái Troong	TV	xã Cự Nẫm	H. Bố Trạch			17° 35' 43"	106° 25' 21"	17° 38' 11"	106° 23' 12"	E-48-57-D-d, E-48-57-D-b
hồ Cây Khế	TV	xã Cự Nẫm	H. Bố Trạch	17° 36' 44"	106° 23' 41"					E-48-57-D-d
hồ Đê Hoang	TV	xã Cự Nẫm	H. Bố Trạch	17° 37' 17"	106° 23' 14"					E-48-57-D-d
thôn Đông Nẫm	DC	xã Cự Nẫm	H. Bố Trạch	17° 37' 32"	106° 24' 28"					E-48-57-D-d
thôn Đông Sơn	DC	xã Cự Nẫm	H. Bố Trạch	17° 37' 34"	106° 23' 43"					E-48-57-D-b
núi Đường Kỳ	SV	xã Cự Nẫm	H. Bố Trạch	17° 36' 03"	106° 22' 47"					E-48-57-D-d
thôn Hà Môn	DC	xã Cự Nẫm	H. Bố Trạch	17° 38' 32"	106° 22' 58"					E-48-57-D-b
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Đông	KX	xã Cự Nẫm	H. Bố Trạch			17° 39' 50"	106° 14' 59"	17° 03' 06"	106° 52' 12"	E-48-57-D-d, E-48-57-D-b
thôn Hòa Sơn	DC	xã Cự Nẫm	H. Bố Trạch	17° 37' 28"	106° 23' 07"					E-48-57-D-d
thôn Mỹ Sơn	DC	xã Cự Nẫm	H. Bố Trạch	17° 38' 59"	106° 24' 10"					E-48-57-D-b
thôn Nam Nẫm	DC	xã Cự Nẫm	H. Bố Trạch	17° 37' 19"	106° 25' 38"					E-48-57-D-b
thôn Nguyên Sơn	DC	xã Cự Nẫm	H. Bố Trạch	17° 37' 22"	106° 22' 49"					E-48-57-D-d
thôn Sen Nẫm	DC	xã Cự Nẫm	H. Bố Trạch	17° 38' 28"	106° 24' 27"					E-48-57-D-b
Sông Son	TV	xã Cự Nẫm	H. Bố Trạch			17° 35' 28"	106° 15' 43"	17° 43' 07"	106° 26' 00"	E-48-57-D-b
thôn Tân Nẫm	DC	xã Cự Nẫm	H. Bố Trạch	17° 37' 45"	106° 25' 24"					E-48-57-D-b
thôn Tây Nẫm	DC	xã Cự Nẫm	H. Bố Trạch	17° 36' 48"	106° 24' 35"					E-48-57-D-b
núi Trà Ven	SV	xã Cự Nẫm	H. Bố Trạch	17° 40' 01"	106° 24' 00"					E-48-57-D-b
thôn Trung Nẫm	DC	xã Cự Nẫm	H. Bố Trạch	17° 38' 00"	106° 24' 37"					E-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Trung Sơn	DC	xã Cự Nẫm	H. Bố Trạch	17° 37' 31"	106° 23' 28"					E-48-57-D-b
hồ Vụng Ngạ	TV	xã Cự Nẫm	H. Bố Trạch	17° 39' 14"	106° 24' 23"					E-48-57-D-b
quốc lộ 1A	KX	xã Đại Trạch	H. Bố Trạch			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-58-C-c
đường tỉnh 566	KX	xã Đại Trạch	H. Bố Trạch			17° 32' 59"	106° 32' 40"	17° 30' 39"	106° 29' 41"	E-48-58-C-c
Bàu Biền	TV	xã Đại Trạch	H. Bố Trạch	17° 32' 16"	106° 31' 06"					E-48-58-C-c
cầu Chánh Hòa	KX	xã Đại Trạch	H. Bố Trạch	17° 32' 55"	106° 32' 43"					E-48-58-C-c
Khe Chùa	TV	xã Đại Trạch	H. Bố Trạch			17° 31' 52"	106° 29' 39"	17° 33' 35"	106° 27' 45"	E-48-58-C-c
kênh Đá Mài	TV	xã Đại Trạch	H. Bố Trạch			17° 29' 55"	106° 30' 01"	17° 33' 01"	106° 32' 37"	E-48-58-C-c
thôn Đại Nam	DC	xã Đại Trạch	H. Bố Trạch	17° 34' 06"	106° 31' 00"					E-48-58-C-c
thôn Đại Nam 1	DC	xã Đại Trạch	H. Bố Trạch	17° 32' 51"	106° 32' 14"					E-48-58-C-c
thôn Đại Nam 2	DC	xã Đại Trạch	H. Bố Trạch	17° 33' 38"	106° 31' 35"					E-48-58-C-c
Sông Dinh	TV	xã Đại Trạch	H. Bố Trạch			17° 29' 22"	106° 22' 48"	17° 33' 35"	106° 34' 47"	E-48-58-C-c
thôn Đông Bắc	DC	xã Đại Trạch	H. Bố Trạch	17° 32' 55"	106° 34' 00"					E-48-58-C-c
thôn Lý Nhân	DC	xã Đại Trạch	H. Bố Trạch	17° 33' 35"	106° 33' 14"					E-48-58-C-c
Bàu Mía	TV	xã Đại Trạch	H. Bố Trạch	17° 33' 46"	106° 33' 30"					E-48-58-C-c
ga Phúc Tự	KX	xã Đại Trạch	H. Bố Trạch	17° 33' 11"	106° 32' 26"					E-48-58-C-c
thôn Phúc Tự Đông	DC	xã Đại Trạch	H. Bố Trạch	17° 33' 08"	106° 32' 39"					E-48-58-C-c
thôn Phúc Tự Tây	DC	xã Đại Trạch	H. Bố Trạch	17° 32' 53"	106° 32' 23"					E-48-58-C-c
thôn Phương Hạ	DC	xã Đại Trạch	H. Bố Trạch	17° 32' 38"	106° 31' 54"					E-48-58-C-c
quốc lộ 1A	KX	xã Đồng Trạch	H. Bố Trạch			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-58-C-c, E-48-58-C-a
thôn 1A	DC	xã Đồng Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 28"	106° 31' 53"					E-48-58-C-c
thôn 1B	DC	xã Đồng Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 40"	106° 31' 57"					E-48-58-C-c
thôn 2	DC	xã Đồng Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 49"	106° 31' 54"					E-48-58-C-c
thôn 3	DC	xã Đồng Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 59"	106° 31' 51"					E-48-58-C-c
thôn 4	DC	xã Đồng Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 26"	106° 31' 36"					E-48-58-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 5	DC	xã Đồng Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 38"	106° 31' 26"					E-48-58-C-a
thôn 6	DC	xã Đồng Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 54"	106° 31' 12"					E-48-58-C-a
thôn 7A	DC	xã Đồng Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 07"	106° 31' 05"					E-48-58-C-a
thôn 7B	DC	xã Đồng Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 59"	106° 31' 02"					E-48-58-C-a
thôn 8	DC	xã Đồng Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 19"	106° 31' 12"					E-48-58-C-a
cầu Lý Hòa	KX	xã Đồng Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 19"	106° 31' 05"					E-48-58-C-a
sông Lý Hòa	TV	xã Đồng Trạch	H. Bố Trạch			17° 36' 58"	106° 30' 18"	17° 38' 19"	106° 31' 39"	E-48-58-C-c, E-48-58-C-a
sông Rào Hiểm	TV	xã Đồng Trạch	H. Bố Trạch			17° 33' 35"	106° 27' 45"	17° 37' 20"	106° 30' 41"	E-48-58-C-c
thôn Bàu Bàng	DC	xã Đức Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 56"	106° 32' 16"					E-48-58-C-c
thôn Đông Đức	DC	xã Đức Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 14"	106° 31' 26"					E-48-58-C-a
thôn Đức Trung	DC	xã Đức Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 16"	106° 32' 17"					E-48-58-C-c
sông Lý Hòa	TV	xã Đức Trạch	H. Bố Trạch			17° 36' 58"	106° 30' 18"	17° 38' 19"	106° 31' 39"	E-48-58-C-c, E-48-58-C-a
thôn Nam Đức	DC	xã Đức Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 35"	106° 31' 51"					E-48-58-C-c
thôn Thượng Đức	DC	xã Đức Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 18"	106° 31' 25"					E-48-58-C-a
thôn Trung Đức	DC	xã Đức Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 05"	106° 31' 30"					E-48-58-C-a
thôn 1	DC	xã Hạ Trạch	H. Bố Trạch	17° 42' 36"	106° 25' 23"					E-48-57-D-b
thôn 2	DC	xã Hạ Trạch	H. Bố Trạch	17° 42' 27"	106° 25' 32"					E-48-57-D-b
thôn 3	DC	xã Hạ Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 47"	106° 24' 48"					E-48-57-D-b
thôn 4	DC	xã Hạ Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 45"	106° 24' 59"					E-48-57-D-b
thôn 5	DC	xã Hạ Trạch	H. Bố Trạch	17° 42' 31"	106° 25' 44"					E-48-57-D-b
thôn 6	DC	xã Hạ Trạch	H. Bố Trạch	17° 42' 22"	106° 25' 51"					E-48-57-D-b
thôn 7	DC	xã Hạ Trạch	H. Bố Trạch	17° 42' 16"	106° 26' 06"					E-48-57-D-b
thôn 8	DC	xã Hạ Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 33"	106° 25' 21"					E-48-57-D-b
thôn 9	DC	xã Hạ Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 24"	106° 25' 51"					E-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 1A	KX	xã Hạ Trạch	H. Bố Trạch			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-57-D-b
đường tỉnh 560	KX	xã Hạ Trạch	H. Bố Trạch			17° 42' 16"	106° 26' 21"	17° 37' 52"	106° 25' 41"	E-48-57-D-b
thành Cao Lao Hạ	KX	xã Hạ Trạch	H. Bố Trạch	17° 42' 49"	106° 25' 04"					E-48-57-D-b
hồ Cửa Nghè	TV	xã Hạ Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 35"	106° 25' 01"					E-48-57-D-b
Cầu Gianh	KX	xã Hạ Trạch	H. Bố Trạch	17° 42' 50"	106° 26' 27"					E-48-57-D-b
Sông Gianh	TV	xã Hạ Trạch	H. Bố Trạch			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-D-b
Sông Son	TV	xã Hạ Trạch	H. Bố Trạch			17° 35' 28"	106° 15' 43"	17° 43' 07"	106° 26' 00"	E-48-57-D-b
núi Thầy Bói	SV	xã Hạ Trạch	H. Bố Trạch	17° 40' 31"	106° 25' 46"					E-48-57-D-b
hồ Vực Sanh	TV	xã Hạ Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 12"	106° 25' 50"					E-48-57-D-b
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Trạch	H. Bố Trạch			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-58-C-a
đèo Lý Hòa	SV	xã Hải Trạch	H. Bố Trạch	17° 39' 19"	106° 30' 52"					E-48-58-C-a
sông Lý Hòa	TV	xã Hải Trạch	H. Bố Trạch			17° 36' 58"	106° 30' 18"	17° 38' 19"	106° 31' 39"	E-48-58-C-a
thôn Ngoại Hòa	DC	xã Hải Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 33"	106° 31' 27"					E-48-58-C-a
thôn Nội Hải	DC	xã Hải Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 36"	106° 31' 04"					E-48-58-C-a
thôn Nội Hòa	DC	xã Hải Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 49"	106° 31' 12"					E-48-58-C-a
thôn Quốc lộ 1A	DC	xã Hải Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 27"	106° 31' 01"					E-48-58-C-a
thôn Tân Lý	DC	xã Hải Trạch	H. Bố Trạch	17° 39' 07"	106° 30' 49"					E-48-58-C-a
thôn Thượng Hòa	DC	xã Hải Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 43"	106° 31' 15"					E-48-58-C-a
thôn Trung Hòa	DC	xã Hải Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 39"	106° 31' 22"					E-48-58-C-a
đường tỉnh 566	KX	xã Hòa Trạch	H. Bố Trạch			17° 32' 59"	106° 32' 40"	17° 30' 39"	106° 29' 41"	E-48-57-D-d, E-48-58-C-c
Thôn Bàng	DC	xã Hòa Trạch	H. Bố Trạch	17° 31' 41"	106° 29' 41"					E-48-57-D-d
hồ Bàu Làng	TV	xã Hòa Trạch	H. Bố Trạch	17° 32' 08"	106° 29' 18"					E-48-57-D-d
Thôn Cà	DC	xã Hòa Trạch	H. Bố Trạch	17° 33' 31"	106° 29' 56"					E-48-57-D-d
bàu Cây Gạo	TV	xã Hòa Trạch	H. Bố Trạch	17° 31' 51"	106° 28' 17"					E-48-57-D-d
Khe Chùa	TV	xã Hòa Trạch	H. Bố Trạch			17° 31' 52"	106° 29' 39"	17° 33' 35"	106° 27' 45"	E-48-57-D-d, E-48-58-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Đá Mài	TV	xã Hòa Trạch	H. Bố Trạch			17° 29' 55"	106° 30' 01"	17° 33' 01"	106° 32' 37"	E-48-58-C-c
Thôn Dài	DC	xã Hòa Trạch	H. Bố Trạch	17° 34' 30"	106° 30' 15"					E-48-57-D-d
thôn Đồng Vụng	DC	xã Hòa Trạch	H. Bố Trạch	17° 33' 04"	106° 30' 28"					E-48-57-D-d
Thôn Hổ	DC	xã Hòa Trạch	H. Bố Trạch	17° 34' 02"	106° 30' 25"					E-48-58-C-c
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Đông	KX	xã Hòa Trạch	H. Bố Trạch			17° 39' 50"	106° 14' 59"	17° 03' 06"	106° 52' 12"	E-48-57-D-d, E-48-58-C-c
Thôn Kéc	DC	xã Hòa Trạch	H. Bố Trạch	17° 31' 51"	106° 30' 23"					E-48-58-C-c
Thôn Sen	DC	xã Hòa Trạch	H. Bố Trạch	17° 32' 28"	106° 29' 49"					E-48-57-D-d
thôn Sông Chứa	DC	xã Hòa Trạch	H. Bố Trạch	17° 33' 30"	106° 30' 39"					E-48-58-C-c
thôn 1	DC	xã Hoàn Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 30"	106° 29' 42"					E-48-57-D-d
thôn 2	DC	xã Hoàn Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 17"	106° 29' 53"					E-48-57-D-d
thôn 3	DC	xã Hoàn Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 30"	106° 29' 52"					E-48-57-D-d
thôn 4	DC	xã Hoàn Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 24"	106° 30' 04"					E-48-57-D-d
thôn 5	DC	xã Hoàn Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 21"	106° 30' 21"					E-48-58-C-c
thôn 6	DC	xã Hoàn Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 14"	106° 30' 34"					E-48-58-C-c
thôn 7	DC	xã Hoàn Trạch	H. Bố Trạch	17° 35' 59"	106° 30' 45"					E-48-58-C-c
thôn 8	DC	xã Hoàn Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 10"	106° 30' 49"					E-48-58-C-c
đường tỉnh 561	KX	xã Hoàn Trạch	H. Bố Trạch			17° 37' 53"	106° 25' 42"	17° 37' 47"	106° 25' 57"	E-48-57-D-d, E-48-58-C-c, E-48-57-D-b
sông Lý Hòa	TV	xã Hoàn Trạch	H. Bố Trạch			17° 36' 58"	106° 30' 18"	17° 38' 19"	106° 31' 39"	E-48-58-C-c
sông Rào Hiểm	TV	xã Hoàn Trạch	H. Bố Trạch			17° 33' 35"	106° 27' 45"	17° 37' 20"	106° 30' 41"	E-48-57-D-d, E-48-58-C-c
quốc lộ 15	KX	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch			18° 01' 47"	105° 51' 29"	17° 13' 46"	106° 41' 53"	E-48-57-D-c
thôn Bắc Giang	DC	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 04"	106° 20' 48"					E-48-57-D-c
thôn Bồng Lai 1	DC	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch	17° 35' 49"	106° 21' 52"					E-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bồng Lai 2	DC	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch	17° 35' 22"	106° 21' 26"					E-48-57-D-c
Ngầm Bùng	KX	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 35"	106° 21' 23"					E-48-57-D-a
Sông Bùng	TV	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch			17° 31' 17"	106° 19' 41"	17° 35' 08"	106° 20' 58"	E-48-57-D-c
thôn Đông giang	DC	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 41"	106° 20' 50"					E-48-57-D-c
hồ Đồng Suôn	TV	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 56"	106° 22' 23"					E-48-57-D-c
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Đông	KX	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch			17° 39' 50"	106° 14' 59"	17° 03' 06"	106° 52' 12"	E-48-57-D-c, E-48-57-D-d, E-48-57-D-a, E-48-57-D-b
hồ Khe Lấm	TV	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 19"	106° 20' 13"					E-48-57-D-c
thôn Khương Hà 1	DC	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 22"	106° 22' 29"					E-48-57-D-c
thôn Khương Hà 2	DC	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 25"	106° 22' 14"					E-48-57-D-c
thôn Khương Hà 3	DC	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 12"	106° 22' 04"					E-48-57-D-c
thôn Khương Hà 4	DC	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 21"	106° 21' 55"					E-48-57-D-c
thôn Khương Hà 5	DC	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 02"	106° 21' 53"					E-48-57-D-c
thôn Nam Giang	DC	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 00"	106° 20' 35"					E-48-57-D-c
sông Rào Mạ	TV	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch			17° 30' 22"	106° 22' 22"	17° 37' 38"	106° 21' 16"	E-48-57-D-c, E-48-57-D-a
Sông Son	TV	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch			17° 35' 28"	106° 15' 43"	17° 43' 07"	106° 26' 00"	E-48-57-D-c, E-48-57-D-a, E-48-57-D-b
thôn Tây Giang	DC	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 38"	106° 20' 08"					E-48-57-D-c
thôn Thanh Bình 1	DC	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 03"	106° 21' 22"					E-48-57-D-a
thôn Thanh Bình 2	DC	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 06"	106° 22' 05"					E-48-57-D-a
thôn Thanh Bình 3	DC	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 39"	106° 22' 21"					E-48-57-D-a
thôn Thanh Hưng 1	DC	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 25"	106° 20' 31"					E-48-57-D-c
thôn Thanh Hưng 2	DC	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 54"	106° 20' 49"					E-48-57-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thanh Hưng 3	DC	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 46"	106° 21' 04"					E-48-57-D-a
thôn Trung Hà	DC	xã Hưng Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 31"	106° 21' 35"					E-48-57-D-a
thôn 1	DC	xã Lâm Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 11"	106° 16' 19"					E-48-57-D-a
thôn 2	DC	xã Lâm Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 08"	106° 16' 32"					E-48-57-D-a
thôn 3	DC	xã Lâm Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 07"	106° 17' 30"					E-48-57-D-a
thôn 4	DC	xã Lâm Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 11"	106° 17' 46"					E-48-57-D-a
thôn 5	DC	xã Lâm Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 12"	106° 18' 32"					E-48-57-D-a
thôn 6	DC	xã Lâm Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 07"	106° 19' 07"					E-48-57-D-a
thôn 7	DC	xã Lâm Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 25"	106° 20' 13"					E-48-57-D-a
Khe Cái	TV	xã Lâm Trạch	H. Bố Trạch			17° 41' 11"	106° 16' 55"	17° 40' 55"	106° 19' 57"	E-48-57-D-a
khe Eo Cá	TV	xã Lâm Trạch	H. Bố Trạch			17° 40' 55"	106° 19' 57"	17° 40' 50"	106° 20' 48"	E-48-57-D-a
núi Hòn Mộc	SV	xã Lâm Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 06"	106° 20' 59"					E-48-57-D-a
núi Ba U	SV	xã Liên Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 10"	106° 23' 07"					E-48-57-D-b
núi Cột Gầu	SV	xã Liên Trạch	H. Bố Trạch	17° 40' 53"	106° 22' 05"					E-48-57-D-a
núi Đồng Nhoi	SV	xã Liên Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 06"	106° 24' 26"					E-48-57-D-b
núi Hòn Mộc	SV	xã Liên Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 06"	106° 20' 59"					E-48-57-D-a
hói Khe Đá	TV	xã Liên Trạch	H. Bố Trạch			17° 41' 11"	106° 16' 55"	17° 42' 28"	106° 22' 27"	E-48-57-D-a, E-48-57-D-b
hồ Khe Tắt	TV	xã Liên Trạch	H. Bố Trạch	17° 40' 27"	106° 24' 41"					E-48-57-D-b
thôn Liên Sơn	DC	xã Liên Trạch	H. Bố Trạch	17° 39' 14"	106° 23' 08"					E-48-57-D-b
thôn Liên Thủy	DC	xã Liên Trạch	H. Bố Trạch	17° 39' 14"	106° 22' 49"					E-48-57-D-b
cầu Ngân Sơn	KX	xã Liên Trạch	H. Bố Trạch	17° 40' 48"	106° 23' 34"					E-48-57-D-b
thôn Phú Hữu	DC	xã Liên Trạch	H. Bố Trạch	17° 40' 05"	106° 22' 56"					E-48-57-D-b
thôn Phú Kinh	DC	xã Liên Trạch	H. Bố Trạch	17° 40' 19"	106° 23' 32"					E-48-57-D-b
Sông Son	TV	xã Liên Trạch	H. Bố Trạch			17° 35' 28"	106° 15' 43"	17° 43' 07"	106° 26' 00"	E-48-57-D-a, E-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tân Hội	DC	xã Liên Trạch	H. Bố Trạch	17° 40' 40"	106° 22' 34"					E-48-57-D-b
núi Trà Ven	SV	xã Liên Trạch	H. Bố Trạch	17° 40' 01"	106° 24' 00"					E-48-57-D-b
hồ Troóc Vực	TV	xã Liên Trạch	H. Bố Trạch	17° 39' 42"	106° 21' 43"					E-48-57-D-a
thôn 1	DC	xã Lý Trạch	H. Bố Trạch	17° 32' 41"	106° 34' 18"					E-48-58-C-c
thôn 2	DC	xã Lý Trạch	H. Bố Trạch	17° 32' 30"	106° 34' 26"					E-48-58-C-c
thôn 3	DC	xã Lý Trạch	H. Bố Trạch	17° 32' 07"	106° 34' 16"					E-48-58-C-c
thôn 4	DC	xã Lý Trạch	H. Bố Trạch	17° 32' 22"	106° 34' 10"					E-48-58-C-c
thôn 5	DC	xã Lý Trạch	H. Bố Trạch	17° 32' 03"	106° 34' 09"					E-48-58-C-c
thôn 6	DC	xã Lý Trạch	H. Bố Trạch	17° 32' 03"	106° 34' 43"					E-48-58-C-c
thôn 7	DC	xã Lý Trạch	H. Bố Trạch	17° 31' 19"	106° 34' 24"					E-48-58-C-c
thôn 8	DC	xã Lý Trạch	H. Bố Trạch	17° 32' 03"	106° 33' 23"					E-48-58-C-c
thôn 9	DC	xã Lý Trạch	H. Bố Trạch	17° 33' 01"	106° 34' 48"					E-48-58-C-c
thôn 10	DC	xã Lý Trạch	H. Bố Trạch	17° 31' 34"	106° 33' 24"					E-48-58-C-c
đường tỉnh 567	KX	xã Lý Trạch	H. Bố Trạch			17° 27' 39"	106° 37' 26"	17° 32' 01"	106° 33' 22"	E-48-58-C-c, E-48-70-A-a
quốc lộ 1A	KX	xã Lý Trạch	H. Bố Trạch			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-58-C-c, E-48-70-A-a
Bàu Bàng	TV	xã Lý Trạch	H. Bố Trạch	17° 31' 25"	106° 35' 12"					E-48-58-C-c
Sông Dinh	TV	xã Lý Trạch	H. Bố Trạch			17° 29' 22"	106° 22' 48"	17° 33' 35"	106° 34' 47"	E-48-58-C-c, E-48-70-A-a
Khe Giao	TV	xã Lý Trạch	H. Bố Trạch			17° 30' 28"	106° 32' 51"	17° 32' 41"	106° 33' 06"	E-48-58-C-c
hồ Khe Chè	TV	xã Lý Trạch	H. Bố Trạch	17° 30' 58"	106° 33' 30"					E-48-58-C-c
thôn 1	DC	xã Mỹ Trạch	H. Bố Trạch	17° 43' 01"	106° 23' 52"					E-48-57-D-b
thôn 2	DC	xã Mỹ Trạch	H. Bố Trạch	17° 42' 23"	106° 24' 00"					E-48-57-D-b
thôn 3	DC	xã Mỹ Trạch	H. Bố Trạch	17° 42' 23"	106° 24' 09"					E-48-57-D-b
thôn 4	DC	xã Mỹ Trạch	H. Bố Trạch	17° 42' 09"	106° 24' 12"					E-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 5	DC	xã Mỹ Trạch	H. Bố Trạch	17° 42' 19"	106° 24' 24"					E-48-57-D-b
thôn 6	DC	xã Mỹ Trạch	H. Bố Trạch	17° 42' 10"	106° 24' 18"					E-48-57-D-b
thôn 7	DC	xã Mỹ Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 54"	106° 24' 30"					E-48-57-D-b
núi Đồng Nhoi	SV	xã Mỹ Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 06"	106° 24' 26"					E-48-57-D-b
Sông Son	TV	xã Mỹ Trạch	H. Bố Trạch			17° 35' 28"	106° 15' 43"	17° 43' 07"	106° 26' 00"	E-48-57-D-b
quốc lộ 1A	KX	xã Nam Trạch	H. Bố Trạch			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-58-C-c, E-48-70-A-a
đường tỉnh 566	KX	xã Nam Trạch	H. Bố Trạch			17° 32' 59"	106° 32' 40"	17° 30' 39"	106° 29' 41"	E-48-57-D-d, E-48-58-C-c
thôn Chánh Hòa	DC	xã Nam Trạch	H. Bố Trạch	17° 32' 30"	106° 32' 39"					E-48-58-C-c
kênh Đá Mài	TV	xã Nam Trạch	H. Bố Trạch			17° 29' 55"	106° 30' 01"	17° 33' 01"	106° 32' 37"	E-48-58-C-c, E-48-70-A-a
Sông Dinh	TV	xã Nam Trạch	H. Bố Trạch			17° 29' 22"	106° 22' 48"	17° 33' 35"	106° 34' 47"	E-48-57-D-d, E-48-58-C-c, E-48-70-A-a
thôn Đông Thành	DC	xã Nam Trạch	H. Bố Trạch	17° 30' 43"	106° 31' 02"					E-48-58-C-c
Khe Giao	TV	xã Nam Trạch	H. Bố Trạch			17° 30' 28"	106° 32' 51"	17° 32' 41"	106° 33' 06"	E-48-58-C-c
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Đông	KX	xã Nam Trạch	H. Bố Trạch			17° 39' 50"	106° 14' 59"	17° 03' 06"	106° 52' 12"	E-48-57-D-d, E-48-58-C-c, E-48-70-A-a
thôn Hòa Trạch	DC	xã Nam Trạch	H. Bố Trạch	17° 31' 57"	106° 31' 56"					E-48-58-C-c
thôn Sao Sa	DC	xã Nam Trạch	H. Bố Trạch	17° 31' 27"	106° 31' 51"					E-48-58-C-c
thôn Tây Thành	DC	xã Nam Trạch	H. Bố Trạch	17° 30' 16"	106° 30' 56"					E-48-58-C-c
đường tỉnh 567	KX	xã Nhân Trạch	H. Bố Trạch			17° 27' 39"	106° 37' 26"	17° 32' 01"	106° 33' 22"	E-48-58-C-c
Thôn Bắc	DC	xã Nhân Trạch	H. Bố Trạch	17° 33' 10"	106° 34' 53"					E-48-58-C-c
thôn Bắc Dinh	DC	xã Nhân Trạch	H. Bố Trạch	17° 33' 27"	106° 34' 43"					E-48-58-C-c
thôn Bắc Hồng	DC	xã Nhân Trạch	H. Bố Trạch	17° 32' 00"	106° 32' 51"					E-48-58-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Dinh	TV	xã Nhân Trạch	H. Bố Trạch			17° 29' 22"	106° 22' 48"	17° 33' 35"	106° 34' 47"	E-48-58-C-c
Thôn Dinh	DC	xã Nhân Trạch	H. Bố Trạch	17° 33' 05"	106° 34' 59"					E-48-58-C-c
thôn Đông Hồng	DC	xã Nhân Trạch	H. Bố Trạch	17° 32' 04"	106° 33' 13"					E-48-58-C-c
Thôn Khối	DC	xã Nhân Trạch	H. Bố Trạch	17° 32' 59"	106° 35' 02"					E-48-58-C-c
Thôn Nam	DC	xã Nhân Trạch	H. Bố Trạch	17° 32' 58"	106° 34' 55"					E-48-58-C-c
thôn Nam Bắc	DC	xã Nhân Trạch	H. Bố Trạch	17° 33' 21"	106° 34' 38"					E-48-58-C-c
thôn Nam Hồng	DC	xã Nhân Trạch	H. Bố Trạch	17° 31' 52"	106° 32' 57"					E-48-58-C-c
thôn Nhân Bắc	DC	xã Nhân Trạch	H. Bố Trạch	17° 33' 28"	106° 34' 36"					E-48-58-C-c
thôn Nhân Đức	DC	xã Nhân Trạch	H. Bố Trạch	17° 33' 34"	106° 34' 32"					E-48-58-C-c
thôn Nhân Nam	DC	xã Nhân Trạch	H. Bố Trạch	17° 32' 51"	106° 35' 08"					E-48-58-C-c
thôn Nhân Quang	DC	xã Nhân Trạch	H. Bố Trạch	17° 32' 41"	106° 35' 08"					E-48-58-C-c
Thôn Tây	DC	xã Nhân Trạch	H. Bố Trạch	17° 33' 04"	106° 34' 52"					E-48-58-C-c
thôn Tây Hồng	DC	xã Nhân Trạch	H. Bố Trạch	17° 31' 52"	106° 32' 37"					E-48-58-C-c
thôn 1	DC	xã Phú Định	H. Bố Trạch	17° 34' 21"	106° 26' 37"					E-48-57-D-d
thôn 2	DC	xã Phú Định	H. Bố Trạch	17° 34' 39"	106° 27' 29"					E-48-69-B
thôn 3	DC	xã Phú Định	H. Bố Trạch	17° 35' 08"	106° 26' 46"					E-48-57-D-d
thôn 4	DC	xã Phú Định	H. Bố Trạch	17° 35' 02"	106° 25' 58"					E-48-57-D-d
thôn 5	DC	xã Phú Định	H. Bố Trạch	17° 34' 54"	106° 26' 03"					E-48-57-D-d
thôn 6	DC	xã Phú Định	H. Bố Trạch	17° 35' 13"	106° 25' 57"					E-48-57-D-d
thôn 7	DC	xã Phú Định	H. Bố Trạch	17° 35' 59"	106° 25' 30"					E-48-57-D-d
thôn 8	DC	xã Phú Định	H. Bố Trạch	17° 35' 42"	106° 25' 13"					E-48-57-D-d
thôn 9	DC	xã Phú Định	H. Bố Trạch	17° 35' 16"	106° 25' 08"					E-48-57-D-d
quốc lộ 15	KX	xã Phú Định	H. Bố Trạch			18° 01' 47"	105° 51' 29"	17° 13' 46"	106° 41' 53"	E-48-57-D-d
đường tỉnh 563	KX	xã Phú Định	H. Bố Trạch			17° 29' 05"	106° 31' 43"	17° 20' 06"	106° 26' 42"	E-48-69-B
Lâm trường Ba Rền	KX	xã Phú Định	H. Bố Trạch	17° 26' 13"	106° 27' 59"					E-48-69-B
suối Cái Troong	TV	xã Phú Định	H. Bố Trạch			17° 35' 43"	106° 25' 21"	17° 38' 11"	106° 23' 12"	E-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Cỏ Đắng	TV	xã Phú Định	H. Bố Trạch	17° 35' 14"	106° 24' 50"					E-48-57-D-d
núi Co Rọt	SV	xã Phú Định	H. Bố Trạch	17° 23' 36"	106° 27' 07"					E-48-69-B
khe Coòng	TV	xã Phú Định	H. Bố Trạch			17° 23' 04"	106° 28' 53"	17° 26' 11"	106° 27' 58"	E-48-69-B
Sông Dinh	TV	xã Phú Định	H. Bố Trạch			17° 29' 22"	106° 22' 48"	17° 33' 35"	106° 34' 47"	E-48-57-D-d, E-48-69-B
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Đông	KX	xã Phú Định	H. Bố Trạch			17° 39' 50"	106° 14' 59"	17° 03' 06"	106° 52' 12"	E-48-57-D-d
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Tây	KX	xã Phú Định	H. Bố Trạch			17° 39' 50"	106° 14' 59"	16° 57' 41"	106° 35' 28"	E-48-69-B
Khe Tre	TV	xã Phú Định	H. Bố Trạch			17° 32' 19"	106° 25' 39"	17° 35' 43"	106° 25' 21"	E-48-57-D-d
Khe Túi	TV	xã Phú Định	H. Bố Trạch			17° 35' 18"	106° 25' 01"	17° 35' 42"	106° 25' 23"	E-48-57-D-d
núi U Bò	SV	xã Phú Định	H. Bố Trạch	17° 26' 06"	106° 24' 04"					E-48-69-B
hồ Vực Nồi	TV	xã Phú Định	H. Bố Trạch	17° 36' 31"	106° 27' 34"					E-48-57-D-d
thôn 50	DC	xã Phú Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 58"	106° 30' 37"					E-48-58-C-a
quốc lộ 1A	KX	xã Phú Trạch	H. Bố Trạch			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-58-C-c, E-48-57-D-b, E-48-58-C-a
thôn Bắc Duyệt	DC	xã Phú Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 18"	106° 29' 10"					E-48-57-D-b
thôn Bắc Sơn	DC	xã Phú Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 17"	106° 30' 09"					E-48-58-C-a
thôn Bình Thuận	DC	xã Phú Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 14"	106° 30' 41"					E-48-58-C-a
Bàu Cừa	TV	xã Phú Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 23"	106° 29' 30"					E-48-57-D-b
thôn Đông Duyệt 1	DC	xã Phú Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 21"	106° 29' 48"					E-48-57-D-b
thôn Đông Duyệt 2	DC	xã Phú Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 17"	106° 29' 59"					E-48-57-D-b
đèo Lý Hòa	SV	xã Phú Trạch	H. Bố Trạch	17° 39' 19"	106° 30' 52"					E-48-58-C-a
sông Lý Hòa	TV	xã Phú Trạch	H. Bố Trạch			17° 36' 58"	106° 30' 18"	17° 38' 19"	106° 31' 39"	E-48-58-C-c, E-48-58-C-a
thôn Nam Duyệt	DC	xã Phú Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 00"	106° 29' 05"					E-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nam Sơn	DC	xã Phú Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 55"	106° 30' 48"					E-48-58-C-a
thôn Quý Thuận	DC	xã Phú Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 40"	106° 30' 53"					E-48-58-C-a
suối Rào Đá	TV	xã Phú Trạch	H. Bố Trạch			17° 37' 33"	106° 26' 06"	17° 38' 08"	106° 30' 54"	E-48-57-D-d, E-48-57-D-b, E-48-58-C-a
Bàu Sen	TV	xã Phú Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 27"	106° 28' 47"					E-48-57-D-b
thôn Trung Duyệt	DC	xã Phú Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 09"	106° 29' 19"					E-48-57-D-b
thôn Trung Thuận	DC	xã Phú Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 16"	106° 30' 30"					E-48-58-C-a
thôn 1 Phúc Đồng	DC	xã Phúc Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 38"	106° 15' 26"					E-48-57-D-a
thôn 1 Phúc Khê	DC	xã Phúc Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 55"	106° 17' 30"					E-48-57-D-a
thôn 1 Thanh Sen	DC	xã Phúc Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 55"	106° 17' 30"					E-48-57-D-a
thôn 2 Phúc Đồng	DC	xã Phúc Trạch	H. Bố Trạch	17° 39' 10"	106° 16' 21"					E-48-57-D-a
thôn 2 Phúc Khê	DC	xã Phúc Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 46"	106° 18' 31"					E-48-57-D-a
thôn 2 Thanh Sen	DC	xã Phúc Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 08"	106° 15' 47"					E-48-57-D-c
thôn 3 Phúc Đồng	DC	xã Phúc Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 44"	106° 16' 23"					E-48-57-D-a
thôn 3 Phúc Khê	DC	xã Phúc Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 15"	106° 18' 33"					E-48-57-D-a
thôn 3 Thanh Sen	DC	xã Phúc Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 58"	106° 16' 02"					E-48-57-D-c
thôn 4 Phúc Đồng	DC	xã Phúc Trạch	H. Bố Trạch	17° 39' 01"	106° 15' 55"					E-48-57-D-a
thôn 4 Thanh Sen	DC	xã Phúc Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 26"	106° 16' 05"					E-48-57-D-c
Khe Cấy	TV	xã Phúc Trạch	H. Bố Trạch			17° 38' 29"	106° 13' 03"	17° 38' 47"	106° 15' 41"	E-48-57-C
Sông Chày	TV	xã Phúc Trạch	H. Bố Trạch			17° 31' 28"	106° 12' 43"	17° 35' 28"	106° 15' 43"	E-48-57-C, E-48-57-D-c
thôn Chày Lập	DC	xã Phúc Trạch	H. Bố Trạch	17° 35' 56"	106° 15' 23"					E-48-57-D-c
núi Đá Lòn	SV	xã Phúc Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 26"	106° 16' 16"					E-48-57-D-c
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Đông	KX	xã Phúc Trạch	H. Bố Trạch			17° 39' 50"	106° 14' 59"	17° 03' 06"	106° 52' 12"	E-48-57-C, E-48-57-D-c, E-48-57-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Tây	KX	xã Phúc Trạch	H. Bố Trạch			17° 39' 50"	106° 14' 59"	16° 57' 41"	106° 35' 28"	E-48-57-C, E-48-57-D-c, E-48-57-D-a
hồ Khe Ngang	TV	xã Phúc Trạch	H. Bố Trạch	17° 39' 01"	106° 19' 04"					E-48-57-D-a
Khe Ngang	TV	xã Phúc Trạch	H. Bố Trạch			17° 38' 33"	106° 18' 40"	17° 38' 46"	106° 15' 40"	E-48-57-D-a
suối Ngọn Rào	TV	xã Phúc Trạch	H. Bố Trạch			17° 41' 56"	106° 10' 50"	17° 39' 08"	106° 15' 20"	E-48-57-C
Vườn Quốc gia Phong Nha/Kẻ Bàng	KX	xã Phúc Trạch	H. Bố Trạch	17° 30' 08"	106° 11' 33"					E-48-57-C
Sông Son	TV	xã Phúc Trạch	H. Bố Trạch			17° 35' 28"	106° 15' 43"	17° 43' 07"	106° 26' 00"	E-48-57-D-c, E-48-57-D-a
Sông Trooc	TV	xã Phúc Trạch	H. Bố Trạch			17° 38' 46"	106° 15' 40"	17° 35' 28"	106° 15' 43"	E-48-57-C, E-48-57-D-c, E-48-57-D-a
đường tỉnh 560	KX	xã Sơn Lộc	H. Bố Trạch			17° 42' 16"	106° 26' 21"	17° 37' 52"	106° 25' 41"	E-48-57-D-b
thôn Đồng Sơn	DC	xã Sơn Lộc	H. Bố Trạch	17° 38' 08"	106° 28' 00"					E-48-57-D-b
thôn Phú Sơn	DC	xã Sơn Lộc	H. Bố Trạch	17° 38' 22"	106° 28' 27"					E-48-57-D-b
suối Rào Đá	TV	xã Sơn Lộc	H. Bố Trạch			17° 37' 33"	106° 26' 06"	17° 38' 08"	106° 30' 54"	E-48-57-D-b
thôn Sơn Lý	DC	xã Sơn Lộc	H. Bố Trạch	17° 38' 27"	106° 28' 00"					E-48-57-D-b
thôn Tân Lộc	DC	xã Sơn Lộc	H. Bố Trạch	17° 38' 40"	106° 26' 59"					E-48-57-D-b
thôn Thanh Lộc	DC	xã Sơn Lộc	H. Bố Trạch	17° 38' 19"	106° 26' 23"					E-48-57-D-b
đường tỉnh 562	KX	xã Sơn Trạch	H. Bố Trạch			17° 36' 39"	106° 18' 58"	17° 16' 59"	106° 11' 13"	E-48-57-D-c
Lèn A	SV	xã Sơn Trạch	H. Bố Trạch	17° 34' 33"	106° 17' 48"					E-48-57-D-c
Sông Bùng	TV	xã Sơn Trạch	H. Bố Trạch			17° 31' 17"	106° 19' 41"	17° 35' 08"	106° 20' 58"	E-48-57-D-c
Sông Chày	TV	xã Sơn Trạch	H. Bố Trạch			17° 31' 28"	106° 12' 43"	17° 35' 28"	106° 15' 43"	E-48-57-C, E-48-57-D-c
thôn Cù Lạc 1	DC	xã Sơn Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 09"	106° 19' 39"					E-48-57-D-c
thôn Cù Lạc 2	DC	xã Sơn Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 16"	106° 19' 34"					E-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Đá Lòn	SV	xã Sơn Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 26"	106° 16' 16"					E-48-57-D-c
dốc Đồng Tiền	SV	xã Sơn Trạch	H. Bố Trạch	17° 33' 13"	106° 17' 59"					E-48-57-D-c
thôn Gia Tịnh	DC	xã Sơn Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 23"	106° 19' 44"					E-48-57-D-c
thôn Hà Lời	DC	xã Sơn Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 24"	106° 17' 56"					E-48-57-D-c
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Đông	KX	xã Sơn Trạch	H. Bố Trạch			17° 39' 50"	106° 14' 59"	17° 03' 06"	106° 52' 12"	E-48-57-C, E-48-57-D-c, E-48-57-D-a
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Tây	KX	xã Sơn Trạch	H. Bố Trạch			17° 39' 50"	106° 14' 59"	16° 57' 41"	106° 35' 28"	E-48-57-C, E-48-57-D-c, E-48-57-D-a
hồ Khe Su	TV	xã Sơn Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 10"	106° 19' 46"					E-48-57-D-c
Thôn Na	DC	xã Sơn Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 19"	106° 17' 40"					E-48-57-D-c
động Phong Nha	SV	xã Sơn Trạch	H. Bố Trạch	17° 34' 58"	106° 16' 53"					E-48-57-D-c
thôn Phong Nha	DC	xã Sơn Trạch	H. Bố Trạch	17° 35' 53"	106° 17' 18"					E-48-57-D-c
Vườn Quốc gia Phong Nha/Kẻ Bàng	KX	xã Sơn Trạch	H. Bố Trạch	17° 30' 08"	106° 11' 33"					E-48-57-C
bản Rào Con	DC	xã Sơn Trạch	H. Bố Trạch	17° 33' 30"	106° 18' 26"					E-48-57-D-c
Sông Son	TV	xã Sơn Trạch	H. Bố Trạch			17° 35' 28"	106° 15' 43"	17° 43' 07"	106° 26' 00"	E-48-57-D-c, E-48-57-D-a
động Thiên Đường	SV	xã Sơn Trạch	H. Bố Trạch	17° 31' 30"	106° 13' 35"					E-48-57-C
động Tiên Sơn	SV	xã Sơn Trạch	H. Bố Trạch	17° 34' 51"	106° 16' 53"					E-48-57-D-c
thôn Trằm Mé	DC	xã Sơn Trạch	H. Bố Trạch	17° 35' 12"	106° 15' 40"					E-48-57-D-c
phà Xuân Sơn	KX	xã Sơn Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 50"	106° 18' 17"					E-48-57-D-c
thôn Xuân Sơn	DC	xã Sơn Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 22"	106° 18' 24"					E-48-57-D-a
thôn Xuân Tiến	DC	xã Sơn Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 41"	106° 18' 35"					E-48-57-D-c
bản 39	DC	xã Tân Trạch	H. Bố Trạch	17° 24' 04"	106° 12' 36"					E-48-69-A, E-48-69-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 562	KX	xã Tân Trạch	H. Bố Trạch			17° 36' 39"	106° 18' 58"	17° 16' 59"	106° 11' 13"	E-48-69-A, E-48-69-C, E-48-57-D-c, E-48-69-B
núi Co Khu	SV	xã Tân Trạch	H. Bố Trạch	17° 28' 14"	106° 13' 14"					E-48-69-A, E-48-69-C
núi Co Pong La	SV	xã Tân Trạch	H. Bố Trạch	17° 22' 55"	106° 13' 09"					E-48-69-A, E-48-69-C
núi Co Ta Rếch	SV	xã Tân Trạch	H. Bố Trạch	17° 23' 33"	106° 11' 44"					E-48-69-A, E-48-69-C
núi Co Tan	SV	xã Tân Trạch	H. Bố Trạch	17° 24' 27"	106° 20' 42"					E-48-69-B
Rào Con	TV	xã Tân Trạch	H. Bố Trạch			17° 29' 52"	106° 19' 47"	17° 26' 04"	106° 19' 11"	E-48-69-B
Bản Đoòng	DC	xã Tân Trạch	H. Bố Trạch	17° 27' 18"	106° 18' 57"					E-48-69-B
phu Gui Ha	SV	xã Tân Trạch	H. Bố Trạch	17° 23' 35"	106° 13' 37"					E-48-69-A, E-48-69-C
Di tích lịch sử Hang 8 Thanh niên xung phong	KX	xã Tân Trạch	H. Bố Trạch	17° 30' 14"	106° 15' 30"					E-48-57-D-c
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Tây	KX	xã Tân Trạch	H. Bố Trạch			17° 39' 50"	106° 14' 59"	16° 57' 41"	106° 35' 28"	E-48-57-C, E-48-57-D-c, E-48-69-B
Rào Mạ	TV	xã Tân Trạch	H. Bố Trạch			17° 30' 22"	106° 22' 22"	17° 37' 38"	106° 21' 16"	E-48-57-D-c
Vườn Quốc gia Phong Nha/Kẻ Bàng	KX	xã Tân Trạch	H. Bố Trạch	17° 30' 08"	106° 11' 33"					E-48-57-C
khe Rào Tê	TV	xã Tân Trạch	H. Bố Trạch			17° 32' 15"	106° 16' 10"	17° 30' 02"	106° 15' 34"	E-48-57-D-c
hang Sơn Đoòng	SV	xã Tân Trạch	H. Bố Trạch	17° 27' 26"	106° 17' 15"					E-48-69-B
Rào Thương	TV	xã Tân Trạch	H. Bố Trạch			17° 23' 34"	106° 20' 55"	17° 26' 09"	106° 17' 53"	E-48-69-B
Di tích lịch sử trọng điểm Trà Ang	KX	xã Tân Trạch	H. Bố Trạch	17° 31' 17"	106° 16' 14"					E-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi U Bò	SV	xã Tân Trạch	H. Bố Trạch	17° 26' 06"	106° 24' 04"					E-48-69-B
đường tỉnh 561	KX	xã Tây Trạch	H. Bố Trạch			17° 37' 53"	106° 25' 42"	17° 37' 47"	106° 25' 57"	E-48-57-D-d, E-48-58-C-c
sông Cây Trôi	TV	xã Tây Trạch	H. Bố Trạch			17° 33' 35"	106° 27' 45"	17° 35' 30"	106° 30' 51"	E-48-57-D-d, E-48-58-C-c
Khe Chùa	TV	xã Tây Trạch	H. Bố Trạch			17° 31' 52"	106° 29' 39"	17° 33' 35"	106° 27' 45"	E-48-57-D-d, E-48-58-C-c
Thôn Chùa	DC	xã Tây Trạch	H. Bố Trạch	17° 34' 59"	106° 29' 58"					E-48-58-C-c
Thôn Cồn	DC	xã Tây Trạch	H. Bố Trạch	17° 34' 31"	106° 29' 33"					E-48-57-D-d
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Đông	KX	xã Tây Trạch	H. Bố Trạch			17° 39' 50"	106° 14' 59"	17° 03' 06"	106° 52' 12"	E-48-57-D-d, E-48-58-C-c
Thôn Làng	DC	xã Tây Trạch	H. Bố Trạch	17° 35' 04"	106° 30' 22"					E-48-58-C-c
Thôn Mít	DC	xã Tây Trạch	H. Bố Trạch	17° 34' 41"	106° 29' 43"					E-48-57-D-d
sông Rào Hiểm	TV	xã Tây Trạch	H. Bố Trạch			18° 33' 35"	107° 27' 45"	17° 37' 20"	106° 30' 41"	E-48-57-D-d, E-48-58-C-c
Thôn Rẫy	DC	xã Tây Trạch	H. Bố Trạch	17° 34' 11"	106° 29' 14"					E-48-57-D-d
Thôn Sỏi	DC	xã Tây Trạch	H. Bố Trạch	17° 35' 03"	106° 30' 15"					E-48-58-C-c
hồ Trọt Hóp	TV	xã Tây Trạch	H. Bố Trạch	17° 34' 54"	106° 28' 21"					E-48-57-D-d
thôn Võ Thuận 1	DC	xã Tây Trạch	H. Bố Trạch	17° 34' 42"	106° 29' 27"					E-48-57-D-d
thôn Võ Thuận 2	DC	xã Tây Trạch	H. Bố Trạch	17° 34' 41"	106° 29' 14"					E-48-57-D-d
thôn Võ Thuận 3	DC	xã Tây Trạch	H. Bố Trạch	17° 34' 38"	106° 28' 55"					E-48-57-D-d
quốc lộ 1A	KX	xã Thanh Trạch	H. Bố Trạch			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-57-D-b, E-48-58-C-a
núi Am	SV	xã Thanh Trạch	H. Bố Trạch	17° 40' 15"	106° 28' 59"					E-48-57-D-b
núi Đá Mài	SV	xã Thanh Trạch	H. Bố Trạch	17° 40' 22"	106° 28' 33"					E-48-57-D-b
bãi Đá Nhảy	KX	xã Thanh Trạch	H. Bố Trạch	17° 39' 44"	106° 30' 45"					E-48-58-C-a
thôn Đá Nhảy	DC	xã Thanh Trạch	H. Bố Trạch	17° 39' 51"	106° 30' 31"					E-48-58-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Đồng Sầm	SV	xã Thanh Trạch	H. Bố Trạch	17° 40' 34"	106° 27' 41"					E-48-57-D-b
Cảng Gianh	KX	xã Thanh Trạch	H. Bố Trạch	17° 42' 15"	106° 28' 38"					E-48-57-D-b
Sông Gianh	TV	xã Thanh Trạch	H. Bố Trạch			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-57-D-b
đèo Lý Hòa	SV	xã Thanh Trạch	H. Bố Trạch	17° 39' 19"	106° 30' 52"					E-48-58-C-a
hồ Mù U	TV	xã Thanh Trạch	H. Bố Trạch	17° 40' 15"	106° 28' 08"					E-48-57-D-b
thôn Quyết Thắng	DC	xã Thanh Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 29"	106° 28' 34"					E-48-57-D-b
sông Thanh Ba	TV	xã Thanh Trạch	H. Bố Trạch			17° 40' 39"	106° 27' 08"	17° 42' 13"	106° 28' 27"	E-48-57-D-b
thôn Thanh Gianh	DC	xã Thanh Trạch	H. Bố Trạch	17° 42' 00"	106° 28' 56"					E-48-57-D-b
thôn Thanh Hải	DC	xã Thanh Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 52"	106° 29' 17"					E-48-57-D-b
thôn Thanh Khê	DC	xã Thanh Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 53"	106° 28' 35"					E-48-57-D-b
thôn Thanh Vinh	DC	xã Thanh Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 46"	106° 28' 50"					E-48-57-D-b
thôn Thanh Xuân	DC	xã Thanh Trạch	H. Bố Trạch	17° 42' 01"	106° 29' 15"					E-48-57-D-b
thôn Tiền Phong	DC	xã Thanh Trạch	H. Bố Trạch	17° 41' 18"	106° 29' 18"					E-48-57-D-b
bản 51	DC	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 20' 46"	106° 12' 12"					E-48-69-A, E-48-69-C
bản 61	DC	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 17' 37"	106° 12' 21"					E-48-69-A, E-48-69-C
Đồn Biên phòng 591	KX	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 22' 27"	106° 13' 15"					E-48-69-A, E-48-69-C
đường tỉnh 562	KX	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch			17° 36' 39"	106° 18' 58"	17° 16' 59"	106° 11' 13"	E-48-69-A, E-48-69-C, E-48-57-D-c, E-48-69-B
bản A Ky	DC	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 16' 35"	106° 13' 36"					E-48-69-A, E-48-69-C
suối Aky	TV	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch			17° 17' 04"	106° 15' 11"	17° 21' 56"	106° 11' 08"	E-48-69-A, E-48-69-C, E-48-69-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Bản Ban	DC	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 22' 20"	106° 13' 07"					E-48-69-A, E-48-69-C
Suối Bang	TV	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch			17° 21' 32"	106° 14' 30"	17° 22' 29"	106° 12' 00"	E-48-69-A, E-48-69-C
Bản Bụt	DC	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 20' 46"	106° 11' 23"					E-48-69-A, E-48-69-C
suối Cà Roòng	TV	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch			17° 19' 02"	106° 17' 38"	17° 20' 42"	106° 11' 26"	E-48-69-A, E-48-69-C, E-48-69-B
bản Cà Roòng 1	DC	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 21' 37"	106° 10' 59"					E-48-69-A, E-48-69-C
bản Cà Roòng 2	DC	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 21' 55"	106° 11' 08"					E-48-69-A, E-48-69-C
bản Chăm Pu	DC	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 19' 17"	106° 12' 42"					E-48-69-A, E-48-69-C
Sông Chày	TV	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch			17° 31' 28"	106° 12' 43"	17° 35' 28"	106° 15' 43"	E-48-57-C, E-48-57-D-c
núi Co A Vung	SV	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 26' 03"	106° 08' 56"					E-48-69-A, E-48-69-C
bản Cờ Đỏ	DC	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 18' 46"	106° 13' 26"					E-48-69-A, E-48-69-C
núi Co Don	SV	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 21' 06"	106° 08' 38"					E-48-69-A, E-48-69-C
núi Co Loong	SV	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 18' 29"	106° 18' 40"					E-48-69-A, E-48-69-C
núi Co Lou Ta	SV	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 22' 44"	106° 11' 36"					E-48-69-A, E-48-69-C
núi Cô Pa Lù	SV	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 20' 57"	106° 09' 59"					E-48-69-A, E-48-69-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Co Pong La	SV	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 22' 55"	106° 13' 09"					E-48-69-A, E-48-69-C
phu Co Pou Pan	SV	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 15' 40"	106° 13' 21"					E-48-69-A, E-48-69-C
núi Co Rai	SV	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 26' 03"	106° 09' 20"					E-48-69-A, E-48-69-C
phu Co Ro Man	SV	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 14' 44"	106° 14' 58"					E-48-69-A, E-48-69-C
núi Co Ta Prưu	SV	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 17' 48"	106° 16' 24"					E-48-69-B
núi Co Ta Rếch	SV	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 23' 33"	106° 11' 44"					E-48-69-A, E-48-69-C
núi Co Ta Ro Un	SV	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 17' 52"	106° 17' 21"					E-48-69-B
bản Cồn Roàng	DC	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 21' 09"	106° 08' 06"					E-48-69-A, E-48-69-C
Bản Coóc	DC	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 22' 09"	106° 08' 44"					E-48-69-A, E-48-69-C
bản Cu Tồn	DC	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 22' 12"	106° 09' 36"					E-48-69-A, E-48-69-C
đèo Đá Đẽo	SV	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 57"	106° 05' 16"					E-48-57-C
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Đông	KX	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch			17° 39' 50"	106° 14' 59"	17° 03' 06"	106° 52' 12"	E-48-56-D, E-48-56-C, E-48-57-C, E-48-57-D-c
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Tây	KX	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch			17° 39' 50"	106° 14' 59"	16° 57' 41"	106° 35' 28"	E-48-57-C, E-48-57-D-c, E-48-69-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Khe Rung	DC	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 22' 14"	106° 13' 20"					E-48-69-A, E-48-69-C
Bản Nịu	DC	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 22' 14"	106° 11' 42"					E-48-69-A, E-48-69-C
bản Noòng Cũ	DC	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 19' 50"	106° 11' 20"					E-48-69-A, E-48-69-C
bản Noòng Mới	DC	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 20' 05"	106° 11' 07"					E-48-69-A, E-48-69-C
phu Pha Đan	SV	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 23' 56"	106° 10' 21"					E-48-69-A, E-48-69-C
Vườn Quốc gia Phong Nha/Kẻ Bàng	KX	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 30' 08"	106° 11' 33"					E-48-57-C
núi Ta Ách	SV	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 22' 36"	106° 13' 48"					E-48-69-A, E-48-69-C
phu Tạ Lun	SV	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 17' 45"	106° 17' 48"					E-48-69-B
suối Thi Un	TV	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch			17° 21' 17"	106° 07' 17"	17° 21' 56"	106° 11' 08"	E-48-69-A, E-48-69-C
núi Tra Dục	SV	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 23' 51"	106° 08' 34"					E-48-69-A, E-48-69-C
Bản Troi	DC	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 17' 47"	106° 11' 07"					E-48-69-A, E-48-69-C
Bản Tuộc	DC	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 17' 35"	106° 12' 35"					E-48-69-A, E-48-69-C
dãy Trường Sơn	SV	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-69-(A,C) (6243IV,6243II)
Phu Vông	SV	xã Thượng Trạch	H. Bố Trạch	17° 18' 47"	106° 08' 48"					E-48-69-A, E-48-69-C
quốc lộ 1A	KX	xã Trung Trạch	H. Bố Trạch			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-58-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 1	DC	xã Trung Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 36"	106° 32' 13"					E-48-58-C-c
thôn 2	DC	xã Trung Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 07"	106° 32' 24"					E-48-58-C-c
thôn 3	DC	xã Trung Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 01"	106° 32' 05"					E-48-58-C-c
thôn 4	DC	xã Trung Trạch	H. Bố Trạch	17° 35' 26"	106° 31' 55"					E-48-58-C-c
thôn 5	DC	xã Trung Trạch	H. Bố Trạch	17° 35' 18"	106° 32' 25"					E-48-58-C-c
thôn 6	DC	xã Trung Trạch	H. Bố Trạch	17° 34' 58"	106° 32' 15"					E-48-58-C-c
thôn 7	DC	xã Trung Trạch	H. Bố Trạch	17° 34' 46"	106° 32' 35"					E-48-58-C-c
thôn 8	DC	xã Trung Trạch	H. Bố Trạch	17° 34' 42"	106° 32' 15"					E-48-58-C-c
Bàu Bàng	TV	xã Trung Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 42"	106° 32' 25"					E-48-58-C-c
Bàu Mạ	TV	xã Trung Trạch	H. Bố Trạch	17° 35' 12"	106° 32' 12"					E-48-58-C-c
đường tỉnh 560	KX	xã Vạn Trạch	H. Bố Trạch			17° 42' 16"	106° 26' 21"	17° 37' 52"	106° 25' 41"	E-48-57-D-b
đường tỉnh 561	KX	xã Vạn Trạch	H. Bố Trạch			17° 37' 53"	106° 25' 42"	17° 37' 47"	106° 25' 57"	E-48-57-D-d, E-48-57-D-b
thôn Bắc Lộc	DC	xã Vạn Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 40"	106° 27' 04"					E-48-57-D-b
Thôn Dài	DC	xã Vạn Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 32"	106° 29' 02"					E-48-57-D-d
thôn Dinh Lễ	DC	xã Vạn Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 12"	106° 27' 45"					E-48-57-D-d
Thôn Đông	DC	xã Vạn Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 56"	106° 28' 21"					E-48-57-D-d
hồ Khe Cạn	TV	xã Vạn Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 04"	106° 26' 51"					E-48-57-D-d
hồ khe Cầy	TV	xã Vạn Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 26"	106° 26' 03"					E-48-57-D-d
Thôn Mới	DC	xã Vạn Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 24"	106° 29' 12"					E-48-57-D-d
thôn Nam Lộc	DC	xã Vạn Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 25"	106° 27' 00"					E-48-57-D-d
suối Rào Đá	TV	xã Vạn Trạch	H. Bố Trạch			17° 37' 33"	106° 26' 06"	17° 38' 08"	106° 30' 54"	E-48-57-D-d, E-48-57-D-b
Thôn Rẩy	DC	xã Vạn Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 10"	106° 29' 18"					E-48-57-D-d
Thôn Sen	DC	xã Vạn Trạch	H. Bố Trạch	17° 35' 56"	106° 28' 44"					E-48-57-D-d
Thôn Sỏi	DC	xã Vạn Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 36"	106° 28' 30"					E-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Tây	DC	xã Vạn Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 02"	106° 28' 24"					E-48-57-D-d
ga Thọ Lộc	KX	xã Vạn Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 11"	106° 27' 26"					E-48-57-D-d
thôn Thọ Lộc	DC	xã Vạn Trạch	H. Bố Trạch	17° 37' 46"	106° 26' 33"					E-48-57-D-b
Thôn Tròn	DC	xã Vạn Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 22"	106° 28' 44"					E-48-57-D-d
hồ Vực Nồi	TV	xã Vạn Trạch	H. Bố Trạch	17° 36' 31"	106° 27' 34"					E-48-57-D-d
thôn 1	DC	xã Xuân Trạch	H. Bố Trạch	17° 39' 33"	106° 13' 06"					E-48-57-C
thôn 2	DC	xã Xuân Trạch	H. Bố Trạch	17° 39' 22"	106° 13' 09"					E-48-57-C
thôn 3	DC	xã Xuân Trạch	H. Bố Trạch	17° 39' 33"	106° 13' 24"					E-48-57-C
thôn 4	DC	xã Xuân Trạch	H. Bố Trạch	17° 39' 34"	106° 13' 39"					E-48-57-C
thôn 5	DC	xã Xuân Trạch	H. Bố Trạch	17° 39' 40"	106° 13' 56"					E-48-57-D-a
thôn 6	DC	xã Xuân Trạch	H. Bố Trạch	17° 39' 51"	106° 14' 52"					E-48-57-C
thôn 7	DC	xã Xuân Trạch	H. Bố Trạch	17° 39' 42"	106° 15' 23"					E-48-57-D-a
thôn 8	DC	xã Xuân Trạch	H. Bố Trạch	17° 40' 35"	106° 15' 15"					E-48-57-D-a
thôn 9	DC	xã Xuân Trạch	H. Bố Trạch	17° 40' 47"	106° 14' 48"					E-48-57-C
thôn 10	DC	xã Xuân Trạch	H. Bố Trạch	17° 40' 59"	106° 14' 06"					E-48-57-C
Khe Cấy	TV	xã Xuân Trạch	H. Bố Trạch			17° 38' 29"	106° 13' 03"	17° 38' 47"	106° 15' 41"	E-48-57-C, E-48-57-D-a
Lèn Chùa	SV	xã Xuân Trạch	H. Bố Trạch	17° 39' 25"	106° 15' 22"					E-48-57-D-a
đèo Đá Đẽo	SV	xã Xuân Trạch	H. Bố Trạch	17° 38' 57"	106° 05' 16"					E-48-57-C
núi Đại Đù	SV	xã Xuân Trạch	H. Bố Trạch	17° 40' 26"	106° 08' 46"					E-48-57-C
khe Hà Riềng	TV	xã Xuân Trạch	H. Bố Trạch			17° 40' 15"	106° 07' 40"	17° 41' 56"	106° 10' 50"	E-48-57-C
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Đông	KX	xã Xuân Trạch	H. Bố Trạch			17° 39' 50"	106° 14' 59"	17° 03' 06"	106° 52' 12"	E-48-57-C, E-48-57-D-a
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Tây	KX	xã Xuân Trạch	H. Bố Trạch			17° 39' 50"	106° 14' 59"	16° 57' 41"	106° 35' 28"	E-48-57-C, E-48-57-D-a
suối Ngọn Rào	TV	xã Xuân Trạch	H. Bố Trạch			17° 41' 56"	106° 10' 50"	17° 39' 08"	106° 15' 20"	E-48-57-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Vườn Quốc gia Phong Nha/Kẻ Bàng	KX	xã Xuân Trạch	H. Bố Trạch	17° 30' 08"	106° 11' 33"					E-48-57-C
khe Vực Trô	TV	xã Xuân Trạch	H. Bố Trạch			17° 38' 31"	106° 11' 53"	17° 38' 29"	106° 13' 03"	E-48-57-C
tổ dân phố 1	DC	TT. Kiến Giang	H. Lệ Thủy	17° 13' 11"	106° 47' 14"					E-48-70-D-a
tổ dân phố 2	DC	TT. Kiến Giang	H. Lệ Thủy	17° 13' 17"	106° 47' 05"					E-48-70-D-a
tổ dân phố 3	DC	TT. Kiến Giang	H. Lệ Thủy	17° 13' 21"	106° 46' 55"					E-48-70-D-a
tổ dân phố 4	DC	TT. Kiến Giang	H. Lệ Thủy	17° 13' 31"	106° 46' 58"					E-48-70-D-a
tổ dân phố 5	DC	TT. Kiến Giang	H. Lệ Thủy	17° 13' 34"	106° 47' 09"					E-48-70-D-a
tổ dân phố 6	DC	TT. Kiến Giang	H. Lệ Thủy	17° 13' 30"	106° 47' 26"					E-48-70-D-a
tổ dân phố 7	DC	TT. Kiến Giang	H. Lệ Thủy	17° 13' 22"	106° 47' 22"					E-48-70-D-a
tổ dân phố 8	DC	TT. Kiến Giang	H. Lệ Thủy	17° 13' 14"	106° 47' 30"					E-48-70-D-a
đường tỉnh 565	KX	TT. Kiến Giang	H. Lệ Thủy			17° 14' 57"	106° 48' 24"	17° 03' 51"	106° 37' 59"	E-48-70-D-a
kênh Hói Ngang	TV	TT. Kiến Giang	H. Lệ Thủy			17° 12' 58"	106° 46' 40"	17° 12' 22"	106° 47' 08"	E-48-70-D-a
sông Kiến Giang	TV	TT. Kiến Giang	H. Lệ Thủy			17° 06' 08"	106° 44' 50"	17° 20' 59"	106° 38' 16"	E-48-70-D-a
Chợ Tréo	KX	TT. Kiến Giang	H. Lệ Thủy	17° 13' 25"	106° 47' 15"					E-48-70-D-a
tổ dân phố 1	DC	TT. NT Lệ Ninh	H. Lệ Thủy	17° 12' 14"	106° 42' 52"					E-48-70-C
tổ dân phố 4	DC	TT. NT Lệ Ninh	H. Lệ Thủy	17° 14' 12"	106° 40' 59"					E-48-70-C
tổ dân phố 5	DC	TT. NT Lệ Ninh	H. Lệ Thủy	17° 14' 48"	106° 39' 54"					E-48-70-C
tổ dân phố 6	DC	TT. NT Lệ Ninh	H. Lệ Thủy	17° 15' 07"	106° 40' 58"					E-48-70-A-d
quốc lộ 15	KX	TT. NT Lệ Ninh	H. Lệ Thủy			18° 01' 47"	105° 51' 29"	17° 13' 46"	106° 41' 53"	E-48-70-A-d, E-48-70-C
tổ dân phố 2 + Quyết Tiến	DC	TT. NT Lệ Ninh	H. Lệ Thủy	17° 12' 11"	106° 37' 43"					E-48-70-C
tổ dân phố 2A	DC	TT. NT Lệ Ninh	H. Lệ Thủy	17° 14' 06"	106° 41' 29"					E-48-70-C
tổ dân phố 2B	DC	TT. NT Lệ Ninh	H. Lệ Thủy	17° 14' 27"	106° 41' 29"					E-48-70-C
tổ dân phố 2C	DC	TT. NT Lệ Ninh	H. Lệ Thủy	17° 13' 55"	106° 41' 29"					E-48-70-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 3A	DC	TT. NT Lệ Ninh	H. Lệ Thủy	17° 13' 45"	106° 40' 41"					E-48-70-C
tổ dân phố 3B	DC	TT. NT Lệ Ninh	H. Lệ Thủy	17° 13' 38"	106° 40' 20"					E-48-70-C
đường tỉnh 564	KX	TT. NT Lệ Ninh	H. Lệ Thủy			17° 16' 21"	106° 39' 26"	17° 05' 07"	106° 34' 36"	E-48-70-C, E-48-70-A-d
kênh Cẩm Ly	TV	TT. NT Lệ Ninh	H. Lệ Thủy			17° 12' 43"	106° 39' 17"	17° 14' 32"	106° 40' 19"	E-48-70-C
sông Cẩm Ly	TV	TT. NT Lệ Ninh	H. Lệ Thủy			17° 12' 45"	106° 39' 15"	17° 14' 49"	106° 44' 39"	E-48-70-C
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Đông	KX	TT. NT Lệ Ninh	H. Lệ Thủy			17° 39' 50"	106° 14' 59"	17° 03' 06"	106° 52' 12"	E-48-70-C, E-48-70-A-d
tổ dân phố Liên Cơ	DC	TT. NT Lệ Ninh	H. Lệ Thủy	17° 13' 44"	106° 41' 09"					E-48-70-C
tổ dân phố Phú Cường	DC	TT. NT Lệ Ninh	H. Lệ Thủy	17° 10' 44"	106° 44' 01"					E-48-70-C
kênh 186	TV	xã An Thủy	H. Lệ Thủy			17° 11' 58"	106° 45' 28"	17° 13' 13"	106° 43' 33"	E-48-70-C, E-48-70-D-a
sông Cẩm Ly	TV	xã An Thủy	H. Lệ Thủy			17° 12' 45"	106° 39' 15"	17° 14' 49"	106° 44' 39"	E-48-70-C
Hói Chợ	TV	xã An Thủy	H. Lệ Thủy			17° 12' 42"	106° 44' 22"	17° 13' 58"	106° 45' 39"	E-48-70-C, E-48-70-D-a
phá Hạc Hải	TV	xã An Thủy	H. Lệ Thủy	17° 17' 28"	106° 43' 25"					E-48-70-A-d
kênh Hói Cùng	TV	xã An Thủy	H. Lệ Thủy			17° 11' 04"	106° 45' 22"	17° 13' 33"	106° 46' 31"	E-48-70-D-a
sông Kiến Giang	TV	xã An Thủy	H. Lệ Thủy			17° 06' 08"	106° 44' 50"	17° 20' 59"	106° 38' 16"	E-48-70-C, E-48-70-D-a, E-48-70-A-d
thôn Lộc An	DC	xã An Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 28"	106° 45' 14"					E-48-70-D-a
thôn Lộc Hạ	DC	xã An Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 07"	106° 45' 28"					E-48-70-D-a
thôn Lộc Thượng	DC	xã An Thủy	H. Lệ Thủy	17° 13' 48"	106° 46' 00"					E-48-70-D-a
thôn Phú Thọ	DC	xã An Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 48"	106° 44' 22"					E-48-70-C
Hói Quan	TV	xã An Thủy	H. Lệ Thủy			17° 13' 07"	106° 44' 49"	17° 12' 32"	106° 46' 12"	E-48-70-C, E-48-70-D-a
thôn Tân Lệ	DC	xã An Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 48"	106° 44' 13"					E-48-70-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thạch Bàn	DC	xã An Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 46"	106° 44' 39"					E-48-70-C
hói Xuân Lai	TV	xã An Thủy	H. Lệ Thủy			17° 12' 32"	106° 46' 12"	17° 13' 09"	106° 46' 38"	E-48-70-D-a
quốc lộ 1A	KX	xã Cam Thủy	H. Lệ Thủy			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-70-D-a, E-48-70-B-c
đường tỉnh 565	KX	xã Cam Thủy	H. Lệ Thủy			17° 14' 57"	106° 48' 24"	17° 03' 51"	106° 37' 59"	E-48-70-D-a
thôn Đặng Lộc 1	DC	xã Cam Thủy	H. Lệ Thủy	17° 13' 47"	106° 50' 24"					E-48-70-D-a
thôn Đặng Lộc 2	DC	xã Cam Thủy	H. Lệ Thủy	17° 13' 57"	106° 50' 04"					E-48-70-D-a
thôn Đặng Lộc 3	DC	xã Cam Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 12"	106° 49' 41"					E-48-70-D-a
thôn Hòa Luật Nam	DC	xã Cam Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 39"	106° 48' 51"					E-48-70-D-a
thôn Hòa Tân	DC	xã Cam Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 28"	106° 48' 56"					E-48-70-D-a
thôn Mỹ Duyệt	DC	xã Cam Thủy	H. Lệ Thủy	17° 15' 04"	106° 48' 25"					E-48-70-B-c
kênh Sao Vàng	TV	xã Cam Thủy	H. Lệ Thủy			17° 13' 32"	106° 49' 42"	17° 12' 46"	106° 50' 31"	E-48-70-D-a
thôn Tân Lộc	DC	xã Cam Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 10"	106° 49' 57"					E-48-70-D-a
thôn Tân Phong	DC	xã Cam Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 35"	106° 49' 07"					E-48-70-D-a
thôn Tân Tiến	DC	xã Cam Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 16"	106° 49' 20"					E-48-70-D-a
thôn Bình Minh	DC	xã Dương Thủy	H. Lệ Thủy	17° 12' 26"	106° 49' 18"					E-48-70-D-a
khe Cửa Rào	TV	xã Dương Thủy	H. Lệ Thủy			17° 10' 39"	106° 50' 52"	17° 10' 56"	106° 50' 54"	E-48-70-D-a
thôn Đông Thiện	DC	xã Dương Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 17"	106° 49' 59"					E-48-70-D-a
sông Linh Giang	TV	xã Dương Thủy	H. Lệ Thủy			17° 10' 56"	106° 50' 54"	17° 13' 00"	106° 47' 37"	E-48-70-D-a
Hồ Luốc	TV	xã Dương Thủy	H. Lệ Thủy	17° 10' 53"	106° 49' 25"					E-48-70-D-a
hồ Mũi Động	TV	xã Dương Thủy	H. Lệ Thủy	17° 10' 39"	106° 50' 10"					E-48-70-D-a
thôn Nam Thiện	DC	xã Dương Thủy	H. Lệ Thủy	17° 10' 24"	106° 50' 16"					E-48-70-D-a
kênh Rào Sen	TV	xã Dương Thủy	H. Lệ Thủy			17° 12' 05"	106° 51' 32"	17° 11' 27"	106° 48' 11"	E-48-70-D-a
thôn Tây Thiện	DC	xã Dương Thủy	H. Lệ Thủy	17° 10' 52"	106° 49' 44"					E-48-70-D-a
thôn Trung Thiện	DC	xã Dương Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 34"	106° 49' 20"					E-48-70-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 15	KX	xã Hoa Thủy	H. Lệ Thủy			18° 01' 47"	105° 51' 29"	17° 13' 46"	106° 41' 53"	E-48-70-C, E-48-70-A-d
đồi Cây Xanh	SV	xã Hoa Thủy	H. Lệ Thủy	17° 15' 23"	106° 41' 13"					E-48-70-A-d
thôn Eo Rú	DC	xã Hoa Thủy	H. Lệ Thủy	17° 16' 17"	106° 41' 47"					E-48-70-A-d
phá Hạc Hải	TV	xã Hoa Thủy	H. Lệ Thủy	17° 17' 28"	106° 43' 25"					E-48-70-A-d
chợ Hoa Thủy	KX	xã Hoa Thủy	H. Lệ Thủy	17° 16' 10"	106° 42' 42"					E-48-70-A-d
thôn Lăng Chùa	DC	xã Hoa Thủy	H. Lệ Thủy	17° 16' 07"	106° 42' 03"					E-48-70-A-d
Thôn Mã	DC	xã Hoa Thủy	H. Lệ Thủy	17° 15' 50"	106° 42' 06"					E-48-70-A-d
thôn Ninh Lộc	DC	xã Hoa Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 37"	106° 41' 39"					E-48-70-C
thôn Phước Vinh	DC	xã Hoa Thủy	H. Lệ Thủy	17° 15' 05"	106° 41' 40"					E-48-70-A-d
thôn Thượng Xá	DC	xã Hoa Thủy	H. Lệ Thủy	17° 15' 32"	106° 41' 23"					E-48-70-A-d
thôn Xuân Bắc 1	DC	xã Hoa Thủy	H. Lệ Thủy	17° 16' 25"	106° 42' 08"					E-48-70-A-d
thôn Xuân Bắc 2	DC	xã Hoa Thủy	H. Lệ Thủy	17° 16' 12"	106° 42' 33"					E-48-70-A-d
thôn Xuân Bắc 3	DC	xã Hoa Thủy	H. Lệ Thủy	17° 16' 02"	106° 42' 23"					E-48-70-A-d
thôn Xuân Sơn	DC	xã Hoa Thủy	H. Lệ Thủy	17° 15' 41"	106° 41' 13"					E-48-70-A-d
quốc lộ 1A	KX	xã Hồng Thủy	H. Lệ Thủy			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-70-A-d, E-48-70-B-c
thôn An Định	DC	xã Hồng Thủy	H. Lệ Thủy	17° 16' 57"	106° 45' 51"					E-48-70-B-c
Chợ Chè	KX	xã Hồng Thủy	H. Lệ Thủy	17° 18' 38"	106° 43' 49"					E-48-70-A-d
thôn Đông Hải	DC	xã Hồng Thủy	H. Lệ Thủy	17° 18' 51"	106° 43' 33"					E-48-70-A-d
phá Hạc Hải	TV	xã Hồng Thủy	H. Lệ Thủy	17° 17' 28"	106° 43' 25"					E-48-70-A-d
sông Kiến Giang	TV	xã Hồng Thủy	H. Lệ Thủy			17° 06' 08"	106° 44' 50"	17° 20' 59"	106° 38' 16"	E-48-70-A-d, E-48-70-B-c
thôn Mốc Định	DC	xã Hồng Thủy	H. Lệ Thủy	17° 17' 01"	106° 45' 16"					E-48-70-B-c
thôn Mốc Thượng 1	DC	xã Hồng Thủy	H. Lệ Thủy	17° 17' 14"	106° 45' 15"					E-48-70-B-c
thôn Mốc Thượng 2	DC	xã Hồng Thủy	H. Lệ Thủy	17° 17' 32"	106° 45' 02"					E-48-70-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khe Phú Xuân	TV	xã Hồng Thủy	H. Lệ Thủy			17° 15' 57"	106° 45' 29"	17° 16' 43"	106° 46' 14"	E-48-70-B-c
sông Sao Vàng	TV	xã Hồng Thủy	H. Lệ Thủy			17° 14' 40"	106° 48' 06"	17° 15' 57"	106° 45' 16"	E-48-70-B-c
thôn Thạch Hạ	DC	xã Hồng Thủy	H. Lệ Thủy	17° 18' 41"	106° 43' 50"					E-48-70-A-d
thôn Thạch Thượng 1	DC	xã Hồng Thủy	H. Lệ Thủy	17° 17' 43"	106° 44' 50"					E-48-70-A-d
thôn Thạch Thượng 2	DC	xã Hồng Thủy	H. Lệ Thủy	17° 18' 05"	106° 44' 28"					E-48-70-A-d
thôn Thạch Trung	DC	xã Hồng Thủy	H. Lệ Thủy	17° 18' 21"	106° 44' 10"					E-48-70-A-d
quốc lộ 1A	KX	xã Hưng Thủy	H. Lệ Thủy			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-70-D-a, E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Đấu Tranh	DC	xã Hưng Thủy	H. Lệ Thủy	17° 13' 03"	106° 51' 22"					E-48-70-D-a
thôn Đoàn Kết	DC	xã Hưng Thủy	H. Lệ Thủy	17° 12' 34"	106° 51' 44"					E-48-70-D-a
thôn Hòa Đông	DC	xã Hưng Thủy	H. Lệ Thủy	17° 12' 10"	106° 52' 36"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
Chợ Mai	KX	xã Hưng Thủy	H. Lệ Thủy	17° 12' 52"	106° 51' 03"					E-48-70-D-a
Làng Mới	DC	xã Hưng Thủy	H. Lệ Thủy	17° 08' 07"	106° 53' 15"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Nội Mai	DC	xã Hưng Thủy	H. Lệ Thủy	17° 13' 12"	106° 51' 12"					E-48-70-D-a
thôn Phù Lưu	DC	xã Hưng Thủy	H. Lệ Thủy	17° 12' 29"	106° 52' 13"					E-48-70-D-a
thôn Phù Thị	DC	xã Hưng Thủy	H. Lệ Thủy	17° 13' 05"	106° 51' 02"					E-48-70-D-a
thôn Phù Thiết 1	DC	xã Hưng Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 42"	106° 53' 03"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Phù Thiết 2	DC	xã Hưng Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 37"	106° 53' 08"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
kênh Sao Vàng	TV	xã Hưng Thủy	H. Lệ Thủy			17° 13' 32"	106° 49' 42"	17° 12' 46"	106° 50' 31"	E-48-70-D-a
Rào Sen	TV	xã Hưng Thủy	H. Lệ Thủy			17° 10' 57"	106° 53' 49"	17° 12' 05"	106° 51' 32"	E-48-70-D-a, E-48-70-D-b, E-48-70-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tây Giáp	DC	xã Hưng Thủy	H. Lệ Thủy	17° 13' 23"	106° 50' 40"					E-48-70-D-a
thôn Thắng Lợi	DC	xã Hưng Thủy	H. Lệ Thủy	17° 13' 00"	106° 51' 25"					E-48-70-D-a
thôn Tương Trợ	DC	xã Hưng Thủy	H. Lệ Thủy	17° 12' 47"	106° 51' 37"					E-48-70-D-a
thôn Xóm Mới	DC	xã Hưng Thủy	H. Lệ Thủy	17° 13' 22"	106° 50' 55"					E-48-70-D-a
đường tỉnh 565	KX	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy			17° 14' 57"	106° 48' 24"	17° 03' 51"	106° 37' 59"	E-48-70-C, E-48-70-D-c, E-48-70-D-a
bản An Bai	DC	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy	17° 04' 14"	106° 44' 36"					E-48-70-C
suối An Bai	TV	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy			17° 02' 14"	106° 42' 55"	17° 03' 39"	106° 45' 05"	E-48-70-C, E-48-70-D-c
hồ An Mã	TV	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy	17° 06' 37"	106° 49' 17"					E-48-70-D-c
Bản Bang	DC	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy	17° 07' 04"	106° 45' 06"					E-48-70-D-a
Khe Bang	TV	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy			17° 08' 18"	106° 37' 30"	17° 06' 39"	106° 45' 08"	E-48-70-C, E-48-70-D-c
Suối nước khoáng Bang	KX	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy	17° 04' 50"	106° 45' 08"					E-48-70-D-c
Suối Bùn	TV	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy			17° 00' 06"	106° 33' 17"	17° 00' 40"	106° 38' 16"	E-48-70-C
bản Cây Bông	DC	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy	17° 06' 48"	106° 48' 43"					E-48-70-D-d
Rào Chân	TV	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy			16° 56' 21"	106° 44' 33"	17° 06' 03"	106° 44' 53"	E-48-82-A, E-48-82-B, E-48-70-C
Núi Châu	SV	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy	16° 56' 32"	106° 42' 02"					E-48-82-A
khe Chu Kê	TV	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy			17° 07' 37"	106° 37' 31"	17° 05' 52"	106° 45' 06"	E-48-70-C, E-48-70-D-c
Bản Chuôn	DC	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy	17° 05' 54"	106° 44' 58"					E-48-70-D-c
bản Cồn Cùng	DC	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy	17° 06' 50"	106° 46' 48"					E-48-70-D-d
núi Đông Vàng Vàng	SV	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy	16° 56' 25"	106° 36' 19"					E-48-82-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Hà Lẹc	DC	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy	17° 04' 42"	106° 45' 03"					E-48-70-D-d
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Đông	KX	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy			17° 39' 50"	106° 14' 59"	17° 03' 06"	106° 52' 12"	E-48-70-C, E-48-70-D-c, E-48-70-D-a
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Tây	KX	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy			17° 39' 50"	106° 14' 59"	16° 57' 41"	106° 35' 28"	E-48-82-A, E-48-70-C
bản Ho Rum	DC	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy	17° 01' 34"	106° 38' 22"					E-48-70-C
bản Khe Khế	DC	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy	17° 09' 06"	106° 44' 04"					E-48-70-C
sông Kiến Giang	TV	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy			17° 06' 08"	106° 44' 50"	17° 20' 59"	106° 38' 16"	E-48-70-C, E-48-70-D-c, E-48-70-D-a
sông Long Đại	TV	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy			17° 02' 01"	106° 39' 47"	17° 20' 59"	106° 38' 16"	E-48-70-C
bản Mít Cát	DC	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy	17° 03' 32"	106° 40' 18"					E-48-70-C
núi Mỏ Nhát	SV	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy	17° 09' 26"	106° 42' 55"					E-48-70-C
Khe Mọi	TV	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy			17° 04' 36"	106° 48' 08"	17° 06' 30"	106° 45' 12"	E-48-70-D-c
Khe Nạng	TV	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy			17° 07' 05"	106° 45' 34"	17° 08' 50"	106° 48' 02"	E-48-70-D-c, E-48-70-D-a
bản Ngã Ba Cổ Kiềng	DC	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy	17° 03' 06"	106° 52' 05"					E-48-70-D-d
sông Phú Hòa	TV	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy			17° 09' 46"	106° 43' 29"	17° 13' 58"	106° 45' 39"	E-48-70-C, E-48-70-D-a
sông Sa Ram	TV	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy			16° 59' 19"	106° 38' 14"	17° 00' 35"	106° 38' 13"	E-48-82-A, E-48-70-C
làng Thanh niên lập	DC	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy	17° 06' 49"	106° 48' 55"					E-48-70-D-d
núi Thu Lu	SV	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy	17° 01' 27"	106° 42' 44"					E-48-70-C
khe Thù Lù	TV	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy			17° 02' 22"	106° 42' 25"	17° 04' 17"	106° 38' 21"	E-48-70-C
Khe Trăm	TV	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy			17° 02' 02"	106° 48' 10"	17° 05' 37"	106° 45' 17"	E-48-70-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Trung Đoàn	DC	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy	17° 01' 36"	106° 38' 20"					E-48-70-C
Suối Vàng	TV	xã Kim Thủy	H. Lệ Thủy			16° 57' 38"	106° 35' 41"	16° 59' 19"	106° 38' 14"	E-48-82-A
Đồn Biên phòng 601	KX	xã Lâm Thủy	H. Lệ Thủy	17° 04' 55"	106° 35' 03"					E-48-70-C
đường tỉnh 564	KX	xã Lâm Thủy	H. Lệ Thủy			17° 16' 21"	106° 39' 26"	17° 05' 07"	106° 34' 36"	E-48-70-C
đường tỉnh 565	KX	xã Lâm Thủy	H. Lệ Thủy			17° 14' 57"	106° 48' 24"	17° 03' 51"	106° 37' 59"	E-48-69-D, E-48-81-B, E-48-70-C
bản Bạch Đàn	DC	xã Lâm Thủy	H. Lệ Thủy	17° 03' 23"	106° 34' 33"					E-48-70-C
suối Bạch Đàn	TV	xã Lâm Thủy	H. Lệ Thủy			17° 01' 05"	106° 32' 29"	17° 05' 15"	106° 35' 46"	E-48-70-C
bản Eo Bù Chút Mút	DC	xã Lâm Thủy	H. Lệ Thủy	17° 04' 47"	106° 30' 47"					E-48-70-C
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Tây	KX	xã Lâm Thủy	H. Lệ Thủy			17° 39' 50"	106° 14' 59"	16° 57' 41"	106° 35' 28"	E-48-69-D, E-48-81-B, E-48-82-A, E-48-70-C
núi Kho Rinh	SV	xã Lâm Thủy	H. Lệ Thủy	17° 03' 21"	106° 36' 07"					E-48-70-C
sông Long Đại	TV	xã Lâm Thủy	H. Lệ Thủy			17° 02' 01"	106° 39' 47"	17° 20' 59"	106° 38' 16"	E-48-69-D, E-48-81-B, E-48-70-C
Bản Mới	DC	xã Lâm Thủy	H. Lệ Thủy	17° 04' 26"	106° 36' 58"					E-48-70-C
khe Mụ Cáo	TV	xã Lâm Thủy	H. Lệ Thủy			17° 03' 06"	106° 30' 58"	17° 04' 51"	106° 30' 50"	E-48-70-C
suối Mụ Mệ	TV	xã Lâm Thủy	H. Lệ Thủy			17° 03' 13"	106° 36' 42"	17° 04' 30"	106° 37' 28"	E-48-70-C
sông Rào Reng	TV	xã Lâm Thủy	H. Lệ Thủy			17° 04' 51"	106° 30' 50"	17° 06' 29"	106° 31' 06"	E-48-70-C
suối Rào Reng	TV	xã Lâm Thủy	H. Lệ Thủy			17° 01' 30"	106° 29' 52"	17° 04' 51"	106° 30' 50"	E-48-69-D, E-48-81-B, E-48-70-C
Suối Reng	TV	xã Lâm Thủy	H. Lệ Thủy			17° 01' 06"	106° 31' 46"	17° 01' 30"	106° 29' 52"	E-48-69-D, E-48-81-B, E-48-70-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Tân Ly	DC	xã Lâm Thủy	H. Lệ Thủy	17° 05' 04"	106° 32' 58"					E-48-70-C
bản Tăng Ký	DC	xã Lâm Thủy	H. Lệ Thủy	17° 04' 55"	106° 35' 14"					E-48-70-C
bản Xà Khía	DC	xã Lâm Thủy	H. Lệ Thủy	17° 04' 33"	106° 36' 28"					E-48-70-C
đường tỉnh 565	KX	xã Liên Thủy	H. Lệ Thủy			17° 14' 57"	106° 48' 24"	17° 03' 51"	106° 37' 59"	E-48-70-D-a
thôn Đông Thành	DC	xã Liên Thủy	H. Lệ Thủy	17° 13' 47"	106° 47' 45"					E-48-70-D-a
sông Kiến Giang	TV	xã Liên Thủy	H. Lệ Thủy			17° 06' 08"	106° 44' 50"	17° 20' 59"	106° 38' 16"	E-48-70-D-a, E-48-70-B-c
sông Linh Giang	TV	xã Liên Thủy	H. Lệ Thủy			17° 10' 56"	106° 50' 54"	17° 13' 00"	106° 47' 37"	E-48-70-D-a
thôn Quy Hậu	DC	xã Liên Thủy	H. Lệ Thủy	17° 13' 05"	106° 47' 41"					E-48-70-D-a
kênh Sao Vàng	TV	xã Liên Thủy	H. Lệ Thủy			17° 14' 40"	106° 48' 06"	17° 15' 57"	106° 45' 16"	E-48-70-D-a, E-48-70-B-c
thôn Uẩn Áo	DC	xã Liên Thủy	H. Lệ Thủy	17° 12' 48"	106° 48' 07"					E-48-70-D-a
thôn Xuân Hồi	DC	xã Liên Thủy	H. Lệ Thủy	17° 13' 53"	106° 47' 31"					E-48-70-D-a
thôn An Xá	DC	xã Lộc Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 34"	106° 45' 20"					E-48-70-D-a
hói Đại Phong	TV	xã Lộc Thủy	H. Lệ Thủy			17° 14' 52"	106° 46' 49"	17° 15' 48"	106° 45' 17"	E-48-70-D-a, E-48-70-B-c
phá Hạc Hải	TV	xã Lộc Thủy	H. Lệ Thủy	17° 17' 28"	106° 43' 25"					E-48-70-A-d
sông Kiến Giang	TV	xã Lộc Thủy	H. Lệ Thủy			17° 06' 08"	106° 44' 50"	17° 20' 59"	106° 38' 16"	E-48-70-C, E-48-70-D-a, E-48-70-A-d, E-48-70-B-c
thôn Tuy Lộc	DC	xã Lộc Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 01"	106° 45' 47"					E-48-70-D-a
đường tỉnh 565	KX	xã Mai Thủy	H. Lệ Thủy			17° 14' 57"	106° 48' 24"	17° 03' 51"	106° 37' 59"	E-48-70-C, E-48-70-D-a
thôn Châu Xá	DC	xã Mai Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 11"	106° 46' 12"					E-48-70-D-a
Kênh Chính	TV	xã Mai Thủy	H. Lệ Thủy			17° 11' 35"	106° 45' 30"	17° 12' 37"	106° 47' 48"	E-48-70-D-a
khe Đập Mưng	TV	xã Mai Thủy	H. Lệ Thủy			17° 10' 32"	106° 45' 39"	17° 11' 20"	106° 46' 05"	E-48-70-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Động Nu	SV	xã Mai Thủy	H. Lệ Thủy	17° 09' 33"	106° 45' 47"					E-48-70-D-a
sông Kiến Giang	TV	xã Mai Thủy	H. Lệ Thủy			17° 06' 08"	106° 44' 50"	17° 20' 59"	106° 38' 16"	E-48-70-C, E-48-70-D-a
thôn Lệ Bình	DC	xã Mai Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 12"	106° 47' 32"					E-48-70-D-a
thôn Lê Xá	DC	xã Mai Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 16"	106° 46' 31"					E-48-70-D-a
thôn Mai Hạ	DC	xã Mai Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 19"	106° 46' 50"					E-48-70-D-a
thôn Mai Thượng	DC	xã Mai Thủy	H. Lệ Thủy	17° 10' 48"	106° 47' 36"					E-48-70-D-a
Đập Mưng	KX	xã Mai Thủy	H. Lệ Thủy	17° 10' 32"	106° 45' 39"					E-48-70-D-a
Hồ Mưng	TV	xã Mai Thủy	H. Lệ Thủy	17° 10' 20"	106° 45' 27"					E-48-70-D-a
cầu Mỹ Trạch	KX	xã Mai Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 22"	106° 47' 40"					E-48-70-D-a
thôn Quảng Trung	DC	xã Mai Thủy	H. Lệ Thủy	17° 10' 28"	106° 47' 36"					E-48-70-D-a
thôn Thái Xá	DC	xã Mai Thủy	H. Lệ Thủy	17° 09' 53"	106° 47' 50"					E-48-70-D-a
hồ Trọt Lép	TV	xã Mai Thủy	H. Lệ Thủy	17° 10' 15"	106° 46' 30"					E-48-70-D-a
thôn Xuân Lai	DC	xã Mai Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 32"	106° 47' 09"					E-48-70-D-a
sông Kiến Giang	TV	xã Mỹ Thủy	H. Lệ Thủy			17° 06' 08"	106° 44' 50"	17° 20' 59"	106° 38' 16"	E-48-70-D-a
Đập Làng	KX	xã Mỹ Thủy	H. Lệ Thủy	17° 10' 09"	106° 48' 29"					E-48-70-D-a
Hồ Làng	TV	xã Mỹ Thủy	H. Lệ Thủy	17° 10' 04"	106° 48' 26"					E-48-70-D-a
thôn Mỹ Hà	DC	xã Mỹ Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 54"	106° 48' 32"					E-48-70-D-a
ga Mỹ Trạch	KX	xã Mỹ Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 16"	106° 48' 12"					E-48-70-D-a
thôn Mỹ Trạch	DC	xã Mỹ Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 27"	106° 48' 11"					E-48-70-D-a
kênh Rào Sen	TV	xã Mỹ Thủy	H. Lệ Thủy			17° 12' 05"	106° 51' 32"	17° 11' 27"	106° 48' 11"	E-48-70-D-a
thôn Thống Nhất	DC	xã Mỹ Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 06"	106° 47' 55"					E-48-70-D-a
thôn Thuận Trạch	DC	xã Mỹ Thủy	H. Lệ Thủy	17° 12' 02"	106° 48' 37"					E-48-70-D-a
đường tỉnh 564	KX	xã Ngân Thủy	H. Lệ Thủy			17° 16' 21"	106° 39' 26"	17° 05' 07"	106° 34' 36"	E-48-70-C, E-48-70-A-d
đường tỉnh 565	KX	xã Ngân Thủy	H. Lệ Thủy			17° 14' 57"	106° 48' 24"	17° 03' 51"	106° 37' 59"	E-48-70-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khe Bang	TV	xã Ngân Thủy	H. Lệ Thủy			17° 08' 18"	106° 37' 30"	17° 06' 39"	106° 45' 08"	E-48-70-C
hồ Cẩm Ly	TV	xã Ngân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 12' 26"	106° 38' 51"					E-48-70-C
kênh Cẩm Ly	TV	xã Ngân Thủy	H. Lệ Thủy			17° 12' 43"	106° 39' 17"	17° 14' 32"	106° 40' 19"	E-48-70-C
sông Cẩm Ly	TV	xã Ngân Thủy	H. Lệ Thủy			17° 12' 45"	106° 39' 15"	17° 14' 49"	106° 44' 39"	E-48-70-C
thôn Cẩm Ly	DC	xã Ngân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 12' 55"	106° 39' 26"					E-48-70-C
bản Cây Sung	DC	xã Ngân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 28"	106° 35' 24"					E-48-70-C
khe Chu Kê	TV	xã Ngân Thủy	H. Lệ Thủy			17° 07' 37"	106° 37' 31"	17° 05' 52"	106° 45' 06"	E-48-70-C
bản Còi Đá	DC	xã Ngân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 00"	106° 35' 49"					E-48-70-C
bản Cửa Mẹc	DC	xã Ngân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 12' 27"	106° 39' 56"					E-48-70-C
khe Địa Lồng	TV	xã Ngân Thủy	H. Lệ Thủy			17° 08' 13"	106° 31' 48"	17° 06' 31"	106° 31' 24"	E-48-70-C
núi Động Dèo	SV	xã Ngân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 08' 55"	106° 33' 16"					E-48-70-C
núi Động Giao	SV	xã Ngân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 08' 01"	106° 37' 19"					E-48-70-C
bản Khe Giữa	DC	xã Ngân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 07' 13"	106° 35' 00"					E-48-70-C
suối Khe Giữa	TV	xã Ngân Thủy	H. Lệ Thủy			17° 06' 19"	106° 37' 35"	17° 07' 23"	106° 34' 25"	E-48-70-C
bản Km 14	DC	xã Ngân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 10' 51"	106° 36' 57"					E-48-70-C
sông Long Đại	TV	xã Ngân Thủy	H. Lệ Thủy			17° 02' 01"	106° 39' 47"	17° 20' 59"	106° 38' 16"	E-48-69-D, E-48-81-B, E-48-70-C, E-48-70-A-d
Kênh Nam	TV	xã Ngân Thủy	H. Lệ Thủy			17° 12' 53"	106° 39' 30"	17° 12' 14"	106° 40' 41"	E-48-70-C
Khe Róc	TV	xã Ngân Thủy	H. Lệ Thủy			17° 06' 33"	106° 36' 21"	17° 05' 52"	106° 34' 55"	E-48-70-C
khe Thù Lù	TV	xã Ngân Thủy	H. Lệ Thủy			17° 02' 22"	106° 42' 25"	17° 04' 17"	106° 38' 21"	E-48-70-C
đường tỉnh 569	KX	xã Ngư Thủy Bắc	H. Lệ Thủy			17° 28' 33"	106° 38' 02"	17° 14' 26"	106° 53' 03"	E-48-70-B-c, E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Bắc Hòa	DC	xã Ngư Thủy Bắc	H. Lệ Thủy	17° 17' 25"	106° 48' 53"					E-48-70-B-c
Khe Cau	TV	xã Ngư Thủy Bắc	H. Lệ Thủy			17° 17' 49"	106° 47' 03"	17° 18' 17"	106° 48' 16"	E-48-70-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tân Hải	DC	xã Ngư Thủy Bắc	H. Lệ Thủy	17° 17' 04"	106° 49' 29"					E-48-70-B-c
thôn Tân Hòa	DC	xã Ngư Thủy Bắc	H. Lệ Thủy	17° 15' 56"	106° 51' 01"					E-48-70-B-c
thôn Tân Thuận	DC	xã Ngư Thủy Bắc	H. Lệ Thủy	17° 16' 04"	106° 50' 41"					E-48-70-B-c
khe Troong Mạ	TV	xã Ngư Thủy Bắc	H. Lệ Thủy			17° 13' 28"	106° 52' 27"	17° 14' 34"	106° 53' 10"	E-48-70-D-a, E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Trung Thành	DC	xã Ngư Thủy Bắc	H. Lệ Thủy	17° 14' 31"	106° 52' 59"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Liêm Bắc	DC	xã Ngư Thủy Nam	H. Lệ Thủy	17° 10' 40"	106° 58' 07"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Liêm Nam	DC	xã Ngư Thủy Nam	H. Lệ Thủy	17° 10' 19"	106° 58' 42"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
khe Liêm Tiến	TV	xã Ngư Thủy Nam	H. Lệ Thủy			17° 11' 06"	106° 56' 57"	17° 11' 31"	106° 57' 06"	E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Liêm Tiến	DC	xã Ngư Thủy Nam	H. Lệ Thủy	17° 11' 26"	106° 57' 01"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Nam Tiến	DC	xã Ngư Thủy Nam	H. Lệ Thủy	17° 11' 15"	106° 57' 19"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
khe Ông Hậu	TV	xã Ngư Thủy Nam	H. Lệ Thủy			17° 10' 48"	106° 57' 26"	17° 11' 19"	106° 57' 22"	E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Tây Thôn	DC	xã Ngư Thủy Nam	H. Lệ Thủy	17° 10' 04"	106° 59' 01"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
Đồn Biên phòng 200	KX	xã Ngư Thủy Trung	H. Lệ Thủy	17° 14' 04"	106° 53' 08"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
Khe Chuối	TV	xã Ngư Thủy Trung	H. Lệ Thủy			17° 13' 12"	106° 54' 10"	17° 13' 42"	106° 54' 16"	E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
Khe Cóc	TV	xã Ngư Thủy Trung	H. Lệ Thủy			17° 12' 29"	106° 54' 47"	17° 13' 04"	106° 55' 02"	E-48-70-D-b, E-48-70-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khe Dinh	TV	xã Ngư Thủy Trung	H. Lệ Thủy			17° 13' 20"	106° 53' 42"	17° 13' 55"	106° 53' 59"	E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
Khe Giữa	TV	xã Ngư Thủy Trung	H. Lệ Thủy			17° 13' 19"	106° 53' 51"	17° 13' 51"	106° 54' 05"	E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Nam Hải	DC	xã Ngư Thủy Trung	H. Lệ Thủy	17° 12' 45"	106° 55' 07"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Tân Thượng Hải	DC	xã Ngư Thủy Trung	H. Lệ Thủy	17° 12' 27"	106° 55' 34"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Thượng Bắc	DC	xã Ngư Thủy Trung	H. Lệ Thủy	17° 13' 36"	106° 53' 55"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Thượng Hải	DC	xã Ngư Thủy Trung	H. Lệ Thủy	17° 13' 41"	106° 54' 00"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Thượng Nam	DC	xã Ngư Thủy Trung	H. Lệ Thủy	17° 12' 55"	106° 54' 55"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
Khe Tràm	TV	xã Ngư Thủy Trung	H. Lệ Thủy			17° 12' 16"	106° 55' 08"	17° 12' 46"	106° 55' 22"	E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
di tích lịch sử Trận địa pháo nữ dân quân Ngư Thủy	KX	xã Ngư Thủy Trung	H. Lệ Thủy	17° 13' 32"	106° 54' 01"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
khe Troong Mạ	TV	xã Ngư Thủy Trung	H. Lệ Thủy			17° 13' 28"	106° 52' 27"	17° 14' 34"	106° 53' 10"	E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
khe Troong Mật	TV	xã Ngư Thủy Trung	H. Lệ Thủy			17° 13' 44"	106° 53' 22"	17° 14' 21"	106° 53' 24"	E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
hói Đại Phong	TV	xã Phong Thủy	H. Lệ Thủy			17° 15' 48"	106° 45' 17"	17° 13' 53"	106° 46' 10"	E-48-70-D-a, E-48-70-B-c
thôn Đại Phong 1	DC	xã Phong Thủy	H. Lệ Thủy	17° 13' 55"	106° 46' 18"					E-48-70-D-a
thôn Đại Phong 2	DC	xã Phong Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 09"	106° 46' 20"					E-48-70-D-a
thôn Đại Phong 3	DC	xã Phong Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 37"	106° 46' 26"					E-48-70-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đại Phong 4	DC	xã Phong Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 49"	106° 46' 33"					E-48-70-D-a
sông Hà Cạn	TV	xã Phong Thủy	H. Lệ Thủy			17° 15' 06"	106° 47' 09"	17° 14' 12"	106° 47' 38"	E-48-70-D-a, E-48-70-B-c
sông Kiến Giang	TV	xã Phong Thủy	H. Lệ Thủy			17° 06' 08"	106° 44' 50"	17° 20' 59"	106° 38' 16"	E-48-70-D-a, E-48-70-B-c
sông Sao Vàng	TV	xã Phong Thủy	H. Lệ Thủy			17° 14' 40"	106° 48' 06"	17° 15' 57"	106° 45' 16"	E-48-70-D-a, E-48-70-B-c
thôn Thượng Phong 1	DC	xã Phong Thủy	H. Lệ Thủy	17° 13' 45"	106° 46' 27"					E-48-70-D-a
thôn Thượng Phong 2	DC	xã Phong Thủy	H. Lệ Thủy	17° 13' 36"	106° 46' 45"					E-48-70-D-a
thôn Thượng Phong 3	DC	xã Phong Thủy	H. Lệ Thủy	17° 13' 47"	106° 47' 18"					E-48-70-D-a
thôn Thượng Phong 4	DC	xã Phong Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 10"	106° 47' 30"					E-48-70-D-a
kênh 186	TV	xã Phú Thủy	H. Lệ Thủy			17° 11' 58"	106° 45' 28"	17° 13' 13"	106° 43' 33"	E-48-70-C, E-48-70-D-a
đường tỉnh 565	KX	xã Phú Thủy	H. Lệ Thủy			17° 14' 57"	106° 48' 24"	17° 03' 51"	106° 37' 59"	E-48-70-C, E-48-70-D-a
Kênh Chính	TV	xã Phú Thủy	H. Lệ Thủy			17° 11' 35"	106° 45' 30"	17° 12' 37"	106° 47' 48"	E-48-70-D-a
khe Chu Kê	TV	xã Phú Thủy	H. Lệ Thủy			17° 10' 07"	106° 41' 44"	17° 09' 57"	106° 43' 37"	E-48-70-C
khe Đập Mưng	TV	xã Phú Thủy	H. Lệ Thủy			17° 10' 32"	106° 45' 39"	17° 11' 20"	106° 46' 05"	E-48-70-D-a
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Đông	KX	xã Phú Thủy	H. Lệ Thủy			17° 39' 50"	106° 14' 59"	17° 03' 06"	106° 52' 12"	E-48-70-C, E-48-70-D-a
kênh Hói Cùng	TV	xã Phú Thủy	H. Lệ Thủy			17° 11' 04"	106° 45' 22"	17° 13' 33"	106° 46' 31"	E-48-70-D-a
ga Phú Hòa	KX	xã Phú Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 39"	106° 44' 32"					E-48-70-C
sông Phú Hòa	TV	xã Phú Thủy	H. Lệ Thủy			17° 09' 46"	106° 43' 29"	17° 13' 58"	106° 45' 39"	E-48-70-C, E-48-70-D-a
thôn Phú Hòa	DC	xã Phú Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 37"	106° 44' 10"					E-48-70-C
thôn Phú Xuân	DC	xã Phú Thủy	H. Lệ Thủy	17° 10' 42"	106° 44' 49"					E-48-70-C
thôn Tam Hương	DC	xã Phú Thủy	H. Lệ Thủy	17° 12' 25"	106° 42' 51"					E-48-70-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Thạch Bàn	TV	xã Phú Thủy	H. Lệ Thủy			17° 10' 24"	106° 45' 20"	17° 11' 04"	106° 45' 22"	E-48-70-D-a
thôn Thạch Bàn	DC	xã Phú Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 10"	106° 45' 35"					E-48-70-D-a
thôn Văn Xá	DC	xã Phú Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 12"	106° 45' 20"					E-48-70-D-a
quốc lộ 1A	KX	xã Sen Thủy	H. Lệ Thủy			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
sông Đâu Giang	TV	xã Sen Thủy	H. Lệ Thủy			17° 07' 43"	106° 53' 44"	17° 10' 56"	106° 50' 54"	E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
Bàu Dum	TV	xã Sen Thủy	H. Lệ Thủy	17° 09' 09"	106° 56' 44"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Hòa Bình	DC	xã Sen Thủy	H. Lệ Thủy	17° 08' 31"	106° 56' 21"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Nồm Bớc	DC	xã Sen Thủy	H. Lệ Thủy	17° 10' 04"	106° 56' 00"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
Bàu Sen	TV	xã Sen Thủy	H. Lệ Thủy	17° 10' 37"	106° 54' 52"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
Rào Sen	TV	xã Sen Thủy	H. Lệ Thủy			17° 10' 57"	106° 53' 49"	17° 12' 05"	106° 51' 32"	E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Sen Bình	DC	xã Sen Thủy	H. Lệ Thủy	17° 07' 53"	106° 57' 07"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Sen Đông	DC	xã Sen Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 30"	106° 54' 18"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Sen Thượng 1	DC	xã Sen Thủy	H. Lệ Thủy	17° 10' 26"	106° 54' 14"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Sen Thượng 2	DC	xã Sen Thủy	H. Lệ Thủy	17° 10' 07"	106° 54' 52"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
hồ Thanh Sơn	TV	xã Sen Thủy	H. Lệ Thủy	17° 08' 56"	106° 53' 07"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thanh Sơn	DC	xã Sen Thủy	H. Lệ Thủy	17° 07' 15"	106° 53' 56"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
khe Trầm Kỳ	TV	xã Sen Thủy	H. Lệ Thủy			17° 06' 50"	106° 54' 53"	17° 06' 34"	106° 55' 31"	E-48-70-D-d
thôn Trầm Kỳ	DC	xã Sen Thủy	H. Lệ Thủy	17° 06' 52"	106° 54' 58"					E-48-70-D-d
Bàu Trống	TV	xã Sen Thủy	H. Lệ Thủy	17° 10' 21"	106° 56' 19"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Trung Tân	DC	xã Sen Thủy	H. Lệ Thủy	17° 08' 08"	106° 56' 33"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Xóm Đồn	DC	xã Sen Thủy	H. Lệ Thủy	17° 09' 24"	106° 55' 39"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Xóm Dum	DC	xã Sen Thủy	H. Lệ Thủy	17° 09' 04"	106° 55' 54"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Xóm Phường	DC	xã Sen Thủy	H. Lệ Thủy	17° 09' 37"	106° 55' 05"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
quốc lộ 15	KX	xã Sơn Thủy	H. Lệ Thủy			18° 01' 47"	105° 51' 29"	17° 13' 46"	106° 41' 53"	E-48-70-C
sông Cẩm Ly	TV	xã Sơn Thủy	H. Lệ Thủy			17° 12' 45"	106° 39' 15"	17° 14' 49"	106° 44' 39"	E-48-70-C
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Đông	KX	xã Sơn Thủy	H. Lệ Thủy			17° 39' 50"	106° 14' 59"	17° 03' 06"	106° 52' 12"	E-48-70-C, E-48-70-A-d
thôn Hoàng Đàm	DC	xã Sơn Thủy	H. Lệ Thủy	17° 13' 59"	106° 42' 33"					E-48-70-C
thôn Hoàng Viễn	DC	xã Sơn Thủy	H. Lệ Thủy	17° 13' 42"	106° 41' 56"					E-48-70-C
thôn Lại Xá	DC	xã Sơn Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 16"	106° 42' 55"					E-48-70-C
thôn Lộc Xá	DC	xã Sơn Thủy	H. Lệ Thủy	17° 13' 33"	106° 42' 04"					E-48-70-C
ga Mỹ Đức	KX	xã Sơn Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 22"	106° 41' 37"					E-48-70-C
thôn Mỹ Đức	DC	xã Sơn Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 08"	106° 41' 58"					E-48-70-C
thôn Mỹ Hòa	DC	xã Sơn Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 24"	106° 42' 52"					E-48-70-C
Kênh Nam	TV	xã Sơn Thủy	H. Lệ Thủy			17° 12' 53"	106° 39' 30"	17° 12' 14"	106° 40' 41"	E-48-70-C
thôn Ngô Bắc	DC	xã Sơn Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 24"	106° 42' 59"					E-48-70-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ngô Xá	DC	xã Sơn Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 19"	106° 43' 01"					E-48-70-C
thôn Trung Tín	DC	xã Sơn Thủy	H. Lệ Thủy	17° 13' 25"	106° 42' 15"					E-48-70-C
thôn Vinh Quang	DC	xã Sơn Thủy	H. Lệ Thủy	17° 14' 48"	106° 42' 57"					E-48-70-C
hồ Cải Cách	TV	xã Tân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 10' 49"	106° 52' 20"					E-48-70-D-a
sông Đâu Giang	TV	xã Tân Thủy	H. Lệ Thủy			17° 07' 43"	106° 53' 44"	17° 10' 56"	106° 50' 54"	E-48-70-D-a, E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
hồ Khe Gia	TV	xã Tân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 30"	106° 51' 56"					E-48-70-D-a
sông Linh Giang	TV	xã Tân Thủy	H. Lệ Thủy			17° 10' 56"	106° 50' 54"	17° 13' 00"	106° 47' 37"	E-48-70-D-a
kênh Rào Sen	TV	xã Tân Thủy	H. Lệ Thủy			17° 12' 05"	106° 51' 32"	17° 11' 27"	106° 48' 11"	E-48-70-D-a
hói Sao Vàng	TV	xã Tân Thủy	H. Lệ Thủy			17° 13' 32"	106° 49' 42"	17° 12' 46"	106° 50' 31"	E-48-70-D-a
Rào Sen	TV	xã Tân Thủy	H. Lệ Thủy			17° 10' 57"	106° 53' 49"	17° 12' 05"	106° 51' 32"	E-48-70-D-a, E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Tân Bằng	DC	xã Tân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 12' 08"	106° 50' 54"					E-48-70-D-a
thôn Tân Đa	DC	xã Tân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 10' 00"	106° 51' 21"					E-48-70-D-a
thôn Tân Hạ	DC	xã Tân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 57"	106° 49' 37"					E-48-70-D-a
thôn Tân Hòa	DC	xã Tân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 53"	106° 49' 26"					E-48-70-D-a
thôn Tân Lạc	DC	xã Tân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 52"	106° 50' 35"					E-48-70-D-a
thôn Tân Lộc	DC	xã Tân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 10' 57"	106° 51' 20"					E-48-70-D-a
thôn Tân Lực	DC	xã Tân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 08"	106° 51' 54"					E-48-70-D-a
thôn Tân Ly	DC	xã Tân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 34"	106° 50' 47"					E-48-70-D-a
thôn Tân Ninh	DC	xã Tân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 12' 22"	106° 50' 12"					E-48-70-D-a
thôn Tân Thái	DC	xã Tân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 12' 05"	106° 51' 00"					E-48-70-D-a
thôn Tân Thịnh	DC	xã Tân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 22"	106° 50' 47"					E-48-70-D-a
thôn Tân Truyền	DC	xã Tân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 11' 24"	106° 51' 29"					E-48-70-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Tiền Phong	TV	xã Tân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 10' 06"	106° 52' 17"					E-48-70-D-a
thôn An Lão	DC	xã Thái Thủy	H. Lệ Thủy	17° 10' 33"	106° 50' 55"					E-48-70-D-a
hồ An Mã	TV	xã Thái Thủy	H. Lệ Thủy	17° 06' 37"	106° 49' 17"					E-48-70-D-c
thôn Bắc Thái	DC	xã Thái Thủy	H. Lệ Thủy	17° 09' 58"	106° 50' 28"					E-48-70-D-a
hồ Cổ Hụ	TV	xã Thái Thủy	H. Lệ Thủy	17° 08' 14"	106° 51' 17"					E-48-70-D-a
khe Cửa Rào	TV	xã Thái Thủy	H. Lệ Thủy			17° 10' 39"	106° 50' 52"	17° 10' 56"	106° 50' 54"	E-48-70-D-a
hồ Dạ Lam	TV	xã Thái Thủy	H. Lệ Thủy	17° 08' 10"	106° 51' 42"					E-48-70-D-a
sông Đâu Giang	TV	xã Thái Thủy	H. Lệ Thủy			17° 07' 43"	106° 53' 44"	17° 10' 56"	106° 50' 54"	E-48-70-D-a, E-48-70-D-b,
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Đông	KX	xã Thái Thủy	H. Lệ Thủy			17° 39' 50"	106° 14' 59"	17° 03' 06"	106° 52' 12"	E-48-70-D-c, E-48-70-D-a
thôn Minh Tiến	DC	xã Thái Thủy	H. Lệ Thủy	17° 08' 40"	106° 51' 03"					E-48-70-D-a
thôn Nam Thái	DC	xã Thái Thủy	H. Lệ Thủy	17° 08' 33"	106° 51' 31"					E-48-70-D-a
thôn Thái Sơn	DC	xã Thái Thủy	H. Lệ Thủy	17° 08' 18"	106° 51' 50"					E-48-70-D-a
hồ Thanh Sơn	TV	xã Thái Thủy	H. Lệ Thủy	17° 08' 56"	106° 53' 07"					E-48-70-D-b, E-48-70-B-d
thôn Thanh Sơn	DC	xã Thái Thủy	H. Lệ Thủy	17° 09' 17"	106° 51' 55"					E-48-70-D-a
ga Thượng Lâm	KX	xã Thái Thủy	H. Lệ Thủy	17° 09' 09"	106° 51' 29"					E-48-70-D-a
Hói Trồng	TV	xã Thái Thủy	H. Lệ Thủy			17° 05' 15"	106° 51' 31"	17° 07' 49"	106° 49' 08"	E-48-70-D-c, E-48-70-D-a
thôn Trung Thái	DC	xã Thái Thủy	H. Lệ Thủy	17° 09' 26"	106° 50' 56"					E-48-70-D-a
hồ Vũng Mồ	TV	xã Thái Thủy	H. Lệ Thủy	17° 09' 34"	106° 49' 58"					E-48-70-D-a
quốc lộ 1A	KX	xã Thanh Thủy	H. Lệ Thủy			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-70-D-a, E-48-70-B-c
thôn Phú Việt	DC	xã Thanh Thủy	H. Lệ Thủy	17° 16' 28"	106° 46' 37"					E-48-70-B-c
khe Phú Xuân	TV	xã Thanh Thủy	H. Lệ Thủy			17° 15' 57"	106° 45' 29"	17° 16' 43"	106° 46' 14"	E-48-70-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Sao Vàng	TV	xã Thanh Thủy	H. Lệ Thủy			17° 14' 40"	106° 48' 06"	17° 15' 57"	106° 45' 16"	E-48-70-D-a, E-48-70-B-c
thôn Thanh Mỹ 1	DC	xã Thanh Thủy	H. Lệ Thủy	17° 15' 22"	106° 48' 01"					E-48-70-B-c
thôn Thanh Mỹ 2	DC	xã Thanh Thủy	H. Lệ Thủy	17° 15' 42"	106° 47' 32"					E-48-70-B-c
thôn Thanh Mỹ 3	DC	xã Thanh Thủy	H. Lệ Thủy	17° 15' 45"	106° 47' 19"					E-48-70-B-c
thôn Thanh Tân 1	DC	xã Thanh Thủy	H. Lệ Thủy	17° 15' 55"	106° 47' 04"					E-48-70-B-c
thôn Thanh Tân 2	DC	xã Thanh Thủy	H. Lệ Thủy	17° 16' 10"	106° 46' 53"					E-48-70-B-c
thôn Thanh Tân 4	DC	xã Thanh Thủy	H. Lệ Thủy	17° 16' 42"	106° 46' 18"					E-48-70-B-c
núi An Mã	SV	xã Trường Thủy	H. Lệ Thủy	17° 07' 59"	106° 47' 50"					E-48-70-D-a
thôn Cồn Thi	DC	xã Trường Thủy	H. Lệ Thủy	1° 78' 53"	106° 45' 58"					E-48-70-D-a
thôn Đại Thủy	DC	xã Trường Thủy	H. Lệ Thủy	17° 09' 10"	106° 47' 30"					E-48-70-D-a
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Đông	KX	xã Trường Thủy	H. Lệ Thủy			17° 39' 50"	106° 14' 59"	17° 03' 06"	106° 52' 12"	E-48-70-C, E-48-70-D-c, E-48-70-D-a
thôn Hồng Giang	DC	xã Trường Thủy	H. Lệ Thủy	17° 08' 40"	106° 46' 53"					E-48-70-D-a
thôn Hương Thủy	DC	xã Trường Thủy	H. Lệ Thủy	17° 09' 12"	106° 46' 40"					E-48-70-D-a
sông Kiến Giang	TV	xã Trường Thủy	H. Lệ Thủy			17° 06' 08"	106° 44' 50"	17° 20' 59"	106° 38' 16"	E-48-70-C, E-48-70-D-c, E-48-70-D-a
thôn Kim Tiền	DC	xã Trường Thủy	H. Lệ Thủy	17° 07' 41"	106° 47' 36"					E-48-70-D-a
thôn Long Thủy	DC	xã Trường Thủy	H. Lệ Thủy	1° 79' 16"	106° 47' 12"					E-48-70-D-a
thôn Lục Giang	DC	xã Trường Thủy	H. Lệ Thủy	17° 08' 40"	106° 45' 42"					E-48-70-D-a
thôn Lục Sơn	DC	xã Trường Thủy	H. Lệ Thủy	17° 08' 42"	106° 46' 16"					E-48-70-D-a
Khe Nạng	TV	xã Trường Thủy	H. Lệ Thủy			17° 07' 05"	106° 45' 34"	17° 08' 50"	106° 48' 02"	E-48-70-D-c, E-48-70-D-a
lăng mộ Nguyễn Hữu Cảnh	KX	xã Trường Thủy	H. Lệ Thủy	17° 09' 09"	106° 47' 26"					E-48-70-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Núi Non	SV	xã Trường Thủy	H. Lệ Thủy	17° 09' 33"	106° 45' 47"					E-48-70-D-a
khe Rào Con	TV	xã Trường Thủy	H. Lệ Thủy			17° 07' 49"	106° 49' 08"	17° 08' 55"	106° 48' 06"	E-48-70-D-a
thôn Vườn Hoa	DC	xã Trường Thủy	H. Lệ Thủy	17° 09' 01"	106° 46' 37"					E-48-70-D-a
hồ An Mã	TV	xã Văn Thủy	H. Lệ Thủy	17° 06' 37"	106° 49' 17"					E-48-70-D-c
núi An Mã	SV	xã Văn Thủy	H. Lệ Thủy	17° 07' 59"	106° 47' 50"					E-48-70-D-a
thôn Ba Canh	DC	xã Văn Thủy	H. Lệ Thủy	17° 08' 16"	106° 48' 24"					E-48-70-D-a
hồ Đông Xuân	TV	xã Văn Thủy	H. Lệ Thủy	17° 08' 07"	106° 49' 46"					E-48-70-D-a
thôn Đông Xuân	DC	xã Văn Thủy	H. Lệ Thủy	17° 07' 54"	106° 49' 02"					E-48-70-D-a
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Đông	KX	xã Văn Thủy	H. Lệ Thủy			17° 39' 50"	106° 14' 59"	17° 03' 06"	106° 52' 12"	E-48-70-D-c, E-48-70-D-a
sông Kiến Giang	TV	xã Văn Thủy	H. Lệ Thủy			17° 06' 08"	106° 44' 50"	17° 20' 59"	106° 38' 16"	E-48-70-D-c, E-48-70-D-a
khe Rào Con	TV	xã Văn Thủy	H. Lệ Thủy			17° 06' 42"	106° 49' 05"	17° 08' 55"	106° 48' 06"	E-48-70-D-c, E-48-70-D-a
thôn Tiến Giang	DC	xã Văn Thủy	H. Lệ Thủy	17° 07' 27"	106° 48' 41"					E-48-70-D-a
thôn Trạng Cau	DC	xã Văn Thủy	H. Lệ Thủy	17° 08' 28"	106° 48' 15"					E-48-70-D-a
Hói Trồng	TV	xã Văn Thủy	H. Lệ Thủy			17° 05' 15"	106° 51' 31"	17° 07' 49"	106° 49' 08"	E-48-70-D-c, E-48-70-D-a
hồ Văn Minh	TV	xã Văn Thủy	H. Lệ Thủy	17° 08' 35"	106° 49' 14"					E-48-70-D-a
thôn Văn Minh	DC	xã Văn Thủy	H. Lệ Thủy	17° 09' 14"	106° 48' 18"					E-48-70-D-a
thôn Việt Xô	DC	xã Văn Thủy	H. Lệ Thủy	17° 07' 32"	106° 49' 03"					E-48-70-D-c
thôn Xuân Giang	DC	xã Văn Thủy	H. Lệ Thủy	17° 07' 53"	106° 48' 34"					E-48-70-D-a
đường tỉnh 565	KX	xã Xuân Thủy	H. Lệ Thủy			17° 14' 57"	106° 48' 24"	17° 03' 51"	106° 37' 59"	E-48-70-D-a
Kênh Chính	TV	xã Xuân Thủy	H. Lệ Thủy			17° 11' 35"	106° 45' 30"	17° 12' 37"	106° 47' 48"	E-48-70-D-a
thôn Hoàng Giang	DC	xã Xuân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 12' 43"	106° 47' 46"					E-48-70-D-a
kênh Hói Cùng	TV	xã Xuân Thủy	H. Lệ Thủy			17° 11' 04"	106° 45' 22"	17° 13' 33"	106° 46' 31"	E-48-70-D-a
kênh Hói Ngang	TV	xã Xuân Thủy	H. Lệ Thủy			17° 12' 58"	106° 46' 40"	17° 12' 22"	106° 47' 08"	E-48-70-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Kiến Giang	TV	xã Xuân Thủy	H. Lệ Thủy			17° 06' 08"	106° 44' 50"	17° 20' 59"	106° 38' 16"	E-48-70-D-a
thôn Mai Hạ	DC	xã Xuân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 13' 07"	106° 46' 46"					E-48-70-D-a
thôn Phan Xá	DC	xã Xuân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 12' 52"	106° 47' 33"					E-48-70-D-a
thôn Tiền Thiệp	DC	xã Xuân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 12' 37"	106° 48' 10"					E-48-70-D-a
thôn Xuân Bồ	DC	xã Xuân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 12' 16"	106° 48' 16"					E-48-70-D-a
hói Xuân Lai	TV	xã Xuân Thủy	H. Lệ Thủy			17° 12' 32"	106° 46' 12"	17° 13' 09"	106° 46' 38"	E-48-70-D-a
thôn Xuân Lai	DC	xã Xuân Thủy	H. Lệ Thủy	17° 13' 20"	106° 46' 45"					E-48-70-D-a
tiểu khu 1	DC	TT. Quy Đạt	H. Minh Hóa	17° 49' 07"	105° 57' 52"					E-48-56-B
tiểu khu 2	DC	TT. Quy Đạt	H. Minh Hóa	17° 48' 48"	105° 57' 48"					E-48-56-B
tiểu khu 3	DC	TT. Quy Đạt	H. Minh Hóa	17° 48' 43"	105° 58' 17"					E-48-56-B
tiểu khu 4	DC	TT. Quy Đạt	H. Minh Hóa	17° 48' 33"	105° 58' 35"					E-48-56-B
tiểu khu 5	DC	TT. Quy Đạt	H. Minh Hóa	17° 48' 38"	105° 57' 48"					E-48-56-B
tiểu khu 6	DC	TT. Quy Đạt	H. Minh Hóa	17° 48' 24"	105° 57' 31"					E-48-56-B
tiểu khu 7	DC	TT. Quy Đạt	H. Minh Hóa	17° 48' 32"	105° 57' 52"					E-48-56-B
tiểu khu 8	DC	TT. Quy Đạt	H. Minh Hóa	17° 48' 14"	105° 58' 04"					E-48-56-B
tiểu khu 9	DC	TT. Quy Đạt	H. Minh Hóa	17° 47' 56"	105° 58' 32"					E-48-56-B
quốc lộ 12A	KX	TT. Quy Đạt	H. Minh Hóa			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-56-B
Khe Bạ	TV	TT. Quy Đạt	H. Minh Hóa			17° 49' 25"	105° 59' 38"	17° 48' 57"	105° 58' 28"	E-48-56-B
quốc lộ 12A	KX	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-56-D, E-48-56-C, E-48-56-B
bản Ba Loóc	DC	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 48' 13"	105° 45' 48"					E-48-56-B
bản Bãi Dinh	DC	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 45' 34"	105° 46' 09"					E-48-56-B
núi Bải Dinh	SV	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 47' 52"	105° 44' 01"					E-48-56-A
bản Cha Lo	DC	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 43' 10"	105° 46' 06"					E-48-56-D, E-48-56-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Cha Lo	TV	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa			17° 44' 28"	105° 46' 56"	17° 45' 59"	105° 46' 04"	E-48-56-D, E-48-56-C, E-48-56-B
Cửa khẩu Cha Lo	KX	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 40' 48"	105° 45' 54"					E-48-56-D, E-48-56-C
núi Co Ca Reng	SV	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 49' 10"	105° 43' 00"					E-48-56-A
núi Cô Pi	SV	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 48' 42"	105° 41' 08"					E-48-56-A
Di tích lịch sử Cổng trời	KX	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 43' 47"	105° 46' 21"					E-48-56-D, E-48-56-C
bản Hà Nôông	DC	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 49' 29"	105° 45' 54"					E-48-56-B
bản Hà Vi	DC	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 47' 25"	105° 46' 49"					E-48-56-B
bản Ca Ai	DC	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 45' 14"	105° 45' 11"					E-48-56-B
núi Ca Ai	SV	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 44' 46"	105° 43' 42"					E-48-56-D, E-48-56-C
bản Ca Định	DC	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 49' 24"	105° 46' 46"					E-48-56-B
bản Ca Reng	DC	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 47' 12"	105° 46' 33"					E-48-56-B
phu Ca Ty	SV	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 43' 23"	105° 44' 29"					E-48-56-D, E-48-56-C
bản Ca Vàng	DC	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 45' 20"	105° 45' 29"					E-48-56-B
núi Khe Chay	SV	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 49' 11"	105° 49' 00"					E-48-56-B
núi Mã Tác	SV	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 46' 09"	105° 47' 20"					E-48-56-B
đèo Mụ Giạ	SV	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 40' 38"	105° 45' 53"					E-48-56-D, E-48-56-C
phu Nặm Rụng	SV	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 45' 27"	105° 42' 59"					E-48-56-A
Núi Nét	SV	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 49' 59"	105° 40' 54"					E-48-56-A
suối Nước Rụng	TV	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa			17° 47' 26"	105° 41' 01"	17° 45' 33"	105° 46' 18"	E-48-56-A, E-48-56-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Ô Ốc	DC	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 46' 42"	105° 46' 28"					E-48-56-B
suối Rào Cái	TV	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa			17° 45' 59"	105° 46' 04"	17° 50' 08"	105° 46' 26"	E-48-56-B
suối Ta Co	TV	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa			17° 50' 04"	105° 41' 41"	17° 51' 46"	105° 45' 02"	E-48-56-A, E-48-56-B
bản Tà Leng	DC	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 49' 42"	105° 46' 40"					E-48-56-B
bản Tà Rà	DC	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 49' 25"	105° 45' 41"					E-48-56-B
núi Tóc Vù	SV	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 40' 45"	105° 46' 47"					E-48-56-D, E-48-56-C
dãy Trường Sơn	SV	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-56-A
suối Vân Vân	TV	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa			17° 42' 30"	105° 45' 31"	17° 42' 52"	105° 45' 54"	E-48-56-D, E-48-56-C
bản Y Leng	DC	xã Dân Hóa	H. Minh Hóa	17° 48' 12"	105° 46' 30"					E-48-56-B
khe Bản Chuối	TV	xã Hóa Hợp	H. Minh Hóa			17° 51' 37"	105° 54' 01"	17° 47' 59"	105° 56' 16"	E-48-56-B
thôn Đa Năng	DC	xã Hóa Hợp	H. Minh Hóa	17° 47' 34"	105° 54' 24"					E-48-56-B
thôn Đa Thịnh	DC	xã Hóa Hợp	H. Minh Hóa	17° 47' 52"	105° 54' 12"					E-48-56-B
núi Động Quạn	SV	xã Hóa Hợp	H. Minh Hóa	17° 51' 11"	105° 53' 37"					E-48-56-B
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Hóa Hợp	H. Minh Hóa			18° 03' 50"	105° 49' 27"	17° 04' 40"	106° 51' 35"	E-48-56-B
Núi Hòm	SV	xã Hóa Hợp	H. Minh Hóa	17° 53' 06"	105° 53' 10"					E-48-56-B
thôn Lâm Hóa	DC	xã Hóa Hợp	H. Minh Hóa	17° 51' 16"	105° 52' 31"					E-48-56-B
thôn Lâm Khai	DC	xã Hóa Hợp	H. Minh Hóa	17° 51' 50"	105° 52' 22"					E-48-56-B
eo Lập Cập	SV	xã Hóa Hợp	H. Minh Hóa	17° 47' 04"	105° 53' 58"					E-48-56-B
Khe Nhảy	TV	xã Hóa Hợp	H. Minh Hóa			17° 51' 48"	105° 53' 53"	17° 52' 44"	105° 52' 53"	E-48-56-B
Khe Sy	TV	xã Hóa Hợp	H. Minh Hóa			17° 54' 35"	105° 53' 01"	17° 52' 46"	105° 53' 36"	E-48-56-B
thôn Tân Bình	DC	xã Hóa Hợp	H. Minh Hóa	17° 49' 22"	105° 53' 25"					E-48-56-B
thôn Tân Hòa	DC	xã Hóa Hợp	H. Minh Hóa	17° 49' 53"	105° 53' 18"					E-48-56-B
thôn Tân Lợi	DC	xã Hóa Hợp	H. Minh Hóa	17° 51' 12"	105° 52' 33"					E-48-56-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tân Thuận	DC	xã Hóa Hợp	H. Minh Hóa	17° 50' 30"	105° 53' 08"					E-48-56-B
thôn Tân Tiến	DC	xã Hóa Hợp	H. Minh Hóa	17° 48' 56"	105° 53' 31"					E-48-56-B
Khe Trảy	TV	xã Hóa Hợp	H. Minh Hóa			17° 51' 43"	105° 52' 16"	17° 53' 02"	105° 50' 07"	E-48-56-B
quốc lộ 12C	KX	xã Hóa Phúc	H. Minh Hóa			17° 55' 21"	106° 08' 01"	17° 52' 52"	105° 51' 11"	E-48-56-B
núi Ba Láng	SV	xã Hóa Phúc	H. Minh Hóa	17° 53' 50"	105° 51' 05"					E-48-56-B
núi Cây Trôi	SV	xã Hóa Phúc	H. Minh Hóa	17° 55' 11"	105° 52' 46"					E-48-56-B
Động Chằm	SV	xã Hóa Phúc	H. Minh Hóa	17° 55' 30"	105° 51' 51"					E-48-56-B
lèn Công Tốc	SV	xã Hóa Phúc	H. Minh Hóa	17° 54' 03"	105° 51' 01"					E-48-56-B
núi Cục Kiêu	SV	xã Hóa Phúc	H. Minh Hóa	17° 56' 24"	105° 51' 09"					E-48-56-B
khe Đò Đò	TV	xã Hóa Phúc	H. Minh Hóa			17° 56' 42"	105° 51' 26"	17° 56' 39"	105° 51' 39"	E-48-56-B
ngọn Đò Đò	SV	xã Hóa Phúc	H. Minh Hóa	17° 56' 50"	105° 52' 46"					E-48-56-B
Khe Hòm	TV	xã Hóa Phúc	H. Minh Hóa			17° 53' 22"	105° 53' 04"	17° 54' 21"	105° 53' 16"	E-48-56-B
Núi Hòm	SV	xã Hóa Phúc	H. Minh Hóa	17° 53' 06"	105° 53' 10"					E-48-56-B
thôn Kiên Trinh	DC	xã Hóa Phúc	H. Minh Hóa	17° 55' 20"	105° 51' 20"					E-48-56-B
Khe Lớp	TV	xã Hóa Phúc	H. Minh Hóa			17° 56' 59"	105° 52' 18"	17° 58' 09"	105° 55' 17"	E-48-56-B
Dốc Mọ	SV	xã Hóa Phúc	H. Minh Hóa	17° 54' 56"	105° 51' 43"					E-48-56-B
núi Ông Trường	SV	xã Hóa Phúc	H. Minh Hóa	17° 55' 48"	105° 51' 31"					E-48-56-B
khe Rạch Cối	TV	xã Hóa Phúc	H. Minh Hóa			17° 56' 48"	105° 51' 57"	17° 55' 59"	105° 52' 15"	E-48-56-B
Động Rèm	SV	xã Hóa Phúc	H. Minh Hóa	17° 56' 50"	105° 52' 46"					E-48-56-B
Khe Sy	TV	xã Hóa Phúc	H. Minh Hóa			17° 54' 35"	105° 53' 01"	17° 52' 46"	105° 53' 36"	E-48-56-B
Thôn Sy	DC	xã Hóa Phúc	H. Minh Hóa	17° 53' 47"	105° 52' 02"					E-48-56-B
thôn Đặng Hóa	DC	xã Hóa Sơn	H. Minh Hóa	17° 45' 48"	105° 52' 56"					E-48-56-B
bản Hóa Lương	DC	xã Hóa Sơn	H. Minh Hóa	17° 47' 40"	105° 52' 08"					E-48-56-B
eo Lập Cập	SV	xã Hóa Sơn	H. Minh Hóa	17° 47' 04"	105° 53' 58"					E-48-56-B
bản Lương Năng	DC	xã Hóa Sơn	H. Minh Hóa	17° 47' 25"	105° 52' 20"					E-48-56-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Má Xang	SV	xã Hóa Sơn	H. Minh Hóa	17° 40' 51"	105° 52' 16"					E-48-56-D, E-48-56-C
thôn Tăng Hóa	DC	xã Hóa Sơn	H. Minh Hóa	17° 44' 48"	105° 53' 09"					E-48-56-D, E-48-56-C
thôn Thuận Hóa	DC	xã Hóa Sơn	H. Minh Hóa	17° 46' 06"	105° 52' 42"					E-48-56-B
núi Tóc Vù	SV	xã Hóa Sơn	H. Minh Hóa	17° 40' 45"	105° 46' 47"					E-48-56-D, E-48-56-C
Lèn Trính	SV	xã Hóa Sơn	H. Minh Hóa	17° 43' 38"	105° 53' 09"					E-48-56-D, E-48-56-C
Phu Xang	SV	xã Hóa Sơn	H. Minh Hóa	17° 39' 39"	105° 48' 11"					E-48-56-D, E-48-56-C
dãy Trường Sơn	SV	xã Hóa Sơn	H. Minh Hóa	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-56-(D,C)
quốc lộ 12A	KX	xã Hóa Thanh	H. Minh Hóa			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-56-B
núi Cà Bông	SV	xã Hóa Thanh	H. Minh Hóa	17° 55' 03"	105° 47' 09"					E-48-56-B
đồi Chả Mác	SV	xã Hóa Thanh	H. Minh Hóa	17° 52' 38"	105° 47' 52"					E-48-56-B
núi Đồng Điểm	SV	xã Hóa Thanh	H. Minh Hóa	17° 52' 40"	105° 48' 31"					E-48-56-B
lèn Eo Thang	SV	xã Hóa Thanh	H. Minh Hóa	17° 52' 10"	105° 48' 50"					E-48-56-B
Sông Gianh	TV	xã Hóa Thanh	H. Minh Hóa			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-56-B
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Hóa Thanh	H. Minh Hóa			18° 03' 49"	105° 49' 29"	17° 39' 50"	106° 14' 59"	E-48-56-B
ngã ba Khe Ve	KX	xã Hóa Thanh	H. Minh Hóa	17° 54' 22"	105° 49' 18"					E-48-56-B
núi Mụ Rộộng	SV	xã Hóa Thanh	H. Minh Hóa	17° 53' 31"	105° 45' 45"					E-48-56-B
thôn Thanh Lâm	DC	xã Hóa Thanh	H. Minh Hóa	17° 53' 32"	105° 49' 49"					E-48-56-B
thôn Thanh Long	DC	xã Hóa Thanh	H. Minh Hóa	17° 53' 31"	105° 49' 36"					E-48-56-B
thôn Thanh Sơn	DC	xã Hóa Thanh	H. Minh Hóa	17° 53' 04"	105° 49' 46"					E-48-56-B
thôn Thanh Tân	DC	xã Hóa Thanh	H. Minh Hóa	17° 53' 07"	105° 49' 35"					E-48-56-B
Khe Ve	TV	xã Hóa Thanh	H. Minh Hóa			17° 47' 06"	105° 54' 52"	17° 54' 33"	105° 48' 42"	E-48-56-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 12C	KX	xã Hóa Tiến	H. Minh Hóa			17° 55' 21"	106° 08' 01"	17° 52' 52"	105° 51' 11"	E-48-56-B
núi Ba Láng	SV	xã Hóa Tiến	H. Minh Hóa	17° 53' 50"	105° 51' 05"					E-48-56-B
lèn Công Tốc	SV	xã Hóa Tiến	H. Minh Hóa	17° 54' 03"	105° 51' 01"					E-48-56-B
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Hóa Tiến	H. Minh Hóa			18° 03' 49"	105° 49' 29"	17° 39' 50"	106° 14' 59"	E-48-56-B
thôn La Vân	DC	xã Hóa Tiến	H. Minh Hóa	17° 51' 13"	105° 50' 41"					E-48-56-B
thôn Má Lậu	DC	xã Hóa Tiến	H. Minh Hóa	17° 52' 43"	105° 50' 21"					E-48-56-B
thôn Ông Chinh	DC	xã Hóa Tiến	H. Minh Hóa	17° 52' 14"	105° 50' 39"					E-48-56-B
thôn Tân Tiến	DC	xã Hóa Tiến	H. Minh Hóa	17° 52' 43"	105° 50' 50"					E-48-56-B
Khe Trảy	TV	xã Hóa Tiến	H. Minh Hóa			17° 51' 43"	105° 52' 16"	17° 53' 02"	105° 50' 07"	E-48-56-B
thôn Yên Hòa	DC	xã Hóa Tiến	H. Minh Hóa	17° 52' 42"	105° 50' 14"					E-48-56-B
thôn Yên Phong	DC	xã Hóa Tiến	H. Minh Hóa	17° 52' 32"	105° 50' 02"					E-48-56-B
thôn Yên Thái	DC	xã Hóa Tiến	H. Minh Hóa	17° 51' 33"	105° 50' 22"					E-48-56-B
thôn Yên Thành	DC	xã Hóa Tiến	H. Minh Hóa	17° 52' 30"	105° 50' 16"					E-48-56-B
quốc lộ 12A	KX	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-56-B, E-48-57-A
quốc lộ 12C	KX	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa			17° 55' 21"	106° 08' 01"	17° 52' 52"	105° 51' 11"	E-48-56-B
Khe Ang	TV	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa			17° 53' 58"	105° 54' 26"	17° 52' 49"	105° 56' 23"	E-48-56-B
Lèn Bạc	SV	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa	17° 52' 23"	105° 55' 53"					E-48-56-B
Khe Cái	TV	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa			17° 52' 49"	105° 56' 23"	17° 55' 27"	105° 58' 29"	E-48-56-B
Dốc Cảng	SV	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa	17° 51' 09"	105° 57' 19"					E-48-56-B
khe Cầu Roòng	TV	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa			17° 53' 15"	105° 58' 20"	17° 53' 04"	105° 57' 20"	E-48-56-B
dốc Chon Von	SV	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa	17° 52' 08"	105° 57' 16"					E-48-56-B
Núi Hòm	SV	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa	17° 53' 06"	105° 53' 10"					E-48-56-B
khe La Ken	TV	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa			17° 53' 15"	105° 53' 28"	17° 53' 58"	105° 54' 26"	E-48-56-B
khe La Thớ	TV	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa			17° 54' 29"	105° 53' 08"	17° 53' 58"	105° 54' 26"	E-48-56-B
Cầu Lớ	KX	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa	17° 52' 28"	105° 57' 51"					E-48-56-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Dốc Lớ	SV	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa	17° 52' 42"	105° 57' 57"					E-48-56-B
Khe Lớ	TV	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa			17° 50' 59"	106° 00' 36"	17° 53' 16"	105° 57' 13"	E-48-56-B, E-48-57-A
Khe Lớp	TV	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa			17° 56' 59"	105° 52' 18"	17° 58' 09"	105° 55' 17"	E-48-56-B
lèn Ong Ngoi	SV	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa	17° 51' 09"	105° 57' 04"					E-48-56-B
thôn Quảng Hóa	DC	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa	17° 51' 56"	105° 57' 10"					E-48-56-B
Khe Roòn	TV	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa			17° 49' 14"	106° 00' 51"	17° 52' 49"	105° 56' 23"	E-48-56-B, E-48-57-A
thôn Rôồng	DC	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa	17° 53' 49"	105° 55' 21"					E-48-56-B
Thôn Rục	DC	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa	17° 53' 10"	105° 55' 51"					E-48-56-B
Khe Tang	TV	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa			17° 52' 53"	105° 55' 20"	17° 53' 08"	105° 55' 36"	E-48-56-B
thôn Tiến Hóa 1	DC	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa	17° 53' 23"	105° 54' 41"					E-48-56-B
thôn Tiến Hóa 2	DC	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa	17° 53' 54"	105° 54' 34"					E-48-56-B
Thôn Trấu	DC	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa	17° 53' 22"	105° 55' 42"					E-48-56-B
Khe Vặn	TV	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa			17° 51' 35"	105° 54' 36"	17° 53' 23"	105° 54' 54"	E-48-56-B
thôn Văn Hóa 1	DC	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa	17° 52' 18"	105° 56' 29"					E-48-56-B
thôn Văn Hóa 2	DC	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa	17° 52' 42"	105° 56' 16"					E-48-56-B
Thôn Vè	DC	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa	17° 53' 34"	105° 54' 59"					E-48-56-B
thôn Yên Hồng	DC	xã Hồng Hóa	H. Minh Hóa	17° 52' 19"	105° 55' 38"					E-48-56-B
thôn 1 Kim Bảng	DC	xã Minh Hóa	H. Minh Hóa	17° 46' 43"	106° 00' 09"					E-48-57-A
quốc lộ 12A	KX	xã Minh Hóa	H. Minh Hóa			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-56-B, E-48-57-A
thôn 2 Kim Bảng	DC	xã Minh Hóa	H. Minh Hóa	17° 46' 38"	106° 00' 24"					E-48-57-A
thôn 3 Kim Bảng	DC	xã Minh Hóa	H. Minh Hóa	17° 46' 36"	106° 00' 37"					E-48-57-A
thôn 4 Kim Bảng	DC	xã Minh Hóa	H. Minh Hóa	17° 46' 35"	106° 00' 48"					E-48-57-A
thôn 5 Kim Bảng	DC	xã Minh Hóa	H. Minh Hóa	17° 46' 45"	106° 00' 50"					E-48-57-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Núi Bo	SV	xã Minh Hóa	H. Minh Hóa	17° 44' 59"	106° 01' 53"					E-48-57-C
Khe Cối	TV	xã Minh Hóa	H. Minh Hóa			17° 44' 22"	106° 02' 30"	17° 43' 58"	106° 01' 20"	E-48-57-C
thôn Lạc Thiện	DC	xã Minh Hóa	H. Minh Hóa	17° 46' 43"	106° 00' 15"					E-48-56-B
sông Rào Nan	TV	xã Minh Hóa	H. Minh Hóa			17° 44' 58"	105° 58' 41"	17° 43' 39"	106° 25' 06"	E-48-56-B, E-48-57-A
thôn Tân Sơn	DC	xã Minh Hóa	H. Minh Hóa	17° 46' 25"	105° 59' 28"					E-48-56-B
thôn Tân Thượng	DC	xã Minh Hóa	H. Minh Hóa	17° 46' 43"	105° 59' 19"					E-48-56-B
thôn Tân Trung	DC	xã Minh Hóa	H. Minh Hóa	17° 46' 27"	105° 59' 22"					E-48-56-B
Núi Vịnh	SV	xã Minh Hóa	H. Minh Hóa	17° 45' 38"	106° 02' 47"					E-48-57-A
thôn 1 Thanh Long	DC	xã Quy Hóa	H. Minh Hóa	17° 47' 23"	105° 58' 46"					E-48-56-B
quốc lộ 12A	KX	xã Quy Hóa	H. Minh Hóa			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-56-B, E-48-57-A
thôn 2 Thanh Long	DC	xã Quy Hóa	H. Minh Hóa	17° 47' 19"	105° 59' 17"					E-48-56-B
thôn 3 Thanh Long	DC	xã Quy Hóa	H. Minh Hóa	17° 47' 54"	105° 59' 01"					E-48-56-B
thôn 4 Thanh Long	DC	xã Quy Hóa	H. Minh Hóa	17° 47' 46"	105° 58' 56"					E-48-56-B
thôn 1 Yên Thọ	DC	xã Tân Hóa	H. Minh Hóa	17° 47' 27"	106° 02' 12"					E-48-57-A
thôn 2 Yên Thọ	DC	xã Tân Hóa	H. Minh Hóa	17° 46' 24"	106° 02' 18"					E-48-57-A
thôn 3 Yên Thọ	DC	xã Tân Hóa	H. Minh Hóa	17° 46' 23"	106° 02' 28"					E-48-57-A
thôn 4 Yên Thọ	DC	xã Tân Hóa	H. Minh Hóa	17° 46' 03"	106° 02' 59"					E-48-57-A
thôn 5 Yên Thọ	DC	xã Tân Hóa	H. Minh Hóa	17° 45' 10"	106° 03' 32"					E-48-57-A
thôn Cổ Liêm	DC	xã Tân Hóa	H. Minh Hóa	17° 46' 16"	106° 01' 14"					E-48-57-A
suối Hung Than	TV	xã Tân Hóa	H. Minh Hóa			17° 48' 34"	106° 01' 47"	17° 47' 07"	106° 00' 59"	E-48-57-A
sông Rào Nan	TV	xã Tân Hóa	H. Minh Hóa			17° 44' 58"	105° 58' 41"	17° 43' 39"	106° 25' 06"	E-48-57-A
thôn Rí Rị	DC	xã Tân Hóa	H. Minh Hóa	17° 44' 51"	106° 03' 10"					E-48-57-C
Núi Tò	SV	xã Tân Hóa	H. Minh Hóa	17° 43' 27"	106° 05' 16"					E-48-57-C
Núi Vịnh	SV	xã Tân Hóa	H. Minh Hóa	17° 45' 38"	106° 02' 47"					E-48-57-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đập Cu Nhăng	KX	xã Thượng Hóa	H. Minh Hóa	17° 42' 17"	105° 57' 27"					E-48-56-D, E-48-56-C
đèo Đá Đẽo	SV	xã Thượng Hóa	H. Minh Hóa	17° 38' 57"	106° 05' 16"					E-48-57-C
Khe Dồi	TV	xã Thượng Hóa	H. Minh Hóa			17° 42' 48"	106° 05' 14"	17° 44' 58"	105° 58' 41"	E-48-56-D, E-48-56-C, E-48-57-C
Thôn Hát	DC	xã Thượng Hóa	H. Minh Hóa	17° 42' 28"	105° 58' 09"					E-48-56-D, E-48-56-C
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thượng Hóa	H. Minh Hóa			18° 03' 50"	105° 49' 27"	17° 04' 40"	106° 51' 35"	E-48-56-D, E-48-56-C, E-48-57-C
thôn Khai Hóa	DC	xã Thượng Hóa	H. Minh Hóa	17° 42' 54"	105° 57' 43"					E-48-56-D, E-48-56-C
núi Ma Ma	SV	xã Thượng Hóa	H. Minh Hóa	17° 36' 39"	105° 55' 19"					E-48-56-D, E-48-56-C
bản Mò O Ô Ồ	DC	xã Thượng Hóa	H. Minh Hóa	17° 40' 35"	105° 55' 58"					E-48-56-D, E-48-56-C
sông Nước Cái	TV	xã Thượng Hóa	H. Minh Hóa			17° 43' 04"	105° 57' 29"	17° 44' 58"	105° 58' 41"	E-48-56-D, E-48-56-C
suối Nước Cái	TV	xã Thượng Hóa	H. Minh Hóa			17° 40' 35"	106° 05' 48"	17° 43' 04"	105° 57' 29"	E-48-56-D, E-48-56-C, E-48-57-C
Bản Ón	DC	xã Thượng Hóa	H. Minh Hóa	17° 40' 17"	105° 57' 54"					E-48-56-D, E-48-56-C
bản Phú Minh	DC	xã Thượng Hóa	H. Minh Hóa	17° 40' 53"	106° 04' 02"					E-48-57-C
thôn Phú Nhiêu	DC	xã Thượng Hóa	H. Minh Hóa	17° 41' 23"	106° 01' 20"					E-48-56-D, E-48-56-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Quang	DC	xã Thượng Hóa	H. Minh Hóa	17° 43' 09"	105° 57' 20"					E-48-56-D, E-48-56-C
Thôn Quyền	DC	xã Thượng Hóa	H. Minh Hóa	17° 43' 03"	105° 57' 29"					E-48-56-D, E-48-56-C
núi Roong Trườn	SV	xã Thượng Hóa	H. Minh Hóa	17° 34' 03"	105° 54' 58"					E-48-56-D, E-48-56-C
thôn Tiến Hóa	DC	xã Thượng Hóa	H. Minh Hóa	17° 42' 04"	105° 58' 28"					E-48-56-D, E-48-56-C
Núi Tò	SV	xã Thượng Hóa	H. Minh Hóa	17° 43' 27"	106° 05' 16"					E-48-57-C
bản Yên Hợp	DC	xã Thượng Hóa	H. Minh Hóa	17° 40' 17"	105° 57' 08"					E-48-56-D, E-48-56-C
suối Yên Hợp	TV	xã Thượng Hóa	H. Minh Hóa			17° 41' 20"	105° 54' 12"	17° 40' 37"	105° 57' 45"	E-48-56-D, E-48-56-C
quốc lộ 12A	KX	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-56-B
suối A Man	TV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa			17° 52' 44"	105° 43' 40"	17° 51' 18"	105° 45' 16"	E-48-56-A, E-48-56-B
suối Ca Ai	TV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa			17° 49' 22"	105° 42' 59"	17° 50' 16"	105° 46' 10"	E-48-56-A, E-48-56-B
suối Cà Xèng	TV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa			17° 55' 06"	105° 37' 16"	17° 54' 56"	105° 40' 12"	E-48-56-A
bản Cha Cáp	DC	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 51' 47"	105° 43' 33"					E-48-56-A
núi Co Ca Reng	SV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 49' 10"	105° 43' 00"					E-48-56-A
Bản Dộ	DC	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 52' 43"	105° 43' 22"					E-48-56-A
lèn Eo Thang	SV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 52' 10"	105° 48' 50"					E-48-56-B
núi Giăng Màn	SV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 54' 22"	105° 38' 28"					E-48-56-A
Sông Gianh	TV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa			17° 50' 09"	105° 46' 27"	17° 42' 22"	106° 29' 23"	E-48-56-B
Bản Hưng	DC	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 50' 59"	105° 46' 55"					E-48-56-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Ca Inh	DC	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 51' 53"	105° 47' 47"					E-48-56-B
bản Ca Oóc	DC	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 51' 12"	105° 45' 32"					E-48-56-B
bản Ca Rét	DC	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 50' 25"	105° 46' 55"					E-48-56-B
bản Khe Cấy	DC	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 50' 05"	105° 47' 24"					E-48-56-B
bản Khe Rôông	DC	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 51' 59"	105° 48' 13"					E-48-56-B
suối Khe Vàng	TV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa			17° 54' 56"	105° 40' 12"	17° 52' 44"	105° 43' 40"	E-48-56-A
núi Kon Tho	SV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 51' 15"	105° 43' 05"					E-48-56-A
bản La Trọng 1	DC	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 51' 40"	105° 48' 13"					E-48-56-B
bản La Trọng 2	DC	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 51' 11"	105° 48' 08"					E-48-56-B
Bản Lé	DC	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 51' 09"	105° 46' 27"					E-48-56-B
núi Lê Phai	SV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 51' 24"	105° 39' 35"					E-48-56-A
phu Lếch Phay	SV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 51' 49"	105° 39' 37"					E-48-56-A
phu Lo Ri	SV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 53' 15"	105° 36' 09"					E-48-56-A
bản Lòm Ca Chăm	DC	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 53' 43"	105° 42' 03"					E-48-56-A
suối Lộn Lên	TV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa			17° 57' 00"	105° 37' 36"	17° 59' 36"	105° 41' 27"	E-48-56-A
núi Mụ Rôông	SV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 53' 31"	105° 45' 45"					E-48-56-B
Núi Nét	SV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 49' 59"	105° 40' 54"					E-48-56-A
sông Ngã Hai	TV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa			17° 54' 11"	105° 43' 20"	17° 50' 09"	105° 46' 26"	E-48-56-A, E-48-56-B
bản Ông Tú	DC	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 51' 15"	105° 46' 35"					E-48-56-B
bản Pà Choòng	DC	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 50' 00"	105° 45' 27"					E-48-56-B
Suối Phiến	TV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa			17° 52' 50"	105° 37' 29"	17° 54' 56"	105° 40' 12"	E-48-56-A
núi Phu Ca Ninh	SV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 53' 28"	105° 44' 11"					E-48-56-A
núi Phu Lạt Ngoi	SV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 55' 22"	105° 40' 46"					E-48-56-A
núi Phú Pliệc	SV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 54' 39"	105° 42' 55"					E-48-56-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Phu Rê	SV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 56' 35"	105° 40' 40"					E-48-56-A
suối Pliệc	TV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa			17° 53' 31"	105° 43' 48"	17° 53' 02"	105° 43' 33"	E-48-56-A
bản Ra Mai	DC	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 50' 46"	105° 44' 51"					E-48-56-A
suối Rào Cái	TV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa			17° 45' 59"	105° 46' 04"	17° 50' 08"	105° 46' 26"	E-48-56-B
bản Rôông	DC	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 52' 07"	105° 47' 49"					E-48-56-B
núi Sả Hói	SV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 51' 51"	105° 40' 47"					E-48-56-A
Suối Son	TV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa			17° 50' 25"	105° 40' 40"	17° 54' 06"	105° 41' 10"	E-48-56-A
Bản Sy	DC	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 51' 09"	105° 44' 22"					E-48-56-A
bản Tà Vòng Tà Doong	DC	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 52' 49"	105° 43' 32"					E-48-56-A
suối Tay O	TV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa			17° 52' 26"	105° 40' 50"	17° 53' 29"	105° 42' 27"	E-48-56-A
núi Tay U	SV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	17° 52' 28"	105° 41' 52"					E-48-56-A
Suối Thinh	TV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa			17° 52' 10"	105° 43' 09"	17° 52' 44"	105° 43' 40"	E-48-56-A
Suối Thô	TV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa			17° 51' 10"	105° 41' 10"	17° 53' 03"	105° 43' 32"	E-48-56-A
suối Tố Cố	TV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa			17° 50' 04"	105° 41' 41"	17° 51' 46"	105° 45' 02"	E-48-56-A, E-48-56-B
dãy Trường Sơn	SV	xã Trọng Hóa	H. Minh Hóa	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-56-A
quốc lộ 12A	KX	xã Trung Hóa	H. Minh Hóa			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-56-B, E-48-57-A
thôn Bình Minh 1	DC	xã Trung Hóa	H. Minh Hóa	17° 44' 48"	105° 58' 24"					E-48-56-D, E-48-56-C
thôn Bình Minh 2	DC	xã Trung Hóa	H. Minh Hóa	17° 45' 36"	105° 57' 43"					E-48-56-B
Khe Cối	TV	xã Trung Hóa	H. Minh Hóa			17° 44' 22"	106° 02' 30"	17° 43' 58"	106° 01' 20"	E-48-57-C
núi Cồn Cao	SV	xã Trung Hóa	H. Minh Hóa	17° 46' 37"	105° 56' 47"					E-48-56-B
Khe Dồi	TV	xã Trung Hóa	H. Minh Hóa			17° 42' 48"	106° 05' 14"	17° 44' 58"	105° 58' 41"	E-48-56-D, E-48-56-C, E-48-57-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Trung Hóa	H. Minh Hóa			18° 03' 49"	105° 49' 29"	17° 39' 50"	106° 14' 59"	E-48-56-D, E-48-56-C, E-48-56-B, E-48-57-C
đập Hói Roóc	KX	xã Trung Hóa	H. Minh Hóa	1° 74' 46"	105° 55' 35"					E-48-56-D, E-48-56-C
thôn Kinh Tế Pheo	DC	xã Trung Hóa	H. Minh Hóa	17° 46' 25"	105° 55' 59"					E-48-56-B
thôn Liêm Hoá 1	DC	xã Trung Hóa	H. Minh Hóa	17° 44' 47"	105° 57' 24"					E-48-56-D, E-48-56-C
thôn Liêm Hoá 2	DC	xã Trung Hóa	H. Minh Hóa	17° 44' 28"	105° 57' 16"					E-48-56-D, E-48-56-C
sông Nước Cái	TV	xã Trung Hóa	H. Minh Hóa			17° 43' 04"	105° 57' 29"	17° 44' 58"	105° 58' 41"	E-48-56-D, E-48-56-C
sông Rào Nan	TV	xã Trung Hóa	H. Minh Hóa			17° 44' 58"	105° 58' 41"	17° 43' 39"	106° 25' 06"	E-48-56-D, E-48-56-C
thôn Thanh Liêm 1	DC	xã Trung Hóa	H. Minh Hóa	17° 44' 21"	105° 59' 58"					E-48-56-D, E-48-56-C
thôn Thanh Liêm 2	DC	xã Trung Hóa	H. Minh Hóa	17° 44' 28"	105° 59' 15"					E-48-56-D, E-48-56-C
thôn Tiền Phong 1	DC	xã Trung Hóa	H. Minh Hóa	17° 44' 00"	105° 57' 25"					E-48-56-D, E-48-56-C
thôn Tiền Phong 2	DC	xã Trung Hóa	H. Minh Hóa	17° 44' 21"	105° 58' 43"					E-48-56-D, E-48-56-C
Núi Tò	SV	xã Trung Hóa	H. Minh Hóa	17° 43' 27"	106° 05' 16"					E-48-57-C
thôn Yên Phú	DC	xã Trung Hóa	H. Minh Hóa	17° 44' 24"	105° 56' 21"					E-48-56-D, E-48-56-C
hồ Ba Nương	TV	xã Xuân Hóa	H. Minh Hóa	17° 47' 28"	105° 57' 30"					E-48-56-B
suối Ba Nương	TV	xã Xuân Hóa	H. Minh Hóa			17° 50' 03"	105° 54' 38"	17° 47' 48"	105° 56' 55"	E-48-56-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Ba Nương	DC	xã Xuân Hóa	H. Minh Hóa	17° 48' 45"	105° 56' 05"					E-48-56-B
khe Bản Chuối	TV	xã Xuân Hóa	H. Minh Hóa			17° 51' 37"	105° 54' 01"	17° 47' 59"	105° 56' 16"	E-48-56-B
núi Bồ Đề	SV	xã Xuân Hóa	H. Minh Hóa	17° 50' 17"	105° 56' 03"					E-48-56-B
Khe Búng	TV	xã Xuân Hóa	H. Minh Hóa			17° 50' 08"	105° 56' 25"	17° 50' 13"	105° 57' 26"	E-48-56-B
thôn Cầu Lợi 1	DC	xã Xuân Hóa	H. Minh Hóa	17° 48' 21"	105° 57' 06"					E-48-56-B
thôn Cầu Lợi 2	DC	xã Xuân Hóa	H. Minh Hóa	17° 48' 42"	105° 57' 23"					E-48-56-B
núi Cây Bứa	SV	xã Xuân Hóa	H. Minh Hóa	17° 50' 25"	105° 56' 32"					E-48-56-B
thôn Cây Da	DC	xã Xuân Hóa	H. Minh Hóa	17° 48' 11"	105° 56' 33"					E-48-56-B
thôn Cây Dầu	DC	xã Xuân Hóa	H. Minh Hóa	17° 48' 21"	105° 56' 30"					E-48-56-B
núi Cồn Cao	SV	xã Xuân Hóa	H. Minh Hóa	17° 46' 37"	105° 56' 47"					E-48-56-B
núi Động Ải	SV	xã Xuân Hóa	H. Minh Hóa	17° 48' 05"	105° 55' 13"					E-48-56-B
núi Đông Quạn	SV	xã Xuân Hóa	H. Minh Hóa	17° 51' 11"	105° 53' 37"					E-48-56-B
Lèn Hung	SV	xã Xuân Hóa	H. Minh Hóa	17° 49' 31"	105° 56' 57"					E-48-56-B
eo Mạ Ngó	SV	xã Xuân Hóa	H. Minh Hóa	17° 50' 40"	105° 56' 11"					E-48-56-B
thôn Minh Xuân	DC	xã Xuân Hóa	H. Minh Hóa	17° 49' 35"	105° 55' 22"					E-48-56-B
thôn Quy Hợp 2	DC	xã Xuân Hóa	H. Minh Hóa	17° 48' 12"	105° 57' 27"					E-48-56-B
thôn Quy Hợp 3	DC	xã Xuân Hóa	H. Minh Hóa	17° 48' 01"	105° 57' 22"					E-48-56-B
Khe Rúc	TV	xã Xuân Hóa	H. Minh Hóa			17° 51' 37"	105° 54' 01"	17° 47' 59"	105° 56' 16"	E-48-56-B
thôn Tân Xuân	DC	xã Xuân Hóa	H. Minh Hóa	17° 49' 15"	105° 56' 29"					E-48-56-B
quốc lộ 12A	KX	xã Yên Hóa	H. Minh Hóa			17° 45' 09"	106° 26' 24"	17° 40' 22"	105° 45' 48"	E-48-56-B, E-48-57-A
Khe Bạ	TV	xã Yên Hóa	H. Minh Hóa			17° 49' 25"	105° 59' 38"	17° 48' 57"	105° 58' 28"	E-48-56-B
Khe Búng	TV	xã Yên Hóa	H. Minh Hóa			17° 50' 08"	105° 56' 25"	17° 50' 13"	105° 57' 26"	E-48-56-B
núi Búng	SV	xã Yên Hóa	H. Minh Hóa	17° 51' 07"	105° 58' 07"					E-48-56-B
suối Cầu Búng	TV	xã Yên Hóa	H. Minh Hóa			17° 50' 10"	105° 57' 55"	17° 50' 27"	105° 58' 11"	E-48-56-B
núi Cây Bứa	SV	xã Yên Hóa	H. Minh Hóa	17° 50' 25"	105° 56' 32"					E-48-56-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khe Cúi	TV	xã Yên Hóa	H. Minh Hóa			17° 49' 14"	106° 00' 51"	17° 50' 28"	105° 58' 11"	E-48-56-B, E-48-57-A
Lèn Hung	SV	xã Yên Hóa	H. Minh Hóa	17° 49' 31"	105° 56' 57"					E-48-56-B
thôn Kiều Tiến	DC	xã Yên Hóa	H. Minh Hóa	17° 50' 41"	105° 57' 20"					E-48-56-B
eo Mạ Ngó	SV	xã Yên Hóa	H. Minh Hóa	17° 50' 40"	105° 56' 11"					E-48-56-B
lèn Ong Ngoi	SV	xã Yên Hóa	H. Minh Hóa	17° 51' 09"	105° 57' 04"					E-48-56-B
Khe Roòn	TV	xã Yên Hóa	H. Minh Hóa			17° 50' 28"	105° 58' 11"	17° 52' 50"	105° 56' 23"	E-48-56-B
thôn Tân Lợi	DC	xã Yên Hóa	H. Minh Hóa	17° 50' 09"	105° 57' 32"					E-48-56-B
thôn Tân Sơn	DC	xã Yên Hóa	H. Minh Hóa	17° 51' 02"	105° 56' 24"					E-48-56-B
thôn Tân Tiến	DC	xã Yên Hóa	H. Minh Hóa	17° 50' 26"	105° 57' 01"					E-48-56-B
thôn Yên Bình	DC	xã Yên Hóa	H. Minh Hóa	17° 49' 23"	105° 59' 06"					E-48-56-B
thôn Yên Định	DC	xã Yên Hóa	H. Minh Hóa	17° 49' 32"	105° 58' 24"					E-48-56-B
thôn Yên Nhất	DC	xã Yên Hóa	H. Minh Hóa	17° 49' 12"	105° 58' 34"					E-48-56-B
thôn Yên Thắng	DC	xã Yên Hóa	H. Minh Hóa	17° 49' 32"	105° 57' 44"					E-48-56-B
tiểu khu 1	DC	TT. Quán Hàu	H. Quảng Ninh	17° 24' 54"	106° 38' 32"					E-48-70-A-b
tiểu khu 2	DC	TT. Quán Hàu	H. Quảng Ninh	17° 24' 36"	106° 38' 36"					E-48-70-A-b
tiểu khu 3	DC	TT. Quán Hàu	H. Quảng Ninh	17° 24' 26"	106° 38' 25"					E-48-70-A-b
tiểu khu 4	DC	TT. Quán Hàu	H. Quảng Ninh	17° 24' 22"	106° 38' 13"					E-48-70-A-b
tiểu khu 5	DC	TT. Quán Hàu	H. Quảng Ninh	17° 24' 15"	106° 38' 08"					E-48-70-A-b
tiểu khu 6	DC	TT. Quán Hàu	H. Quảng Ninh	17° 24' 10"	106° 37' 44"					E-48-70-A-a
tiểu khu 7	DC	TT. Quán Hàu	H. Quảng Ninh	17° 24' 03"	106° 37' 32"					E-48-70-A-a
quốc lộ 1A	KX	TT. Quán Hàu	H. Quảng Ninh			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-a
đường tỉnh 569B	KX	TT. Quán Hàu	H. Quảng Ninh			17° 24' 09"	106° 38' 11"	17° 23' 05"	106° 36' 44"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Nhật Lệ	TV	TT. Quán Hàu	H. Quảng Ninh			17° 20' 59"	106° 38' 16"	17° 29' 16"	106° 37' 40"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-a
cầu Quán Hàu	KX	TT. Quán Hàu	H. Quảng Ninh	17° 23' 58"	106° 38' 19"					E-48-70-A-b
quốc lộ 15	KX	xã An Ninh	H. Quảng Ninh			18° 01' 47"	105° 51' 29"	17° 13' 46"	106° 41' 53"	E-48-70-A-d
thôn Cao Xuân	DC	xã An Ninh	H. Quảng Ninh	17° 18' 18"	106° 39' 19"					E-48-70-A-d
thôn Đại Hữu	DC	xã An Ninh	H. Quảng Ninh	17° 18' 39"	106° 39' 24"					E-48-70-A-d
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Đông	KX	xã An Ninh	H. Quảng Ninh			18° 03' 50"	105° 49' 27"	17° 04' 40"	106° 51' 35"	E-48-70-A-d
thôn Hoành Vinh	DC	xã An Ninh	H. Quảng Ninh	17° 18' 50"	106° 40' 06"					E-48-70-A-d
thôn Kim Nại	DC	xã An Ninh	H. Quảng Ninh	17° 17' 31"	106° 38' 55"					E-48-70-A-d
thôn Phúc Nhĩ	DC	xã An Ninh	H. Quảng Ninh	17° 17' 48"	106° 39' 11"					E-48-70-A-d
thôn Thống Nhất	DC	xã An Ninh	H. Quảng Ninh	17° 18' 03"	106° 39' 48"					E-48-70-A-d
thôn Thu Thừ	DC	xã An Ninh	H. Quảng Ninh	17° 16' 54"	106° 39' 06"					E-48-70-A-d
thôn Hiền Lộc	DC	xã Duy Ninh	H. Quảng Ninh	17° 21' 52"	106° 39' 46"					E-48-70-A-d
thôn Hiền Vinh	DC	xã Duy Ninh	H. Quảng Ninh	17° 21' 18"	106° 40' 00"					E-48-70-A-d
sông Kiến Giang	TV	xã Duy Ninh	H. Quảng Ninh			17° 06' 08"	106° 44' 50"	17° 20' 59"	106° 38' 16"	E-48-70-A-d
thôn Phú Ninh	DC	xã Duy Ninh	H. Quảng Ninh	17° 21' 03"	106° 38' 46"					E-48-70-A-d
thôn Phú Vinh	DC	xã Duy Ninh	H. Quảng Ninh	17° 21' 10"	106° 39' 40"					E-48-70-A-d
thôn Tả Phan	DC	xã Duy Ninh	H. Quảng Ninh	17° 22' 15"	106° 39' 39"					E-48-70-A-b
thôn Trung Quán	DC	xã Duy Ninh	H. Quảng Ninh	17° 21' 00"	106° 39' 08"					E-48-70-A-d
quốc lộ 1A	KX	xã Gia Ninh	H. Quảng Ninh			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-d
thôn Bắc Ngủ	DC	xã Gia Ninh	H. Quảng Ninh	17° 19' 53"	106° 42' 13"					E-48-70-A-d
thôn Bình An	DC	xã Gia Ninh	H. Quảng Ninh	17° 19' 06"	106° 43' 04"					E-48-70-A-d
thôn Đắc Thắng	DC	xã Gia Ninh	H. Quảng Ninh	17° 18' 56"	106° 43' 19"					E-48-70-A-d
thôn Dinh Mười	DC	xã Gia Ninh	H. Quảng Ninh	17° 21' 33"	106° 40' 48"					E-48-70-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khe Dinh Thủy	TV	xã Gia Ninh	H. Quảng Ninh			17° 22' 06"	106° 41' 29"	17° 22' 35"	106° 40' 09"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-d
phá Hạc Hải	TV	xã Gia Ninh	H. Quảng Ninh	17° 17' 28"	106° 43' 25"					E-48-70-A-d
sông Kiến Giang	TV	xã Gia Ninh	H. Quảng Ninh			17° 06' 08"	106° 44' 50"	17° 20' 59"	106° 38' 16"	E-48-70-A-d
thôn Phú Lộc	DC	xã Gia Ninh	H. Quảng Ninh	17° 20' 45"	106° 41' 36"					E-48-70-A-d
thôn Tiền Vinh	DC	xã Gia Ninh	H. Quảng Ninh	17° 21' 07"	106° 41' 17"					E-48-70-A-d
thôn Trường An	DC	xã Gia Ninh	H. Quảng Ninh	17° 19' 21"	106° 42' 53"					E-48-70-A-d
đường tỉnh 569	KX	xã Hải Ninh	H. Quảng Ninh			17° 28' 33"	106° 38' 02"	17° 14' 26"	106° 53' 03"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-d, E-48-70-B-c
Khe Cau	TV	xã Hải Ninh	H. Quảng Ninh			17° 17' 49"	106° 47' 03"	17° 18' 17"	106° 48' 16"	E-48-70-B-c
thôn Cửa Thôn	DC	xã Hải Ninh	H. Quảng Ninh	17° 21' 22"	106° 44' 25"					E-48-70-A-d
thôn Hiền Trung	DC	xã Hải Ninh	H. Quảng Ninh	17° 22' 05"	106° 43' 44"					E-48-70-A-d
thôn Tân Định	DC	xã Hải Ninh	H. Quảng Ninh	17° 22' 36"	106° 43' 12"					E-48-70-A-b
thôn Tân Hải	DC	xã Hải Ninh	H. Quảng Ninh	17° 21' 03"	106° 44' 44"					E-48-70-A-d
thôn Xuân Hải	DC	xã Hải Ninh	H. Quảng Ninh	17° 21' 35"	106° 44' 14"					E-48-70-A-d
quốc lộ 15	KX	xã Hàm Ninh	H. Quảng Ninh			18° 01' 47"	105° 51' 29"	17° 13' 46"	106° 41' 53"	E-48-70-A-c
thôn Hà Kiên	DC	xã Hàm Ninh	H. Quảng Ninh	17° 21' 16"	106° 37' 31"					E-48-70-A-d
thôn Hàm Hòa	DC	xã Hàm Ninh	H. Quảng Ninh	17° 22' 29"	106° 38' 52"					E-48-70-A-b
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Đông	KX	xã Hàm Ninh	H. Quảng Ninh			17° 39' 50"	106° 14' 59"	17° 03' 06"	106° 52' 12"	E-48-70-A-c, E-48-70-A-d, E-48-70-A-a
sông Kiến Giang	TV	xã Hàm Ninh	H. Quảng Ninh			17° 06' 08"	106° 44' 50"	17° 20' 59"	106° 38' 16"	E-48-70-A-d
sông Nhật Lệ	TV	xã Hàm Ninh	H. Quảng Ninh			17° 20' 59"	106° 38' 16"	17° 29' 16"	106° 37' 40"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-c, E-48-70-A-d, E-48-70-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Quyết Tiến	DC	xã Hàm Ninh	H. Quảng Ninh	17° 21' 48"	106° 37' 56"					E-48-70-A-d
thôn Trần Xá	DC	xã Hàm Ninh	H. Quảng Ninh	17° 21' 13"	106° 38' 15"					E-48-70-A-d
hồ Trúc Ly	TV	xã Hàm Ninh	H. Quảng Ninh	17° 23' 09"	106° 38' 25"					E-48-70-A-b
thôn Trường Niên	DC	xã Hàm Ninh	H. Quảng Ninh	17° 22' 25"	106° 37' 52"					E-48-70-A-d
quốc lộ 15	KX	xã Hiền Ninh	H. Quảng Ninh			18° 01' 47"	105° 51' 29"	17° 13' 46"	106° 41' 53"	E-48-70-A-c, E-48-70-A-d
thôn Bắc Cổ Hiền	DC	xã Hiền Ninh	H. Quảng Ninh	17° 20' 11"	106° 38' 44"					E-48-70-A-d
thôn Đông Cổ Hiền	DC	xã Hiền Ninh	H. Quảng Ninh	17° 20' 36"	106° 39' 05"					E-48-70-A-d
thôn Đồng Tư	DC	xã Hiền Ninh	H. Quảng Ninh	17° 19' 48"	106° 38' 35"					E-48-70-A-d
đường Hồ Chí Minh nhánh phía Đông	KX	xã Hiền Ninh	H. Quảng Ninh			17° 39' 50"	106° 14' 59"	17° 03' 06"	106° 52' 12"	E-48-70-A-c, E-48-70-A-d
Di tích lịch sử Hội trường Bộ Tư lệnh	KX	xã Hiền Ninh	H. Quảng Ninh	17° 20' 42"	106° 39' 16"					E-48-70-A-d
sông Kiến Giang	TV	xã Hiền Ninh	H. Quảng Ninh			17° 06' 08"	106° 44' 50"	17° 20' 59"	106° 38' 16"	E-48-70-A-d
phà Long Đại	KX	xã Hiền Ninh	H. Quảng Ninh	17° 20' 11"	106° 38' 27"					E-48-70-A-d
sông Long Đại	TV	xã Hiền Ninh	H. Quảng Ninh			17° 02' 01"	106° 39' 47"	17° 20' 59"	106° 38' 16"	E-48-70-A-c, E-48-70-A-d
thôn Long Đại	DC	xã Hiền Ninh	H. Quảng Ninh	17° 19' 52"	106° 37' 59"					E-48-70-A-c
thôn Nam Cổ Hiền	DC	xã Hiền Ninh	H. Quảng Ninh	17° 20' 06"	106° 38' 55"					E-48-70-A-d
sông Nhật Lệ	TV	xã Hiền Ninh	H. Quảng Ninh			17° 20' 59"	106° 38' 16"	17° 29' 16"	106° 37' 40"	E-48-70-A-c, E-48-70-A-d
thôn Tân Hiền	DC	xã Hiền Ninh	H. Quảng Ninh	17° 20' 03"	106° 38' 53"					E-48-70-A-d
thôn Tây Cổ Hiền	DC	xã Hiền Ninh	H. Quảng Ninh	17° 20' 11"	106° 38' 58"					E-48-70-A-d
đò Trung Quán	KX	xã Hiền Ninh	H. Quảng Ninh	17° 20' 53"	106° 39' 22"					E-48-70-A-d
thôn Trường Dục	DC	xã Hiền Ninh	H. Quảng Ninh	17° 19' 48"	106° 39' 11"					E-48-70-A-d
quốc lộ 1A	KX	xã Lương Ninh	H. Quảng Ninh			17° 57' 24"	106° 27' 47"	17° 07' 44"	106° 57' 21"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lương Yến	DC	xã Lương Ninh	H. Quảng Ninh	17° 25' 30"	106° 38' 12"					E-48-70-A-b
sông Lũy Thầy	TV	xã Lương Ninh	H. Quảng Ninh			17° 25' 32"	106° 35' 45"	17° 27' 48"	106° 37' 35"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-a
sông Nhật Lệ	TV	xã Lương Ninh	H. Quảng Ninh			17° 20' 59"	106° 38' 16"	17° 29' 16"	106° 37' 40"	E-48-70-A-b, E-48-70-A-a
thôn Phú Cát	DC	xã Lương Ninh	H. Quảng Ninh	17° 25' 09"	106° 38' 58"					E-48-70-A-b
thôn Văn La	DC	xã Lương Ninh	H. Quảng Ninh	17° 24' 47"	106° 38' 17"					E-48-70-A-b
thôn Hòa Bình	DC	xã Tân Ninh	H. Quảng Ninh	17° 20' 33"	106° 39' 40"					E-48-70-A-d
thôn Hữu Tân	DC	xã Tân Ninh	H. Quảng Ninh	17° 19' 22"	106° 41' 04"					E-48-70-A-d
sông Kiến Giang	TV	xã Tân Ninh	H. Quảng Ninh			17° 06' 08"	106° 44' 50"	17° 20' 59"	106° 38' 16"	E-48-70-A-d
đập Mỹ Trung	KX	xã Tân Ninh	H. Quảng Ninh	17° 20' 24"	106° 41' 40"					E-48-70-A-d
thôn Nguyệt Áng	DC	xã Tân Ninh	H. Quảng Ninh	17° 20' 01"	106° 40' 07"					E-48-70-A-d
thôn Quảng Xá	DC	xã Tân Ninh	H. Quảng Ninh	17° 20' 43"	106° 40' 06"					E-48-70-A-d
thôn Thế Lộc	DC	xã Tân Ninh	H. Quảng Ninh	17° 19' 59"	106° 40' 39"					E-48-70-A-d
đường tỉnh 563	KX	xã Trường Sơn	H. Quảng Ninh			17° 29' 05"	106° 31' 43"	17° 20' 06"	106° 26' 42"	E-48-69-B

(Xem tiếp Công báo số 269 + 270)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng